

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN BA BỂ
1954 - 1975

LIBRARY OF THE
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
1951 - 1952

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

- DƯƠNG VĂN SÔNG - Bí thư Huyện ủy
- MA THẾ KHANH - Phó bí thư Huyện ủy
- HOÀNG THĂNG BẮC - Ủy viên Ban Thường vụ,
Trưởng ban Tuyên giáo
Huyện ủy

BIÊN SOẠN

TS. HOÀNG NGỌC LA

TƯ LIỆU

HOÀNG VĂN PHONG

ẢNH

BAN TUYÊN GIÁO HUYỆN ỦY

HUYỆN ỦY BÀ BÈ
KHUẤT BẢN NĂM 2001

LỜI GIỚI THIỆU

Huyện Ba Bể ngày nay, thời Pháp thuộc gọi là châu Chợ Rã. Từ khi giành được chính quyền cách mạng về tay nhân dân ngày 30-3-1945 cho tới cuối năm 1978 gọi là huyện Chợ Rã. Ngày 29-12-1978, xuất phát từ yêu cầu của sự nghiệp bảo vệ biên cương Tổ quốc phía Bắc đang đặt ra hết sức bức bách, Quốc hội đã quyết định tách huyện Chợ Rã (cả Ngân Sơn) thuộc về tỉnh Cao Bằng. Sau đó đến năm 1984, tên huyện Chợ Rã đổi thành huyện Ba Bể. Kể từ khi tái lập lại tỉnh Bắc Kạn (1997), huyện Ba Bể được trở lại trong địa giới hành chính của tỉnh Bắc Kạn và tiếp tục được gọi là huyện Ba Bể.

Huyện Chợ Rã tức huyện Ba Bể ngày nay đã đi vào lịch sử dân tộc với những trang sử hết sức vẻ vang. Để ghi nhận lịch sử cách mạng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể trong những thời kỳ lịch sử đã qua, năm 1998, Huyện ủy Ba Bể xuất bản cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930-1954)*, cuốn sách được Đảng bộ và nhân dân các dân tộc đón nhận với niềm tự hào về những trang sử hào hùng trong cuộc vận động Cách mạng Tháng Tám vĩ đại và chín năm kháng chiến chống thực dân

Pháp đây hy sinh gian khổ, song hết sức vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể.

Được Tỉnh uỷ quan tâm chỉ đạo việc nghiên cứu biên soạn chặng đường lịch sử tiếp theo của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc, Ban Thường vụ Huyện uỷ quyết định biên soạn cuốn sách *Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1954-1975)* nhằm giới thiệu và khẳng định những thành tích vẻ vang của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ, cứu nước, bảo vệ miền Bắc, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Ban Thường vụ Huyện uỷ rất mong được sự đóng góp ý kiến của các đồng chí cán bộ đảng viên trong Đảng bộ và đồng bào các dân tộc, cùng bạn đọc.

Ba Bể, tháng 5 năm 2001

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY BA BỂ

CHƯƠNG I

ĐẢNG BỘ BA BỂ TRONG THỜI KỲ ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1954-1965)

I. HOÀN THÀNH GIẢM TÔ, KHÔI PHỤC KINH TẾ, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA (1954-1957)

Chiến thắng Điện Biên Phủ, chấn động địa cầu của quân và dân ta kết thúc 9 năm kháng chiến đầy hy sinh, gian khổ của dân tộc. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể cùng đồng bào cả nước hết sức vui mừng chào đón chiến thắng lẫy lừng Điện Biên Phủ, một chiến thắng đã được ghi vào lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc như một mốc son chói lọi. Với thắng lợi này, miền Bắc hoàn toàn giải phóng chuyển sang thực hiện những nhiệm vụ của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, đồng thời ra sức chi viện cho đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh thoát khỏi ách thống trị thực dân mới của đế quốc Mỹ, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Sau khi hòa bình lập lại ở miền Bắc, để tạo điều kiện thuận lợi cho mọi hoạt động, cơ quan Huyện ủy và các cơ quan, đoàn thể khác của huyện lần

lượt chuyển từ vị trí nơi đóng cơ quan trong kháng chiến ra huyện lỵ.

Trong giai đoạn lịch sử mới, từ giữa năm 1954-1957, Đảng bộ Ba Bể từng bước thực hiện những nhiệm vụ mới hết sức quan trọng của cách mạng. Đó là tiếp tục tiến hành công tác phát động quần chúng giảm tô, khôi phục và đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, phát triển văn hóa, giáo dục, củng cố an ninh, quốc phòng...

Từ cuối năm 1949, thực hiện chủ trương của Trung ương, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đảng bộ Ba Bể lãnh đạo cuộc vận động giảm tô 25%, chống cho vay nặng lãi, đến năm 1952, công tác này đã đạt được những thành quả nhất định. Từ năm 1953 đến giữa năm 1954, Ba Bể tiến hành cuộc "phóng tay phát động quần chúng triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức" đã góp phần cải thiện một bước đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nông dân nghèo, đặc biệt trong cuộc vận động này, một số ruộng, soi bãi hoang, vắng chủ hoặc của tay sai phản động bị cách mạng trưng trị được chia cho những người nông dân không có ruộng hoặc ít ruộng, nhất là ở xã Thượng Giáo¹.

1. Xem *Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1930-1954)*, Huyện ủy Ba Bể xuất bản, 1998.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

BẢNG CÔNG NHẬN DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA

Hồ Ba Bể
Huyện Ba Bể
Tỉnh Cao Bằng

HÀ NỘI NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 1996
BỘ TƯ LỆNH QUẢN LÝ VĂN HÓA



Trần Hoàn

Năm 1996, Hồ Ba Bể được Nhà nước
công nhận là di tích lịch sử văn hóa



BAI HOC NHAN DI TICH
LICH SU - VAN BIA

ĐỀ CƯƠNG
LỊCH SỬ - VĂN BIA

ĐỀ CƯƠNG LỊCH SỬ - VĂN BIA
ĐỀ CƯƠNG LỊCH SỬ - VĂN BIA

Từ giữa năm 1954, Ba Bể là một trong những huyện của tỉnh Bắc Kạn, tiếp tục giảm tô đợt 4 theo chủ trương của cấp trên. Cuộc phát động triệt để giảm tô lần này ở Ba Bể được triển khai diện rộng mà Thượng Giáo được coi là trọng điểm, bởi lẽ ở Thượng Giáo tỷ lệ ruộng đất mà địa chủ chiếm 14,7% so với tổng số ruộng đất trong xã¹, là xã có số tô bằng một nửa tổng số tô của 11 xã ở tỉnh Bắc Kạn phát động giảm tô trong đợt này², đồng thời là xã có số tô lớn nhất của huyện Ba Bể.

Trên cơ sở điều tra, xác định địa chủ, tổ chức học tập chủ trương, chính sách phát động quần chúng triệt để giảm tô của Đảng trong nhân dân, bồi dưỡng "khổ chủ", Đội công tác đã tổ chức các buổi đấu tố địa chủ.

Cuộc đấu tranh của nông dân, nhất là các "khổ chủ" (những người bị địa chủ áp bức, bóc lột nặng nề nhất) dưới hình thức đấu tố đã diễn ra hết sức quyết liệt tại các xã Vinh Quang, Bành Trạch và nhất là ở Thượng Giáo... với sự tham gia đông đảo của quần chúng nhân dân các dân tộc. Một số địa

1,2. Báo cáo tình hình xã Thượng Giáo của Đoàn ủy, Đoàn công tác phát động quần chúng tỉnh Bắc Kạn, (Số 39/BC-ĐU) lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.1. Theo Báo cáo này tổng số tô và công lao động tính ra thóc mà địa chủ quyệt của nông dân 11 xã là 182.847 kg.

Xã Vinh Quang (Hà Hưu)

chủ hoang mang lo sợ đã dẫn đến hành động tiêu cực, mặc dù vậy gia đình địa chủ vẫn phải thoái tô, thực hiện các yêu cầu của giảm tô. Phát động quần chúng giảm tô ở Ba Bể chẳng những vạch trần thủ đoạn bóc lột làm giàu của địa chủ, quy định thành phân giai cấp mà còn đấu tranh yêu cầu địa chủ thoái tô ruộng đất mà địa chủ phát canh. Kết quả đấu tranh của nông dân ở bước 4 trong giảm tô (tháng 8-1954), xã Vinh Quang thoái tô đạt 100%, một số xã khác cũng đạt kết quả đáng kể trong đấu tranh, xã Thượng Giáo có số tô 83.572 kg thóc mới thoái tô đạt 53%, cuộc đấu tranh thoái tô sau đó vẫn còn tiếp tục.

Kết thúc công tác phát động quần chúng giảm tô ở Ba Bể, thế lực kinh tế, uy thế chính trị của giai cấp địa chủ căn bản bị đánh đổ. Địa vị của giai cấp nông dân được nâng cao. Tuy nhiên nằm trong bối cảnh chung của công tác giảm tô và cải cách ruộng đất ở miền Bắc, công tác phát động quần chúng triệt để giảm tô ở Ba Bể đã phạm phải những sai lầm nghiêm trọng: vi phạm đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, trong đó không phân biệt đối xử với từng loại địa chủ, không dựa vào tổ chức cũ như cơ sở Đảng, chính quyền và các đoàn thể ở địa phương, nên không sát thực tế tình hình địa phương, mắc chủ nghĩa thành phần và khuynh hướng trùng

phạt, nặng đầu tở, nhẹ giáo dục... sai lầm nghiêm trọng nhất là tiến hành giảm tô, kết hợp với chỉnh đốn tổ chức. Những sai lầm này đã hạn chế đến thắng lợi của công tác giảm tô ở Ba Bể. Đảng ta cũng đã rút ra nguyên nhân sâu xa của những sai lầm trong giảm tô và cải cách ruộng đất ở miền Bắc đó là không nắm vững vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp ở nước ta, không thấy được những biến đổi to lớn của nông thôn miền Bắc sau Cách mạng Tháng Tám, áp dụng máy móc kinh nghiệm nước ngoài vào Việt Nam một cách đơn giản.

Nắm bắt được tình hình sai phạm trong giảm tô và cải cách ruộng đất ở miền Bắc, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 10 chủ trương kiên quyết sửa sai trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức.

Tiến hành sửa sai, Đảng bộ Ba Bể đứng trước nhiều khó khăn, đó là tình hình thiếu cán bộ, vai trò lãnh đạo của một số chi bộ bị giảm sút, đảng viên thiếu đoàn kết, một số đảng viên bi quan, có những biểu hiện tiêu cực, ít tin nhiệm đối với quân chúng, một số ít đảng viên bàng quan với nhiệm vụ, muốn nghỉ ngơi, không muốn va chạm; sự quy sai thành phân giai cấp trong giảm tô và một số trường hợp xử trí sai đối tượng, bị quy oan là phản động, thổ phỉ trong cuộc vận động thành lập Khu tự trị và

cuộc vận động củng cố cơ sở xóa bỏ tàn tích phi
càng làm cho tình hình thêm phức tạp.

Tuy nhiên, tiến hành sửa sai, Đảng bộ vẫn có
những thuận lợi rất căn bản. Cán bộ đảng viên và
nhân dân các dân tộc vẫn có một niềm tin sắt đá ở
Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng suốt lãnh
đạo nhân dân ta làm Cách mạng Tháng Tám thành
công, kháng chiến chống Pháp thắng lợi, nhờ có
Đảng mà đồng bào có một cuộc sống ngày càng ấm
no hạnh phúc, con em các dân tộc được học hành.
Đảng ta kiên quyết sửa sai, có sai có sửa, cán bộ,
đảng viên đã hết sức quan tâm tới lợi ích của quần
chúng, chấp hành chính sách sửa sai của Đảng.
Quần chúng nhân dân nhiều nơi là cơ sở cách mạng,
chỗ dựa của Đảng trong kháng chiến chống Pháp,
chống phi và tay sai phản động, đồng bào có truyền
thống yêu nước, cách mạng, sẵn sàng vượt lên
những khó khăn để cùng Đảng bộ hoàn thành tốt
công tác sửa sai.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn xác định
mục đích, yêu cầu sửa sai theo Nghị quyết Hội nghị
Trung ương Đảng lần thứ 10 của Liên khu Việt Bắc
đề ra là: "Giải quyết từng bước những sai lầm đối
với cán bộ, đảng viên, quần chúng, giải quyết mâu
thuẫn trong Đảng và ngoài nhân dân, những khó
khăn trong đời sống tinh thần và làm ăn của quần
chúng do quá trình giảm tô phạm phải những sai
lầm gây nên nhằm ổn định tình hình căng thẳng

trong nông thôn, đoàn kết trong Đảng, đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh sản xuất, củng cố sự lãnh đạo của Đảng, củng cố chính quyền, củng cố công - nông - binh, mở rộng mặt trận đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc, đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà"¹.

Quán triệt sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể nêu lên nội dung sửa sai chủ yếu là minh oan cho tất cả những cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân bị quy sai thành phần, tăng cường đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, bảo đảm các quyền tự do và làm chủ của nhân dân, sửa chữa những sai phạm đến các hội phe, hội phường, để nhân dân giúp nhau trong ma chay, cưới xin và làm nhà. Trong khi tiến hành Ban Chấp hành Đảng bộ huyện một mặt coi công tác sửa sai là nhiệm vụ trọng tâm, đòi hỏi ở mỗi cán bộ, đảng viên phải nắm vững chính sách sửa sai và chính sách dân tộc của Đảng, phải cảnh giác với mọi âm mưu, thủ đoạn phá hoại của kẻ thù lợi dụng những mâu thuẫn trong nhân dân, dân tộc kích động các phần tử bất mãn gây rối loạn trị an xã hội, mặt khác kết hợp công tác sửa sai với việc thực hiện các công tác thường xuyên, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện một

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, *Kế hoạch sửa chữa sai lầm của tỉnh Bắc Kạn*, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.2.

bước đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân.

Thực hiện từ tháng 11 năm 1956 đến cuối năm 1957 Ba Bể căn bản hoàn thành công tác sửa sai ở 11 xã đã qua giảm tô kể cả việc sửa chữa các trường hợp bị xử lý sai (bị quy kết là phản động và thổ phỉ). Ngay từ buổi họp đầu tiên ở 15 xã, có mặt đầy đủ 260 đại biểu đại diện cho các giới, các ngành để nghe phổ biến chính sách sửa sai của Đảng, sau đó các đại biểu về địa phương làm hạt nhân cho công tác tuyên truyền, giáo dục, cùng cán bộ sửa sai thực hiện kế hoạch. Nhờ cán bộ sửa sai đi sâu, đi sát trong quần chúng nhân dân, lại biết dựa vào các đồng chí cán bộ cơ sở và những người có uy tín trong nhân dân để tổ chức học tập thuyết phục quần chúng, nên sửa sai ở Ba Bể đã sớm tạo được sự ổn định tình hình chính trị, tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc.

Kết quả sửa sai đã xóa bỏ sự quy sai thành phần hàng chục địa chủ, toàn huyện chỉ còn 7 địa chủ. Số ruộng đất do 7 địa chủ chiếm hữu là 337 bung cùng với số diện tích soi bãi đủ gieo 427 ống ngô hạt tương đương khoảng 100 ha được đem tạm cấp cho nông dân nghèo không có hoặc có ít ruộng đất, cho tới cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ, chính quyền địa

phương chính thức giao quyền sử dụng lâu dài cho các đối tượng được cấp là 317 bung cùng với khoảng 84% diện tích soi bãi nói trên¹. Hoàn thành giảm tô và sửa sai ở Ba Bể là một thắng lợi hết sức quan trọng của cuộc vận động cách mạng ruộng đất ở Ba Bể. Với thắng lợi này đã xóa bỏ quyền chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến, xác lập quyền sở hữu ruộng đất của nông dân lao động, mục tiêu "người cày có ruộng" đã được thực hiện. Tiến hành sửa sai đã trả lại tự do cho 16 người mà trước đây bị quy là địa chủ, cường hào gian ác, thổ phỉ, phản động nên bị bắt giam². Một số trường hợp do bị quy sai thành phân, bị tịch thu tài sản đã được trả lại theo chính sách nhằm bảo đảm quyền lợi và cuộc sống bình thường cho họ. Sửa sai đã xóa đi mặc cảm, tăng cường hiểu biết, tạo bầu không khí đoàn kết trong nhân dân và các dân tộc, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ổn định, chính quyền được củng cố.

Về phía Đảng bộ, ngay từ khi triển khai sửa sai, Huyện ủy đã mở đợt học tập, thẩm nhuận chính sách sửa sai của Đảng cho 14 chi bộ bao gồm 177

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tổng kết công tác hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.11.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tình hình công tác trong năm 1957, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.12.

đảng viên. Qua nhiều buổi học tập nâng cao nhận thức, đấu tranh tự phê bình và phê bình, các chi bộ đã giải quyết những vướng mắc về tư tưởng, tạo được sự nhất trí cao, tán thành chủ trương, chính sách sửa sai đúng đắn của Đảng, tăng cường đoàn kết trong Đảng bộ, tổ chức Đảng được củng cố một bước.

Căn cứ vào việc bị quy sai thành phần mà mất đảng tịch, thái độ chính trị và phẩm chất đạo đức của đảng viên, căn cứ vào Điều lệ Đảng quy định, Đảng bộ huyện đã phục hồi 37 đảng viên trong số 48 đảng viên bị khai trừ¹.

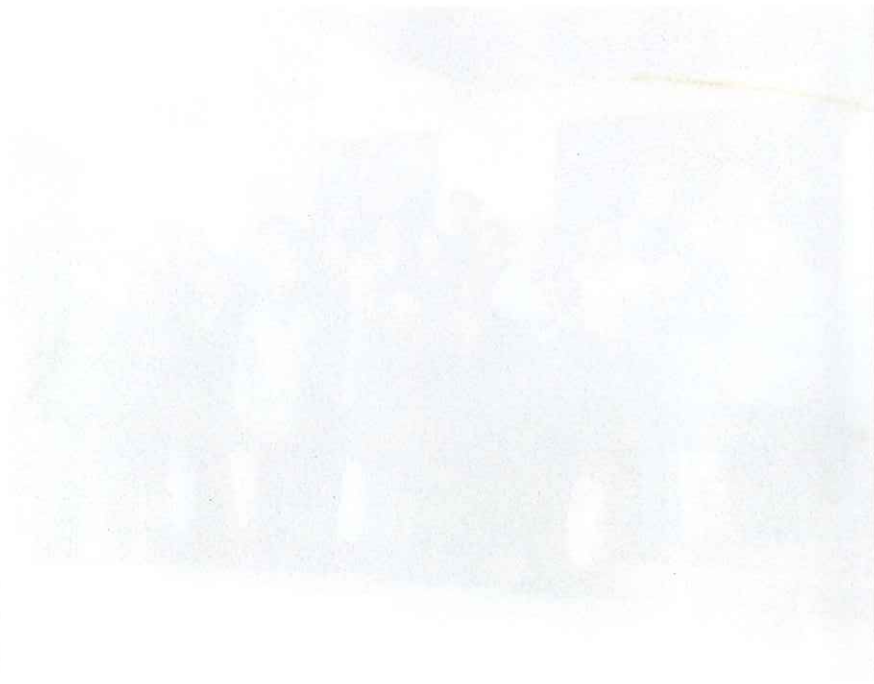
Về tổ chức Đảng, cho tới đầu năm 1957, 16 chi bộ xã với 317 đảng viên đã tiến hành đại hội chi bộ bầu Ban chi ủy mới². Một số đồng chí vốn trong cấp ủy bị xử trí sai, chẳng những được phục hồi đảng tịch mà còn được đại hội tín nhiệm bầu vào cấp ủy, có đồng chí làm Bí thư chi bộ, có đồng chí là chi ủy viên làm Chủ tịch xã. Với một tinh thần phấn khởi, tin tưởng các đồng chí vừa được phục hồi Đảng đã hứa làm tròn trách nhiệm của mình đối với Đảng và

1. Giảm tô xử trí 32, phục hồi 25 đồng chí (2 Bí thư, 1 Phó bí thư, 3 chi ủy viên), vận động thành lập Khu tự trị: xử trí 13, phục hồi 11 đồng chí; xóa bỏ cơ sở phi: xử trí 3, phục hồi 1 đồng chí - Báo cáo tình hình mọi mặt công tác năm 1956 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.19.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tình hình sửa sai bước 2, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.11.



Các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng của
huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn



Very faint, illegible text, possibly a caption or description of the photograph above.

Small, illegible text or markings located in the bottom right corner of the page.

nhân dân. Trong quá trình tiến hành sửa sai, Huyện ủy vẫn lãnh đạo các chi bộ đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, kết nạp những quần chúng tiêu biểu vào đội ngũ Đảng. Có thêm đảng viên, Huyện ủy đã tách hai chi bộ ghép thành hai chi bộ độc lập là chi bộ Việt Xô (tức Giáo Hiệu) và chi bộ Liên Minh (tức Xuân La). Toàn Đảng bộ đến tháng 3-1957 có 18 chi bộ nông thôn và một chi bộ cơ quan, Đảng bộ được kiện toàn về tổ chức, cả Bí thư và chi ủy viên có 64 đồng chí¹.

Đồng thời với việc hoàn thành giảm tô và sửa sai, Đảng bộ Ba Bể lãnh đạo nhân dân thực hiện kế hoạch ba năm khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa (1955-1957). Do hậu quả chiến tranh, nhiều làng bản tiêu điều xơ xác, một số ruộng rẫy, soi bãi bị bỏ hoang, phố xá bị phá hủy, trục đường giao thông chính nối liền Ba Bể với Phủ Thông và thị xã Bắc Kạn bị phá hoại trong chiến tranh và do mưa lũ, giao lưu buôn bán bị trở ngại, hàng hóa phục vụ đời sống trở nên khan hiếm, giá cả tăng vọt, càng gây thêm khó khăn cho sinh hoạt của các tầng lớp nhân dân. Do hậu quả chiến tranh và thiên tai mất mùa, một bộ phận nông dân rơi vào tình trạng đói và thiếu ăn.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tình hình tổ chức 3 tháng đầu năm 1957, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr. 1.

Trước tình hình đó, Đảng bộ đã kịp thời lãnh đạo phong trào đẩy mạnh sản xuất lương thực, nhằm khắc phục nạn đói đang diễn ra. Chủ trương của Huyện ủy là đẩy mạnh phát triển lúa Nam Ninh và lúa chiêm. Vụ đông - xuân 1954-1955, 10 xã trong huyện đã hưởng ứng cuộc vận động này. Phong trào cày ải, làm chuồng trâu, gom phân, chuyển phân xuống ruộng có nhiều tiến bộ đã góp phần nâng cao năng suất, sản lượng lương thực. Bốn xã trong huyện có soi bãi rộng, hướng của Huyện ủy trong năm 1955 là đẩy mạnh trồng ngô. Do thời tiết thuận lợi, không bị ngập lụt, ngô được mùa thu hoạch 55.456 gánh, tương đương trên 1.660 tấn. Các hoa màu khác như khoai, sắn, đỗ các loại cho thu hoạch khá.

Nhờ những cố gắng trong sản xuất, tăng thêm nguồn lương thực, Ba Bể đẩy lùi được nạn đói trong đại bộ phận nhân dân vào lúc giáp hạt. Với các hộ ở Bản Đính, Nà Nhoi, Hin Gié (Thượng Giáo) và đồng bào Dao, H'Mông ở Cao Thượng bị đói và rách trầm trọng nhất, Huyện ủy một mặt tập trung mọi khả năng giải quyết về lương thực, vải, quần áo hỗ trợ đồng bào, mặt khác động viên đồng bào các dân tộc nêu cao tinh thần tương thân, tương ái "lá lành đùm lá rách" giúp đỡ nhau khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản xuất.

Từ thắng lợi của vụ trước, vụ đông-xuân 1955-1956, phong trào trồng lúa chiêm và lúa Nam Ninh phát triển rộng trong 19 xã với diện tích 3.608 bung, tăng 12,75% kế hoạch, sản lượng đạt 811.700 kg¹. Kể từ đây, sản xuất hai vụ trở thành yêu cầu và giữ vai trò quan trọng trong đời sống của đồng bào.

Sản xuất đổi công ở Ba Bể sớm được xây dựng, năm 1954, toàn huyện có 369 tổ với 3.612 lao động. Được Huyện ủy quan tâm chỉ đạo, đến năm 1956, số tổ tăng 30,6%, số lao động tăng gần 105%, những năm sau, phong trào đổi công tiếp tục phát triển theo chiều sâu (đổi công thường xuyên có ghi công chấm điểm) và rộng khắp.

Phong trào đổi công chẳng những bảo đảm sản xuất kịp thời vụ mà còn tạo nên sức mạnh trong sản xuất, khắc phục thiên tai. Sản xuất vụ mùa năm 1955, do hạn hán kéo dài trên diện rộng, dẫu khâu thủy lợi có nhiều cố gắng, song Ba Bể vẫn phải bỏ hoang mất 1.282 bung, toàn huyện mới cấy được 19.753 bung, đã ảnh hưởng lớn đến đời sống của đồng bào. Trước tình hình đó, sang năm 1956, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tăng cường chỉ đạo các tổ đổi công sản xuất và trong nhân dân đẩy mạnh

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tình hình công tác mọi mặt năm 1956, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.13.

hơn nữa công tác thủy lợi, sửa chữa trên 600 mương phai cũ, làm hơn 50 mương phai mới, sửa chữa 20 cọn nước... Do tăng thêm nguồn nước tưới, số ruộng bỏ hoang bị thu hẹp, toàn huyện cấy được 20.575 bung, đạt 97,3% kế hoạch. Năm 1957, trên cơ sở thủy lợi bảo đảm, đồng bào đã khai hoang, phục hóa được thêm trên 100 bung, nâng diện tích cấy vụ mùa lên 20.689 bung, đạt kế hoạch tỉnh giao.

Ngoài thủy lợi, với phong trào đổi công, các hộ đã vận chuyển được khối lượng lớn phân bón xuống ruộng, thu hẹp diện tích cấy chay, tính riêng năm 1957, lượng phân bón cho mạ và lúa đạt 161.691 gánh, tương đương 485.073 kg. Các khâu kỹ thuật từ gieo mạ, cấy dày, nhỏ đánh đến dùng công cụ cải tiến: cày 51, bừa cỏ Nghệ An... được áp dụng rộng rãi nên lúa vụ đông - xuân và vụ mùa phát triển tốt. Song, rất tiếc, hai năm liền (1956-1957), nhiều cánh đồng lúa bị sâu bọ phá hoại nặng, riêng năm 1956, sâu cắn lúa trên diện tích 3.309 bung, nặng nhất là xã Cao Thượng mất trắng 130 bung. Huyện ủy đã kịp thời lãnh đạo các cơ sở huy động 9.200 lao động thuộc các lứa tuổi, tiến hành hơn 14.100 công, diệt gần 7 tấn sâu, cứu được 3.085 bung lúa.

Do sâu bọ phá hoại và một số chân ruộng bị hạn vào lúc lúa trở bông, nên đã ảnh hưởng đến năng suất và sản lượng lương thực. Sản lượng thóc (lúa nước) hai vụ năm 1956 đạt hơn 6.200 tấn, năm 1957

tăng 6,4% song so với nhu cầu và kế hoạch vẫn chưa đạt, khiến một số hộ vùng thấp, năm 1957, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, thiếu ăn lúc giáp hạt, huyện phải xuất kho hơn 10 tấn thóc để cứu đói cho đồng bào.

Trong khôi phục kinh tế, ngoài sản xuất lương thực được coi là khâu chính, Đảng bộ Ba Bể còn lãnh đạo nhân dân các dân tộc phát huy thế mạnh miền núi đẩy mạnh chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc. Nhờ những cố gắng trong chăn nuôi: làm chuồng trâu, chăm sóc trâu, bò mùa rét... đã hạn chế số trâu, bò bị chết do dịch bệnh, chết rét... năm 1955, đàn nghé mới đẻ là 749 con, nuôi đạt tỷ lệ sống 81,3%, đó là một tiến bộ. Cuối năm 1956 đầu năm 1957, Ba Bể có đàn trâu hơn 6.790 con, 670 con bò và 196 con ngựa. Nhìn chung chăn nuôi trâu, bò, ngựa ở Ba Bể chưa tương ứng với tiềm năng, chăn nuôi lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng... khá phát triển, song vẫn mang tính chất tự túc, tự cấp là chính.

Ngoài trồng trọt và chăn nuôi, đồng bào các dân tộc thường ngày hay từng mùa tìm cách khai thác các nguồn lâm thổ sản như gỗ, trúc, vầu, sa nhân, nấm hương, mộc nhĩ... phục vụ nhu cầu địa phương, đời sống gia đình và góp phần cho xuất khẩu.

Trên cơ sở kinh tế phục hồi, có mặt phát triển, đời sống căn bản ổn định, trong những năm 1955-

1957, mỗi năm đồng bào các dân tộc nộp vào kho Nhà nước gần 630 tấn thóc thuế, đạt và vượt mức kế hoạch trên giao.

Các ngành tài chính, ngân hàng, mạng lưới thương nghiệp có nhiều cố gắng trong việc phục vụ sản xuất và đời sống của đồng bào. Riêng về thương nghiệp, ngoài các cửa hàng Nhà nước còn có các hợp tác xã mua bán ở huyện lỵ, Pù Mát và Chợ Lèng (Quảng Khê), cho tới năm 1957, toàn huyện có 1.441 xã viên, 1.582 cổ phần, mặc dầu doanh số không lớn, song các hợp tác xã đã bảo đảm bán các mặt hàng thiết yếu: dầu hỏa thắp sáng, muối ăn, tư liệu sản xuất... cho đồng bào, đồng thời góp phần bình ổn giá cả.

Để phục vụ nhu cầu sản xuất, đời sống, Ba Bể đẩy mạnh phát triển thủ công nghiệp, ngoài các lò gạch, lò ngói ở các xã mà nhiều nhất là ở Mẫu Ninh, còn có các lò rèn ở Quảng Khê, huyện lỵ Ba Bể và Đại Đồng đã làm được các công cụ sản xuất, đánh cá. Các xã Mẫu Ninh, Thượng Giáo, Đại Đồng, Quảng Khê, Bành Trạch phát triển "máy" ép mía. Đồng bào ở các xã Mẫu Ninh, Việt Hùng, Hưng Đạo còn góp chung vốn mua và sửa chữa máy bặt bông, khung cửi dệt vải. Các cơ sở thủ công nói trên đều hoạt động chưa đều, sản xuất chưa được nhiều, song cũng góp phần giải quyết những nhu cầu về ăn, ở, lao động duy trì các nghề truyền thống của đồng bào.

Là huyện vùng cao, giao thông vận tải ở Ba Bể chậm phát triển. Trong hai năm (1955-1956), Ban Chấp hành Đảng bộ huyện quyết tâm lãnh đạo nhân dân sửa chữa, khôi phục con đường dân sinh từ huyện lỵ ra Phủ Thông bảo đảm cho xe trâu đi lại chở hàng hóa, đồng thời tu bổ, phát quang các con đường mòn liên xã để nhân dân đi lại, giao lưu giữa các vùng được dễ dàng. Năm 1957, đường 28 (Chợ Rã - Phủ Thông) tiếp tục được củng cố. Ngoài xây dựng, sửa chữa hệ thống giao thông trong huyện, sáu tháng cuối năm 1954, đáp ứng yêu cầu của tỉnh, Ba Bể còn huy động 3.847 lao động, đóng góp 208.120 công khôi phục Quốc lộ 3, từ 1955-1957 hàng ngàn đồng bào các dân tộc Ba Bể có mặt trên các công trường làm tà vẹt và sửa chữa cầu đường.

Đồng thời với việc khôi phục kinh tế, Ba Bể tiếp tục phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục. Trong ba năm 1955-1957, số người đi học xoá nạn mù chữ, biết đọc, biết viết lên tới hàng ngàn người, diện nâng cao trình độ học vấn từ lớp hai trở lên thu hút nhiều cán bộ và nhân dân tham gia¹. Đó là một cố gắng lớn của Đảng bộ Ba Bể trong sự nghiệp

1. Theo Báo cáo tổng kết năm (từ năm 1955-1957) của Ban Chấp hành Đảng bộ Chợ Rã về công tác bình dân học vụ như sau: 1955 có 600 người tham gia học, thoát nạn mù chữ 162 người, năm 1956 có 1.800 tham gia học, song vì thiếu kiểm tra đôn đốc các lớp học duy trì không đều, năm 1957 có 2.742 người thoát nạn mù chữ.

nâng cao dân trí nhất là đối với các dân tộc ít người, vùng cao.

Hệ thống giáo dục phổ thông cơ sở (cấp I) và trung học cơ sở (cấp II) không ngừng được mở rộng, năm học 1955-1956, toàn huyện có 31 trường cấp I, đến năm học 1957-1958 tăng 38%. Nhiều trường lớp được sửa chữa, riêng trường cấp II được xây dựng mới hoàn toàn, có ký túc xá trọ học cho học sinh ở xa. Số học sinh cấp I, II qua các năm đều tăng thu hút gần 1.000 con em các dân tộc cấp sách tới trường. Mặc dù vậy, giáo dục phổ thông ở Ba Bể thời kỳ này còn chậm phát triển, số các em đến tuổi không đi học hoặc bỏ học ở nhà còn nhiều. Tại các xã hẻo lánh mỗi lớp học chỉ có khoảng chục em, thậm chí ít hơn. Nguyên nhân của tình trạng này phần do các bậc cha mẹ chưa nhận thức đầy đủ việc học tập của con mình, thiếu tinh thần động viên nhắc nhở, phần do trường xa nhà đi lại khó khăn, nhất là đời sống nhân dân còn nhiều thiếu thốn .

Mạng lưới y tế từng bước được xây dựng, củng cố. Năm 1957, cơ sở y tế tại huyện lỵ được tăng cường thêm y sĩ, nữ hộ sinh và y tá, các xã trong huyện có tủ thuốc, một y tá, một số xã có nữ hộ sinh. Nhìn chung tổ chức mạng lưới y tế, trang thiết bị, đội ngũ cán bộ ngành y còn nhiều hạn chế, một số căn bệnh, đặc biệt là sốt rét còn hoành hành trong nhân dân.

Trải qua chín năm kháng chiến gian khổ, được sống trong hòa bình, nhân dân các dân tộc hết sức phấn khởi, nhiều nhóm, đội văn nghệ được xây dựng và hoạt động khá sôi nổi. Các hoạt động tuyên truyền, thông tin, báo chí từng bước được các cấp ủy quan tâm góp phần phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ trong nhân dân, thúc đẩy việc xây dựng cuộc sống mới, con người mới. Tuy nhiên chuyển biến về tư tưởng, văn hóa, nếp sống mới trong đồng bào các dân tộc còn chậm.

Trong khi đẩy mạnh khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, Đảng bộ hết sức quan tâm công tác xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh xã hội. Lực lượng dân quân du kích các xã được chỉnh đốn, ngoài nam dân quân du kích, các xã Quảng Khê, Cao Thượng, Thạch Sơn, Thượng Giáo và Quang Thành (tức Địa Linh) còn xây dựng thêm mỗi xã một đội nữ du kích. Đến năm 1956, lực lượng dân quân du kích toàn huyện là 554 cán bộ chiến sĩ, trong đó có 114 nữ. Năm 1957, cán bộ chỉ huy các cấp được kiện toàn một bước, ban chỉ huy xã đội có 62 người, cán bộ tiểu đội có 99 người, đáp ứng căn bản yêu cầu xây dựng lực lượng và chỉ huy tác chiến.

Công tác huấn luyện dân quân du kích được các cấp ủy Đảng quan tâm, nhất là trong thời kỳ tiến hành giảm tô, củng cố cơ sở xóa sạch tàn tích phi.

Nội dung huấn luyện về chính trị, quân sự nhằm nâng cao nhận thức đường lối, chính sách của Đảng, nhiệm vụ dân quân du kích trong việc giữ gìn trị an, củng cố quốc phòng, nâng cao năng lực chiến đấu.

Trong xây dựng lực lượng chỉ đạo của Đảng bộ luôn quán triệt phương châm: vừa phát triển rộng rãi vừa chú trọng về chất lượng. Qua hai lần chỉnh đốn, Ba Bể đã làm trong sạch căn bản nội bộ, nâng cao tính chất giai cấp, tính chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân, đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi đội ngũ dân quân du kích.

Nhờ nâng cao một bước về chất lượng, dân quân du kích Ba Bể đã phát huy vai trò của mình, phối hợp với lực lượng vũ trang của tỉnh củng cố cơ sở quần chúng, xóa bỏ tàn tích phi ở các xã phía bắc của huyện như Việt Hoa (tức Nhạn Môn), Đại Đồng (tức Bực Bó), Việt Xô (tức Giáo Hiệu), Cao Thượng... nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường trị an xã hội làm trong sạch địa bàn, lực lượng dân quân còn phối hợp với lực lượng công an khám phá các đường dây, cơ sở buôn lậu thuốc phiện, các ổ cờ bạc, ngăn chặn các hành động phi pháp, trộm cắp, gây rối trị an, bảo vệ cơ quan, kho tàng, tính mạng và tài sản của nhân dân. Nhiều xã có dân quân du kích làm lực lượng nòng cốt, có phong trào trị an tốt như: Quảng Khê, Hùng Cường

(tức Bằng Thành), Cao Thượng và Bành Trạch. Đặc biệt tại Quảng Khê, chính quyền và lực lượng vũ trang đã đập tan một nhóm phản động, bảo đảm an ninh xã hội, ổn định tình hình chính trị, tư tưởng trong nhân dân các dân tộc.

Hướng về cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam, năm 1955, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng đã đẩy mạnh việc tuyên truyền trong nhân dân nội dung Hiệp định Giơnevơ. Phong trào lấy chữ ký đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà thu hút 7.882 công dân (trong tổng số dân 18.688 người) tham gia. Hàng chục cuộc hội nghị và mít tinh lớn ở huyện và các xã được tổ chức với sự tham dự đông đảo cán bộ và nhân dân các dân tộc nhất trí kiến nghị lên Ủy ban Quốc tế giám sát thi hành Hiệp định Giơnevơ, phản đối âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta của đế quốc Mỹ và tay sai, đòi chúng phải thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Giơnevơ, tiến tới hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Từ năm 1956, Huyện ủy tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân nhận rõ âm mưu của đế quốc Mỹ và tay sai, cố tình phá hoại Hiệp định Giơnevơ. Ngoài các hội nghị ở huyện, nhiều xã tổ chức mít tinh vạch trần chính sách thực dân mới của đế quốc Mỹ, tố cáo Mỹ - ngụy khùng bố đã man những người tham gia

kháng chiến, kêu gọi đồng bào các dân tộc ra sức xây dựng hậu phương vững mạnh nhằm góp phần củng cố miền Bắc, làm hậu thuẫn cho cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, được Tỉnh ủy Bắc Kạn chỉ đạo, từ tháng 4 đến tháng 7 năm 1956, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Ba Bể đã triển khai cuộc vận động thành lập Khu tự trị Việt Bắc. Cuộc vận động đã diễn ra hết sức sôi động trên địa bàn huyện. Ngoài 480 đảng viên và cán bộ xã, đông đảo nhân dân các dân tộc đã hăng hái tham gia học tập các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng.

Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra: "Mục đích thành lập Khu tự trị là để làm cho các dân tộc anh em trong toàn khu cùng nhau quản lý công việc của mình, phát huy khả năng của mình, tiến bộ mau chóng về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội". Để đạt mục đích đó, Người nhấn mạnh: "phải đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc, các tầng lớp nhân dân, mọi người thương yêu nhau, giúp đỡ nhau như ruột thịt... đoàn kết chặt chẽ với đồng bào cả nước"¹.

Với một niềm phấn khởi, tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng, đồng bào các dân tộc đã tự liên hệ về mình, đồng thời phê phán những biểu

1. *Bác Hồ với Việt Bắc*, Nxb. Việt Bắc, 1971, tr.28.

hiện tư tưởng hẹp hòi, miệt thị dân tộc, thiếu bình đẳng giữa các dân tộc do hậu quả của chính sách chia rẽ dân tộc của đế quốc, phong kiến để lại.

Trong quá trình vận động, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, Mặt trận đã tham gia giải quyết những vướng mắc giữa các dân tộc, tăng cường khối đoàn kết trong nhân dân.

Tuy nhiên, ở một số xã, chủ yếu là các xã phía bắc huyện, từ việc kiểm điểm, đấu tranh đã dẫn đến việc "truy bức", "xử trí oan" một số người trong đó có cả cán bộ, đảng viên "về tội phản động"¹. Những thiếu sót trên đã được Ban Chấp hành Đảng bộ kịp thời uốn nắn, nghiêm khắc kiểm điểm, xóa bỏ những vụ việc xử trí sai, kết luận không phù hợp với thực tế và trái với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng. Nhờ đó, tăng cường được khối đoàn kết trong nhân dân, đồng bào các dân tộc càng thương yêu và giúp đỡ nhau trong sản xuất và đời sống.

Sau gần ba tháng tiến hành cuộc vận động, huyện Ba Bể đã cử được 9 đại biểu tham dự Đại hội thành lập Khu tự trị Việt Bắc khai mạc ngày 10-8-1956 tại thị xã Thái Nguyên (nay là thành phố Thái Nguyên). Huyện Ba Bể có 3 đại biểu thuộc các dân tộc: Dao đỏ, H'Mông, và Sán Chỉ tham gia Hội

1. Những câu trong ngoặc kép dẫn trong: *Báo cáo tình hình mọi mặt công tác năm 1956* của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, tài liệu đã dẫn, tr.3.

đồng Khu tự trị. Điều đó thể hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc, họ là những người đại diện cho đồng bào đề xuất nguyện vọng và tham gia giải quyết những vấn đề liên quan tới chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng trong xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa, giáo dục ở Ba Bể.

Thắng lợi của ba năm khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa (1955-1957) ổn định căn bản đời sống vật chất, cải thiện một bước văn hóa, tinh thần của nhân dân các dân tộc tạo thuận lợi để Đảng bộ Ba Bể bước vào thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trải qua các cuộc vận động cách mạng trong thời kỳ này, Đảng bộ Ba Bể cũng từng bước được củng cố vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trong suốt năm 1954, cơ quan Huyện ủy chỉ có một Phó bí thư là đồng chí Nguyễn Trọng Thượng phụ trách, đến cuối năm đồng chí chuyển về tỉnh theo quyết định của Tỉnh ủy. Tháng 11 năm 1954, Tỉnh ủy cử đồng chí Lê Thanh Bình về Ba Bể làm Bí thư Huyện ủy. Từ cuối năm 1954 đến đầu năm 1957, Huyện ủy Ba Bể chỉ có một Bí thư, vì nhiều đồng chí được cấp trên điều đi công tác. Mặc dù vậy, Đảng bộ Ba Bể vẫn hoàn thành những nhiệm vụ hết sức quan trọng của Đảng trong thời kỳ này.

Thực hiện quyết định của Tỉnh ủy, đến cuối tháng 4-1957, Huyện ủy Ba Bể được kiện toàn gồm

sáu đồng chí do đồng chí Nguyễn Ích Toàn làm Bí thư¹. Các chi bộ được chấn chỉnh, Đảng bộ được củng cố một bước. Đó là nhân tố quyết định bảo đảm sự thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong giai đoạn lịch sử mới.

Các tổ chức quần chúng của Đảng cũng được củng cố và đẩy mạnh các hoạt động. Năm 1956, trong 11 xã có tổ chức Đoàn thanh niên gồm 109 đoàn viên đã hăng hái đi đầu trong các phong trào sản xuất, thực hiện nghĩa vụ lương thực. Một số đoàn viên tích cực gương mẫu trong sinh hoạt hăng hái đi đầu trong các phong trào được các chi bộ Đảng quan tâm, giáo dục, dìu dắt đã có vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Được sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ, các cấp Hội phụ nữ cũng từng bước được củng cố. Mặc dù thiếu cán bộ, song các Ban Chấp hành Hội phụ nữ vẫn ra sức chỉ đạo các phong trào đẩy mạnh các hoạt động phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, sôi nổi nhất là các cuộc vận động cấy lúa nhỏ danh, trồng bông dệt vải, động viên nhau hăng hái tham gia phong trào đổi công, hướng dẫn chị em cách nuôi dạy trẻ...

1. Đồng chí Lê Thanh Bình thời giữ chức Bí thư Huyện ủy Ba Bể để nhận nhiệm vụ mới. Phó bí thư là đồng chí Đồng Văn Khoa, Huyện ủy viên gồm các đồng chí: Lạc An Thịnh, Lã Văn Vương, Triệu Văn Hiền và Dương Văn Đạt (dự khuyết).

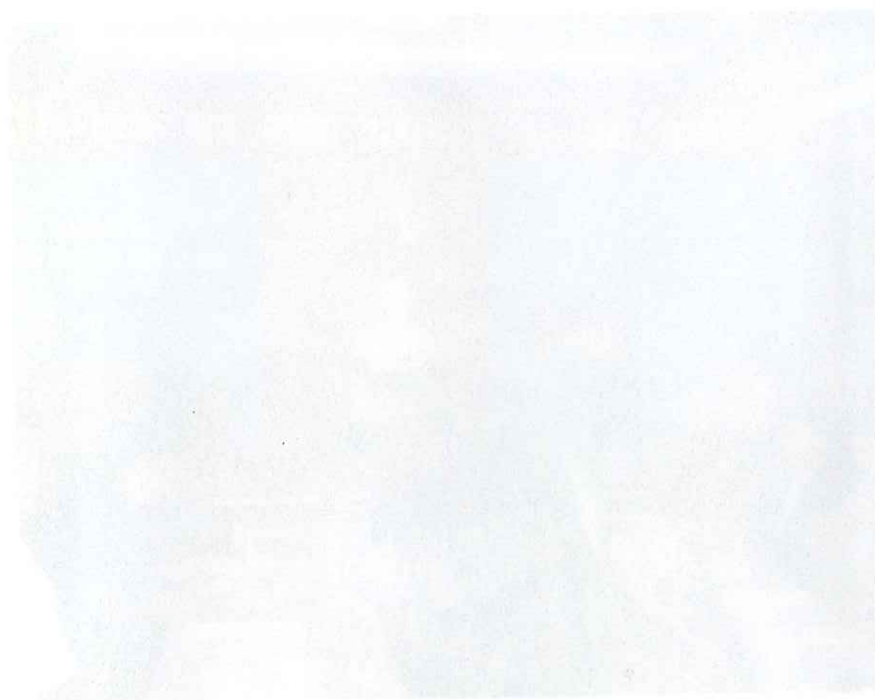
Công tác Mặt trận thời kỳ này có những đổi mới. Từ ngày 5 - 10-9-1955, Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc họp tại Hà Nội quyết định thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tiếp tục sự nghiệp đoàn kết toàn dân của Mặt trận Liên Việt trước đó. Đại hội đã đề ra cương lĩnh đại đoàn kết nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, củng cố quốc phòng, hoàn thành độc lập dân tộc, thực hiện thống nhất nước nhà. Theo chủ trương của cấp trên và của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, cuối năm 1955, Ba Bể đã tiến hành Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất bầu ra Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Ba Bể gồm 11 người đại diện cho các dân tộc. Trong giảm tô, nhất là trong sửa sai và cuộc vận động thành lập Khu tự trị, đẩy mạnh sản xuất... Mặt trận đã đóng góp tích cực vào việc xây dựng khối đoàn kết toàn dân, động viên nhân dân hăng hái tiến lên thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của Đảng bộ.

II. CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1958-1960) VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1961-1965)

Trung tuần tháng 11 năm 1958, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 14 chủ trương phát triển kinh tế, văn hóa trong kế hoạch ba



Hội thảo Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Bể (1954-1975)



Trò chơi của các Đảng bộ trước sự Bế (1974-1975)

năm (1958-1960), thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ và thành phần kinh tế tư bản tư doanh.

Dưới sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, với đặc điểm huyện miền núi, sản xuất nông nghiệp là chính, Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể xác định nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với Ba Bể chủ yếu là thực hiện cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp đối với nông dân. Để thực hiện thắng lợi cuộc vận động này, Đảng bộ quán triệt đầy đủ đường lối, phương châm, nguyên tắc do Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra tại Hội nghị lần thứ 16 (tháng 4-1959). Về đường lối giai cấp dựa hẳn vào bản nông và trung nông lớp dưới, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, ngăn ngừa địa chủ góc đầu dây, tiếp tục mở đường cho địa chủ lao động, cải tạo thành con người mới, kiên quyết đưa nông dân vào con đường hợp tác hóa nông nghiệp, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Phương châm tiến hành là: tích cực lãnh đạo, vững bước tiến lên, quy hoạch về mọi mặt, sát với từng vùng, làm tốt, vững và gọn. Ba nguyên tắc cần bảo đảm trong quá trình xây dựng, củng cố hợp tác xã: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

Tiến hành vận động hợp tác hóa nông nghiệp, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể đứng trước

nhiều khó khăn: ruộng đất phân tán, manh mún, phần lớn là các chân ruộng bậc thang nằm rải rác trong các thung lũng, trong đó một số ruộng chờ mưa chỉ làm được một vụ, phương thức canh tác lạc hậu, trình độ tổ chức, quản lý sản xuất yếu kém, cơ sở vật chất kỹ thuật hầu như không có. Những hạn chế này không dễ gì khắc phục một sớm, một chiều. Ngoài ra còn phải kể đến các dân tộc ít người như dân tộc Dao, H'Mông phần lớn không có ruộng đất, sống du canh du cư, thực hiện cuộc vận động hợp tác hóa trong đồng bào lại phải cùng một lúc kết hợp với cuộc vận động định canh, định cư.

Mặc dù vậy, xây dựng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp Ba Bể có những thuận lợi rất căn bản: Đảng bộ vừa được củng cố, nhân dân các dân tộc Ba Bể có truyền thống yêu nước, cách mạng, cần cù lao động, lại vừa trải qua các cuộc vận động chính trị làm cho vị trí của giai cấp nông dân được đề cao, giữ vai trò làm chủ nông thôn, công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, giáo dục đạt được nhiều thắng lợi có tác dụng cải thiện một bước đời sống, củng cố niềm tin của đồng bào đối với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng. Phong trào đổi công ở Ba Bể sớm được xây dựng, đang phát triển mạnh là nhân tố thuận lợi để đồng bào chuyển sang thực hiện quan hệ sản xuất mới.

Triển khai cuộc vận động đầu năm 1959, Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể chọn Đồng Phúc là xã có

phong trào đổi công thường xuyên, tiến triển tốt xây dựng thí điểm hai hợp tác xã ở Bản Chán và Nà Bjoóc¹ để rút kinh nghiệm nhân diện rộng trên địa bàn huyện.

Giữa lúc công tác thí điểm hợp tác hóa nông nghiệp đang có những chuyển biến tốt, tạo được phần khởi, tin tưởng trong nhân dân, Ba Bể tiến hành Hội nghị bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện. Hội nghị mang trách nhiệm của một Đại hội - Đại hội khóa III, tiến hành theo sự chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy vào đầu tháng 1 năm 1959. Tham dự hội nghị có đại biểu các chi bộ và các ban chi ủy trong toàn Đảng bộ. Trong ba ngày làm việc, hội nghị đã thông qua báo cáo chính trị: tổng kết công tác lãnh đạo của Đảng bộ năm 1958, phương hướng nhiệm vụ năm 1959, bầu cử Ban Chấp hành khóa III gồm 16 đồng chí (có 3 ủy viên dự khuyết), Ban Thường vụ Huyện ủy có 5 đồng chí do đồng chí Nông Văn Hà làm Bí thư¹.

Trên cơ sở xác định cải tạo nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, Nghị quyết Hội nghị nêu quyết tâm

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tổng kết sản xuất năm 1959, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.12.
2. Đồng chí Văn Khoa, Phó bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ gồm các đồng chí: Hoàng Văn Khải, Lã Văn Vương và Nông Phan Ngô.

của Đảng bộ ra sức xây dựng phong trào hợp tác hóa đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể.

Từ hai hợp tác xã thí điểm ở Đông Phúc, đến giữa năm 1959, Ba Bể xây dựng được 8 hợp tác xã thuộc địa bàn 6 xã, gồm 179 hộ đạt 5,2% số hộ nông dân trong huyện, cho tới cuối năm đó, có thêm một hợp tác xã nữa. Tốc độ phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp ở Ba Bể còn chậm so với các huyện của Bắc Kạn và chưa đạt kế hoạch tỉnh giao. Mặc dù vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện không nản lòng, một mặt tích cực lãnh đạo cuộc vận động, mặt khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện của đồng bào. Để đẩy nhanh việc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, Đảng bộ tăng cường lãnh đạo phong trào đổi công, đến cuối năm 1959 đã thu hút 72% số tổ tiến lên bình công, chấm điểm. Đó là cơ sở để Ba Bể chuyển sang tổ chức hợp tác xã, hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp vào năm 1960.

Thắng lợi bước đầu trong sản xuất của hợp tác xã, nhất là việc phát huy sức mạnh tập thể làm thủy lợi, khắc phục thiên tai... trở thành động lực thúc đẩy đại đa số nông dân có nguyện vọng thiết tha vào hợp tác xã. Trong vụ sản xuất đông - xuân 1959-1960, nhiều tổ đổi công có đơn xin được tổ chức hợp tác xã. Trong vụ này, kết hợp cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp với việc hoàn thành

cải cách dân chủ, huyện đã duyệt 11 cơ sở từ tổ đổi công tiến lên thành lập hợp tác xã. Cuối năm 1960, Ba Bể có 102 hợp tác xã với 2.412 hộ, đạt tỷ lệ 66,37%. Số hộ tham gia, tính riêng vùng thấp đạt tỷ lệ 70%, ở vùng cao ruộng đất, nương rẫy phân tán, cư dân thưa thớt, cũng tổ chức được 10 hợp tác xã nhỏ gồm 125 hộ, vượt kế hoạch tỉnh giao, toàn huyện hết thảy các xã đều đã xây dựng được hợp tác xã nông nghiệp. Trong đó có 11 xã đạt tỷ lệ từ 73,45% đến 93,35% số hộ tham gia.

Để củng cố quan hệ sản xuất mới, huyện mở các lớp huấn luyện quản lý (3 quản) bồi dưỡng nghiệp vụ cho ban quản trị và kế toán hợp tác xã. Nhờ đó mà sản xuất được đẩy mạnh, đời sống của đồng bào nhìn chung ổn định, có mặt được cải thiện.

Là huyện vùng cao, giao lưu kinh tế còn nhiều hạn chế, nên cơ sở kinh tế tiểu thương và thủ công nghiệp ở Ba Bể nhỏ bé. Trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần nói trên, một số hộ chuyển sang sản xuất nông nghiệp, còn lại 43 hộ được tổ chức vào các tổ hợp tác xã bán lẻ các mặt hàng tạp hóa, làm nghề móc ren, may mặc, com phở, cắt tóc...

Năm 1960, 18 xã trong huyện tổ chức được hợp tác xã mua bán với 1.948 xã viên và 12 xã thành lập được hợp tác xã tín dụng với 1.511 xã viên. Các hợp tác xã mua bán mặt dầu cổ phần và doanh số bán ra

không lớn, nhưng vẫn cố gắng cung cấp những mặt hàng thiết yếu cho nhân dân, đồng thời thu mua nông, lâm sản phẩm và chăn nuôi đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và đời sống ở địa phương. Hợp tác xã tín dụng đã sử dụng quỹ đúng mục đích, cho nông dân vay vốn để mua trâu bò, nông cụ... phục vụ sản xuất.

Để tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng, được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo, tháng 4 năm 1960, Ba Bể triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ IV. Đại hội tiến hành trong 7 ngày, đó là một cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn của Đảng bộ. Đại hội đã thảo luận và thông qua báo cáo chính trị của Ban Chấp hành trình trước Đại hội. Đặc biệt Đại hội lần này còn dành nhiều thời gian để học tập, tham gia ý kiến vào văn kiện dự thảo Điều lệ Đảng của Trung ương. Đại hội bầu cử Ban Chấp hành mới gồm 16 ủy viên chính thức, 4 ủy viên dự khuyết. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 5 đồng chí, do đồng chí Nông Văn Hà làm Bí thư Huyện ủy¹.

Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh phải phát triển kinh tế nông nghiệp toàn diện, nâng cao năng suất và sản lượng lương thực theo hướng thâm canh, tăng vụ, quán triệt đầy đủ hơn nữa Nghị quyết Đại hội

1. Đồng chí Đồng Văn Khoa, Phó bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ gồm các đồng chí: Hoàng Văn Khải, Nông Phan Ngô, Hoàng Kim Lược.

đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn (29-1 - 3-2-1959) về sản xuất nông nghiệp là tăng vụ. "đủ nước, nhiều phân, cấy dày, cấy sâu, mạ tốt".

Sản xuất nông nghiệp năm 1958 do hạn hán kéo dài ảnh hưởng lớn đến cả hai vụ đông - xuân và mùa trên cả ba chỉ tiêu: diện tích, năng suất và sản lượng đều không đạt kế hoạch.

Năm 1959 là năm bắt đầu có phong trào hợp tác hóa, dưới ánh sáng nghị quyết của Hội nghị Đảng bộ huyện (1-1959) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đầu năm 1959, sản xuất nông nghiệp bước đầu có những chuyển biến mới. Theo hướng tăng vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tích cực chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất vụ đông - xuân. Trước đây chỉ xã Mẫu Ninh trồng lúa chiêm, nay có thêm 3 xã Quảng Khê, Cao Thượng và Thượng Giáo với diện tích 447 bung. Việc trồng lúa Nam Ninh được triển khai rộng khắp toàn huyện, đạt 4.978 bung. Do bị rét đậm hàng loạt ruộng mạ Nam Ninh bị chết, Huyện ủy kịp thời lãnh đạo, giải quyết thóc giống, gieo lại số mạ bị hỏng, nhờ đó mà bảo đảm được kế hoạch. Phong trào tích trữ, ủ phân sạch làng tốt ruộng được đông đảo nhân dân nhất là lực lượng đoàn viên thanh niên, phụ nữ hưởng ứng và đi đầu trong các phong trào, vụ đông - xuân năm 1958-1959 đạt 230 kg phân một bung. Các biện pháp kỹ thuật từ khâu ngâm mạ (nước ấm) đến cấy sâu, bừa kỹ, cấy

dây, nhỏ dành được áp dụng khá phổ biến. Kết quả vụ đông - xuân sản xuất lúa chiêm cho năng suất 222 kg và lúa Nam Ninh đạt 240 kg một bung.

Diện tích cấy lúa mùa năm 1959 là 20.334 bung, năng suất đạt 300 kg một bung. Tổng thu hoạch cả hai vụ lúa 7.349.154 kg, tăng 5,5% so với năm 1956.

Do mở rộng diện tích cấy lúa chiêm ở 9 xã, nên tổng diện tích vụ đông - xuân 1959-1960 Ba Bể thực hiện đạt 103% kế hoạch tăng hơn vụ trước gần 20%. Vụ mùa năm 1960, nhờ sự nỗ lực của các hợp tác xã, Ba Bể cấy được 20.110 bung đạt 98,02% kế hoạch.

Quán triệt các nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và huyện, các tổ đội sản xuất, hợp tác xã khắc phục khó khăn sửa chữa và xây dựng mới nhiều công trình thủy lợi như làm mương phai, lốc (cọn), bắc máng dẫn nước về đồng ruộng. Các hợp tác xã ở Thượng Giáo và Thị trấn đẩy nhanh tiến độ hoàn thành con mương Nà Tổng bảo đảm nước tưới ngay từ vụ đông - xuân. Năm 1960, Ba Bể đã thực hiện 77.685 công thủy lợi, nhờ đó đáp ứng căn bản yêu cầu nước tưới cho cả hai vụ.

Khác những năm trước, vụ đông - xuân năm 1960, phong trào làm phân của các hợp tác xã diễn ra sôi nổi, đồng bào tận dụng mọi nguồn phân chuồng, phân rác, phân xanh, hợp tác xã Thượng

Minh (Chu Hương) còn khai thác phân dơi tại các hang núi đá cách đồng ruộng hàng chục cây số. Song rất không may, sản xuất lúa năm 1960 bị thiên tai nặng nề. Vụ đông - xuân trên các cánh đồng của gần chục xã: Tân Dân (tức Yến Dương), Thượng Minh, Hưng Đạo, Thị trấn, Đại Đồng (tức Bộc Bó), Hưng Thịnh (tức Công Bằng), Minh Phúc... bị châu chấu, sâu cắn lúa và chuột phá hoại, tiếp theo là vụ mùa bị sâu làm hại gần 2000 bung. Huyện ủy kịp thời lãnh đạo các hợp tác xã huy động hàng ngàn công diệt trừ sâu bệnh, đồng thời tăng cường các phương tiện và thuốc bảo vệ thực vật cho các hợp tác xã, nên đã hạn chế được sự thiệt hại mùa màng.

Kết quả sự nỗ lực của Đảng bộ và toàn dân, sản xuất lương thực cả hai vụ cho sản lượng 7.018.425 kg, thấp hơn năm 1959 nhưng được sản lượng lúa rẫy bù lại gần 600 tấn, chưa kể thu hoạch ngô, khoai... Vì thế Ba Bể vẫn đảm bảo được nhu cầu cơ bản về lương thực.

Cùng với những tiến bộ trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi cũng có sự tăng trưởng đáng kể. Đàn trâu năm 1958 là 7.176 con, đến năm 1960 tăng 4,56%, đàn bò từ chỗ 930 con (1958), đến 1960 tăng 20,43%, đặc biệt chăn nuôi lợn được đẩy mạnh, từ 10.944 con (1958), hai năm sau tăng lên 19%, gia cầm phát triển khá, năm 1960 Ba Bể có đàn gà, vịt, ngan, ngỗng khoảng 70.400 con.

Mặc dù vậy, Ba Bể vẫn chưa phát huy hết tiềm năng chăn nuôi, tốc độ phát triển còn chậm và chưa đạt kế hoạch. Chăn nuôi trong nhân dân chủ yếu là để giải quyết sức kéo, đáp ứng yêu cầu tự túc, tự cấp về thực phẩm. Vì thế chăn nuôi được xem như ngành phụ, chưa trở thành ngành chính, thiếu cân đối trong sự phát triển kinh tế nông nghiệp. Ý thức được điều này, Ban Chấp hành Đảng bộ luôn chú ý chỉ đạo phát triển nông nghiệp toàn diện cả trồng trọt và chăn nuôi. Song chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong các hợp tác xã.

Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng bộ huyện đặt vị trí nghề rừng là một bộ phận trong cơ cấu kinh tế của Ba Bể, nhấn mạnh việc trồng cây gây rừng, bảo vệ rừng, nhất là các khu rừng đầu nguồn. Nhưng trong tổ chức, chỉ đạo của cấp ủy, các ngành thiếu sâu sát, chặt chẽ, nên kết quả thu được thấp. Các cơ quan xung quanh huyện trong năm 1960 trồng được 13.075 cây các loại, song không đủ bù đắp hàng loạt các cánh rừng ở Hùng Cường, Việt Hoa, Quảng Khê, Thượng Giáo, Đại Đồng, Hưng Thịnh... bị đốt cháy trong mùa khô hoặc phát nương làm rẫy, gây thiệt hại trầm trọng tài nguyên, ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái.

Tiểu thủ công nghiệp địa phương nhìn chung phát triển yếu. Lò đúc lưỡi cày ở Lũng Diếc (Bành Trạch), các lò rèn ở Thị trấn, Mỹ Vi (Mỹ Phương),

Pan Hán (Quang Thành) có làm được một số dụng cụ sản xuất, song kỹ thuật còn yếu kém và mang tính chất tự sản tự tiêu trong hợp tác xã.

Sản xuất nông nghiệp có bước phát triển nhưng tốc độ còn chậm, đời sống nhân dân căn bản được ổn định, có mặt cải thiện, song vẫn còn nhiều khó khăn. Trong điều kiện ấy, từ năm 1958-1960, Ba Bể năm nào cũng hoàn thành thuế nông nghiệp cho Nhà nước, riêng thuế vụ hạ năm 1959 đồng bào thực hiện 236.528 kg bằng 103,6% kế hoạch. Các loại thuế doanh thu trên các lĩnh vực qua từng năm đều có những tiến bộ, thuế doanh nghiệp và buôn chuyển thu đạt và vượt mức kế hoạch.

Hoạt động của các ngành kinh tế, tài chính có nhiều chuyển biến tốt, riêng lĩnh vực thương nghiệp, mậu dịch quốc doanh chiếm lĩnh được thị trường, cung cấp căn bản các mặt hàng phục vụ sản xuất và đời sống của đồng bào, góp phần ổn định giá cả thị trường. Chi điểm ngân hàng huyện mới thành lập và chính thức hoạt động tháng 11 năm 1960, về tổ chức còn phải tiếp tục ổn định, song bước đầu đã có những hoạt động phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và quốc phòng.

Với những cố gắng không mệt mỏi trong sửa chữa cầu đường, nhất là đường dân sinh 28, đến năm 1960, giao thông ở Ba Bể đã tương đối thuận tiện hơn, xe ô tô 2 tấn có thể ra vào bình thường

trong mùa khô đường Chợ Rã - Phủ Thông, các con đường mòn lên các xã phía bắc huyện được sửa chữa bảo đảm ngựa thồ đi lại dễ dàng.

Trong kế hoạch 3 năm (1958-1960), sự nghiệp giáo dục trong huyện có sự phát triển mới, quy mô trường lớp ngày càng được củng cố, mở rộng, đội ngũ giáo viên, số lượng học sinh ngày càng tăng, chất lượng giáo dục cũng được nâng dần lên. Năm học 1959-1960 phổ thông cơ sở cấp I có 9 hội đồng gồm 36 phân trường với 1.528 học sinh (trong đó có 645 nữ) tăng hơn năm học 1958-1959: 4,1%. Phổ thông cấp II tăng thêm một lớp năm, song vẫn chưa thỏa mãn nhu cầu học tập của con em các dân tộc. Học sinh vỡ lòng tăng theo tỷ lệ sinh dân số tự nhiên, mỗi năm một đông, năm 1960 toàn huyện có 1.116 em.

Đội ngũ giáo viên phổ thông kể cả vỡ lòng nhìn chung vẫn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng so với yêu cầu. Trường lớp phân tán, thiếu hoàn chỉnh, trừ một vài cơ sở, càng gây nhiều khó khăn trong quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục. Kể từ năm 1960, theo đánh giá của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện: Các trường phổ thông càng chú ý quán triệt hơn hai nguyên lý giáo dục của Đảng là học kết hợp với hành. Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, các em học sinh đã tham gia lao động xây dựng trường lớp và lao động ở địa phương như hưởng ứng phong trào "sạch làng, tốt ruộng", bắt sâu cứu lúa...

Ngoài giáo dục phổ thông, trong ba năm (1958-1960), Ba Bể có nhiều cố gắng duy trì các lớp bình dân học vụ, xóa mù chữ cho 2.064 người từ vùng cao tới vùng thấp và bổ túc trình độ học vấn cho các đối tượng: cán bộ, đội trưởng sản xuất và nhân dân được 348 người.

Văn hóa xã hội được cải thiện, năm 1959 được huyện giúp đỡ, hai chi đoàn thanh niên ở Thị trấn và Mẫu Ninh thành lập được hai tổ văn nghệ, hợp tác xã Nà Ngõa (Mỹ Phương) cũng tự động xây dựng một tổ văn nghệ. Năm 1960, phong trào văn nghệ có bước phát triển mới, nhiều xã tự lập được các đội văn nghệ đã tổ chức trình diễn ở địa phương sau mỗi vụ sản xuất thắng lợi và nhân các ngày kỷ niệm trong nước, chào mừng Đại hội Đảng bộ huyện hoặc liên hoan tiến đưa con em các dân tộc lên đường tòng quân. Để cổ vũ phong trào, huyện đã tổ chức đêm hội diễn, tham gia có bảy đội văn nghệ các xã Mẫu Ninh, Mỹ Phương, Cao Thượng, Thị trấn và trường phổ thông trung học cơ sở Ba Bể với nhiều tiết mục đặc sắc được nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh.

Báo chí của Đảng đến các chi bộ, Ủy ban xã đều đặn và nhanh hơn, góp phần nâng cao nhận thức đường lối, chính sách của Đảng, cung cấp tin tức thời sự trong nước và thế giới cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc.

Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, giảm nhẹ ma chay cưới xin, đặc biệt là cải tạo Pụt, tào, mo, then đạt nhiều kết quả, tạo bước chuyển biến mạnh mẽ về tư tưởng trong nhân dân.

Mạng lưới y tế được củng cố, cơ sở vật chất tăng cường hơn trước, từ việc thí điểm xây dựng hai trạm xá ở Mỹ Phương và Hưng Đạo, Đảng bộ huyện đã triển khai xây dựng ở 13 xã và đến đầu tháng 1 năm 1961, hết thảy các xã trong huyện có trạm xá. Nhân dân đau ốm có nơi khám chữa bệnh.

Để củng cố hậu phương, giữ vững trị an xã hội, tăng cường quốc phòng, lực lượng dân quân Ba Bể không ngừng phát triển. Năm 1958, toàn huyện có 450 cán bộ và chiến sĩ, đến năm 1960, quân số tăng gấp đôi năm 1958, bằng 4,36% so với số dân trong huyện. Tuy nhiên, tỷ lệ phát triển vẫn còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu xây dựng theo quy định của cấp trên.

Công tác quân sự địa phương được củng cố là cơ sở để Đảng bộ hàng năm hoàn thành nhiệm vụ động viên tuyển quân. Riêng năm 1960, Ba Bể tiến đưa 47 con em các dân tộc lên đường, đạt kế hoạch tỉnh giao. Ban chỉ huy quân sự huyện còn phối hợp với ngành y tế khám sức khỏe cho hơn 630 người thuộc các đối tượng dân quân, quân nhân phục viên ở độ tuổi 18-25 nhằm đảm bảo các yêu cầu động viên, bổ sung quân đội thường trực bảo vệ Tổ quốc.

Được sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, từ giữa tháng 12 năm 1959, Đảng bộ Ba Bể triển khai thực hiện Chỉ thị 156 của Trung ương về cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ. Căn cứ vào mục đích, yêu cầu mà Trung ương đề ra, Đảng bộ xác định nội dung tiến hành cuộc vận động đối với Ba Bể là tuyên truyền giáo dục tư tưởng quần chúng các dân tộc phân rõ ranh giới giữa lao động và bóc lột, giữa nông dân với địa chủ, xóa bỏ những tàn tích của chế độ phong kiến về chiếm hữu ruộng đất và những hình thức bóc lột phong kiến còn lại, giáo dục ý thức giác ngộ giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tổ chức nông dân đi vào con đường hợp tác xã, tăng cường đoàn kết dân tộc, đoàn kết trong nông dân lao động, đẩy mạnh sự hoạt động của các ngành quân, dân, chính, Đảng lên thêm một bước¹.

Lấy tuyên truyền giáo dục làm phương châm của cuộc vận động, ngay từ bước đầu Ban Chấp hành Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo học tập Chỉ thị 156 của Trung ương trong cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc thu hút gần 8.000 người tham gia. Qua học tập, nhân dân nhận thức sâu sắc sự ưu việt của chế độ xã hội mới - xã hội chủ nghĩa, con đường

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, (Số 28 BC/CR) Báo cáo tổng kết công tác hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.3, 4.

duy nhất đúng đắn để nhân dân vĩnh viễn thoát khỏi bóc lột, nghèo nàn và lạc hậu là con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng đã lựa chọn.

Tiếp thu tinh thần Chỉ thị 156 của Trung ương, đồng bào các dân tộc như được tăng thêm sức mạnh, dám nhìn thẳng vào sự thật, mạnh dạn đấu tranh với những phần tử lợi dụng uy quyền, thân quyền xưa nay từng khống chế nhân dân, nói xấu chế độ, xuyên tạc chính sách hợp tác hóa nông nghiệp của Đảng, sôi nổi nhất là các cuộc đấu tranh của đồng bào ở xóm Bản Na (Thạch Sơn), Bản Hòn (Bành Trạch), hợp tác xã Nà Giáo (Tân Dân)...

Với gần nửa số xã trong huyện chưa qua giảm tô, qua học tập, nhân dân phân biệt được giữa lao động và bóc lột qua đó ý thức được trách nhiệm của mình, hăng hái đấu tranh xóa bỏ tàn tích phong kiến chiếm hữu ruộng đất và những đặc quyền đặc lợi khác của giai cấp địa chủ. Một số ruộng đất tịch thu được của những người thuộc giai cấp địa chủ đem chia cho nông dân nghèo ở các tổ đổi công hoặc sung làm của công đưa vào hợp tác xã.

Tại những xã đã qua giảm tô và sửa sai, cuộc vận động chính trị lần này nâng cao thêm giác ngộ giai cấp và xã hội chủ nghĩa đối với đồng bào. Với địa chủ, phú nông, sau sửa sai chấp hành tốt chính sách của Đảng và Nhà nước, tự cải tạo thành người lao động có ích cho xã hội, hòa mình với làng bản,

cộng đồng, qua học tập Chỉ thị 156 của Trung ương, tự thành khẩn liên hệ, được đồng bào cơ sở cảm thông, đề nghị đã được hạ thành phân giai cấp từ chỗ là địa chủ hoặc phú nông xuống thành người lao động¹.

Qua học tập và đấu tranh củng cố thêm khối đoàn kết dân tộc, những vướng mắc, mặc cảm giữa các dân tộc được xóa bỏ, các đoàn thể quần chúng và chính quyền các cấp thông qua bầu cử Hội đồng nhân dân được củng cố, an ninh xã hội được tăng cường. Cuộc vận động đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các dân tộc tham gia hợp tác xã nông nghiệp và củng cố quan hệ sản xuất mới. Trong khoảng thời gian tiến hành cuộc vận động (từ giữa tháng 12 năm 1959 đến cuối tháng 6 năm 1960), số hộ tham gia hợp tác xã tăng gấp bốn lần so với trước cuộc vận động, trong đó có một số xã đạt tỷ lệ cao như: Quang Thành (97,5%), Thượng Minh (88,8%), Đồng Phúc (85,7%)...

Triển khai Chỉ thị 156 của Trung ương, với Đảng bộ đó còn là một cuộc sinh hoạt chính trị nhằm nâng cao tính chất giai cấp, tiên phong, cách mạng của Đảng. Trong các chi bộ đã đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình nhằm giữ vững kỷ luật của Đảng, làm trong sạch hàng ngũ Đảng. Một số ít

1. Riêng đầu năm 1960 đã hạ thành phân 3 địa chủ, 1 phú nông xuống thành phần trung nông là người lao động.

đảng viên sau khi tiến hành sửa sai không chịu hoạt động hoặc có những biểu hiện tiêu cực chống lại đường lối hợp tác hóa nông nghiệp của Đảng, bất mãn không sinh hoạt Đảng, phẩm chất đạo đức kém, bè phái, buôn lậu, cờ bạc... qua giáo dục nhiều lần không tiến bộ đã bị khai trừ ra khỏi Đảng.

Trong tiến trình vận động cách mạng, xuất hiện nhiều quần chúng tích cực, thanh niên ưu tú, được các chi bộ đảng giáo dục, dìu dắt đã có vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng, 17 chi bộ xã và Thị trấn kết nạp 45 đảng viên mới. Cả năm 1960, Đảng bộ Ba Bể kết nạp được 84 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 441 đồng chí.

Toàn huyện có 28 chi bộ, trong đó có 3 chi bộ cơ quan, qua phân loại có 8 chi bộ khá. Đó là những chi bộ có đảng viên chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; thực hiện chính sách nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước vượt mức kế hoạch, đảng viên, chi ủy viên gương mẫu trong chính quyền, đoàn kết nội bộ, có ý thức đấu tranh, xây dựng Đảng. Nêu cao được vai trò lãnh đạo của mình trong việc vận động nhân dân vào hợp tác xã đạt kết quả tốt. Trong số 8 chi bộ khá, tiêu biểu nhất là chi bộ các xã Thượng Minh và Hùng Cường. Các chi bộ còn lại có 17 chi bộ loại trung bình và 3 chi bộ kém. Qua phân tích cho thấy

số chi bộ khá còn ít, đó cũng là vấn đề đặt ra trong công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Ba Bể.

Để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng ở mọi địa bàn dân cư, thanh toán xong "xã trắng", Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể quyết định tách từ chi bộ xã Hưng Đạo thành lập các chi bộ độc lập Minh Phúc và Văn Y.

Dẫu còn có những hạn chế trong công tác xây dựng Đảng, cần nâng cao hơn nữa chất lượng đảng viên, chi bộ, nhưng kể từ sau Đại hội Đảng bộ các cấp, Đảng bộ Ba Bể đang có những chuyển biến, có nhiều nhân tố mới: Có đủ chi bộ ở xã, cấp ủy được kiện toàn, tăng thêm lực lượng trẻ, qua chỉnh đốn Đảng bộ càng thêm trưởng thành. Đó chính là cơ sở bảo đảm Đảng bộ Ba Bể thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Tháng 9 năm 1960, Đảng ta tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra trong lời khai mạc: "Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc"¹. Đại hội đề ra nhiệm vụ và phương hướng của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) là ra sức phấn đấu thực hiện một bước công nghiệp hóa xã

1. Hồ Chí Minh; *Tuyển tập*, Nxb. Sự thật, H. Nội, 1980, t.2, tr.185.

hội chủ nghĩa, xây dựng bước đầu cơ sở vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội đồng thời hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

Xuất phát từ thực tế nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp cho tới năm 1960 chưa hoàn thành, nên bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), chủ trương của Đảng bộ Ba Bể đề ra là tiếp tục củng cố, phát triển phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, coi đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Đảng bộ.

Thông qua các cuộc vận động chính trị xây dựng vùng xung yếu, xây dựng Đảng theo yêu cầu nhiệm vụ mới, công tác giáo dục chính trị trong cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc được đẩy mạnh. Nhiều hội nghị tuyên truyền chủ trương, chính sách hợp tác hóa nông nghiệp, đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn, phê phán những luận điểm phản tuyên truyền, xuyên tạc phong trào hợp tác hóa nông nghiệp được tổ chức đã có tác dụng nâng cao nhận thức, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc đi vào con đường làm ăn tập thể. Năm 1961, toàn huyện mới đạt 67,7% số hộ tham gia hợp tác xã nông nghiệp, đầu năm 1963, đạt tỷ lệ 76,18%, trong đó vùng thấp đạt gần 90% hoàn thành căn bản nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp.

Với vùng cao, cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp còn được gắn liền với cuộc vận động định canh, định cư. Tính riêng năm 1962, Ba Bể đã vận động hạ sơn tổ chức định canh, định cư cho 29 hộ với 166 nhân khẩu ở Thạch Sơn, Quảng Khê, Quang Thành và Văn Y (tức An Thắng). Trên cơ sở định canh, định cư, hai hợp tác xã nông nghiệp được tổ chức ở Hùng Cường và Cổ Linh. Nhìn chung, cuộc vận động định canh, định cư, tổ chức hợp tác xã nông nghiệp trong đồng bào dân tộc ít người vùng cao có nhiều khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu là do thiếu ruộng đất hoặc nước tưới cho những vùng có điều kiện vỡ hoang. Nhưng, cũng có nơi như Còi Luông (Bành Trạch), được Tỉnh ủy giúp đỡ, Ba Bể xây dựng được một công trình thủy lợi khá lớn bảo đảm nước tưới cho trên 100 bung ruộng, giải quyết được cho khoảng 40-50 hộ hạ sơn, nhưng đồng bào khi đó vẫn thiếu sự hưởng ứng.

Đồng bào Dao, H'Mông quen với điều kiện sống du canh, du cư, họ thiếu phương tiện, không có thói quen sản xuất lúa nước. Để khắc phục nhược điểm này, Đảng bộ vận động đồng bào vùng thấp giúp đỡ đồng bào vùng cao ruộng đất (ở những nơi có điều kiện), nông cụ, trâu cày, thóc giống và cả kinh nghiệm sản xuất từ gieo mạ đến cày, cấy, chăm bón và thu hoạch. Năm 1965, đồng bào Tày ở các xã Khang Ninh, Hà Hiệu, Cổ Linh đã giúp đỡ đồng

bào Dao hạ sơn, xây dựng hợp tác xã, giảm đáng kể số đồng bào còn du canh, du cư.

Trong những năm 1961-1965, Ban Chấp hành Đảng bộ còn lãnh đạo các ngành, các giới, các hợp tác xã tiếp nhận một bộ phận dân cư từ các tỉnh dưới xuôi lên phát triển kinh tế, văn hóa miền núi. Tính từ năm 1963 đến năm 1965, Ba Bể tiếp nhận 1.346 nhân khẩu phân bố trên 13 xã trong huyện, riêng năm 1963, tiếp đón ba đợt gồm 99 hộ với 458 nhân khẩu từ Thái Bình lên, phân về các xã: Bành Trạch, Quang Thành, Thượng Minh, Thượng Giáo và Tân Dân.

Được đồng bào các dân tộc các hợp tác xã tận tình giúp đỡ, "đồng bào khai hoang" - cách gọi của đồng bào miền núi, đã ổn định sản xuất, đời sống, tham gia phát triển kinh tế, văn hóa giáo dục ở địa phương, thực hiện đóng góp nghĩa vụ lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước... Một số gia đình ở Thượng Minh làm được nhà gỗ khung trang có bát ăn bát để, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần cải thiện rõ rệt. Song cũng còn một bộ phận nhỏ, chủ yếu là ở Bành Trạch do sản xuất khó khăn nên đời sống chật vật, vì thế đồng bào thiếu yên tâm, một số ít đã quay về quê hương cũ.

Sau ba năm xây dựng hợp tác xã, đến năm 1962, mới có một số hợp tác xã của đồng bào Tày ở Thượng Giáo, Thượng Minh, Mỹ Phương xây dựng

được kế hoạch sản xuất toàn năm, số còn lại chỉ làm được từng vụ hoặc không có kế hoạch. Công tác quản lý hợp tác xã chủ yếu là đưa dân hợp tác xã thực hiện ba khoán, ba quản. Kể từ năm 1962, một số hợp tác xã nhờ xây dựng được kế hoạch sản xuất, thực hiện được ba khoán, ba quản tương đối tốt nên nâng cao được năng suất lao động và tạo điều kiện phát triển ngành nghề, đời sống nhân dân được cải thiện từng bước, nên quyền lợi của xã viên gắn bó với hợp tác xã. Ngược lại ở một số địa phương, nhất là vùng cao hợp tác xã chỉ là hình thức.

Sản xuất không phải lúc nào cũng thuận lợi, năm 1964 do thiên tai mất mùa, diện đói lan rộng trên 1.400 hộ với hơn 8.180 nhân khẩu, đe dọa nghiêm trọng sự tồn tại của một số hợp tác xã. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện một mặt đề ra biện pháp hỗ trợ gần 100 tấn lương thực cho đồng bào, mặt khác động viên các hợp tác xã đẩy mạnh sản xuất, ổn định tư tưởng nhân dân, vững tin vào con đường làm ăn tập thể.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, từ ngày 21-26 tháng 11 năm 1961, Ba Bể tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ V. Có mặt tại Đại hội 82 đại biểu thay mặt cho 474 đảng viên của Đảng bộ. Trong 6 ngày làm việc, Đại hội đã kiểm điểm đánh giá thành tích năm 1961 và những ưu, khuyết điểm trên các mặt công tác lãnh đạo của Ban Chấp hành nhiệm kỳ IV,

thảo luận và quyết định phương hướng nhiệm vụ công tác của Đảng bộ trong nhiệm kỳ V. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 21 đồng chí. Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 5 đồng chí, do đồng chí Nông Văn Hà làm Bí thư¹. Đại hội nhất trí với nhận định rằng: Trong hai năm qua, kể từ Đại hội lần thứ IV đến Đại hội lần này, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy, Đảng bộ Ba Bể đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc giành được nhiều thắng lợi to lớn trên các mặt: công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp nhỏ giành được thắng lợi có tính chất quyết định.

Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ: Ra sức củng cố hợp tác xã, phát triển nông nghiệp toàn diện, mở mang ngành nghề, nâng cao một bước đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân, tăng cường an ninh xã hội, củng cố quốc phòng.

Đảng bộ Ba Bể vẫn coi sản xuất nông nghiệp là nhiệm vụ chính của kế hoạch 5 năm. Để tăng sản lượng lương thực, Ban Chấp hành Đảng bộ lãnh đạo nhân dân thực hiện thâm canh tăng vụ, phấn đấu đạt ba chỉ tiêu về diện tích, năng suất và sản lượng. Mở

1. Đồng chí Hoàng Văn Lược, Phó bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ gồm các đồng chí: Dương Văn Lệnh, Nông Phan Ngô và Hoàng Văn Khải.

rộng diện tích lúa chiêm và lúa Nam Ninh trong sản xuất vụ đông - xuân được coi là giải pháp tăng vòng quay của đất. Để tạo bước chuyển biến trong sản xuất đông - xuân, coi đó là một vụ quan trọng của sản xuất nông nghiệp của hợp tác xã, từ vụ đông - xuân 1960-1961, Huyện ủy đã liên tiếp phát động các phong trào thi đua "Đèo Giàng anh dũng, Đông - xuân đại thắng", "Vượt gió Đại Phong, đông - xuân chiến thắng". Các cơ sở Đảng, hợp tác xã, hưởng ứng chủ trương của Huyện ủy đã mở các chiến dịch làm phân, làm thủy lợi, mở rộng diện tích canh tác vụ đông - xuân, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật trong sản xuất... Nhờ đó mà diện tích và năng suất lúa đông - xuân (cả lúa chiêm và Nam Ninh) qua từng năm từ 1961-1963 không ngừng tăng lên, đạt và vượt kế hoạch trên giao.

Sau khi kết thúc thu hoạch vụ đông - xuân, các hợp tác xã lại khẩn trương đẩy mạnh sản xuất vụ mùa cho kịp thời vụ. Đoàn viên thanh niên là lực lượng xung kích đi đầu trong phong trào. Với khẩu hiệu "Phát cao cờ Đoàn giành vụ mùa thắng lợi", các chi đoàn thanh niên đã tổ chức lực lượng tranh thủ mọi thời gian cày bừa sáng, chiều, quyết tâm giành vụ mùa thắng lợi. Từ năm 1963, nhìn chung năng suất và sản lượng lương thực đạt xấp xỉ chỉ tiêu trên giao, trong đó năm 1962 cả huyện đạt tổng sản lượng lương thực 7.651.627 kg, so với năm

1959 là năm đầu của phong trào hợp tác hóa, tổng sản lượng tăng 3,48%. Bình quân nhân khẩu đạt 357 kg.

Trong sản xuất cả hai vụ đông - xuân và mùa với Ba Bể là huyện vùng cao, chủ yếu làm ruộng bậc thang, công tác thủy lợi luôn luôn là vấn đề quan trọng trong sản xuất từng vụ.

Thực hiện chủ trương "làm thủy lợi 2 năm" do Tỉnh ủy Bắc Kạn phát động, Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể đã chỉ đạo các ngành, các giới, các hợp tác xã, động viên toàn dân, nhất là lực lượng thanh niên tiến công vào thủy lợi. Trong hai năm 1964-1965, nhiều công trình mới được xây dựng. Được Nhà nước hỗ trợ vật tư, nhân dân xã Đại Đồng dốc sức xây dựng con mương Nà Viêu đủ cung cấp nước tưới cho 23 bung ruộng hoang thành ruộng hai vụ chắc.

Xã Cao Thượng tập trung nhân lực hoàn thành công trình trung thủy nông của huyện bảo đảm nước tưới cho diện tích lúa hai vụ của ba hợp tác xã. Quảng Khê hoàn thành mương Chợ Lèng. Đồng bào xã Hưng Đạo bằng sức lực của mình tự làm được mương Vàng Lâm. Ngoài các công trình trên còn có hàng trăm mương phai khác được tu bổ theo lịch hàng năm.

Có sự quan tâm giúp đỡ của tỉnh, Ba Bể xây dựng được một số trạm bơm tự động ở những xã thường xuyên gặp hạn lớn như Mẫu Ninh, Bành Trạch...

Những cố gắng trong công tác thủy lợi đã tạo điều kiện cho Ba Bể trong các năm 1964-1965 căn bản bảo đảm được diện tích cấy cả hai vụ theo kế hoạch. Để tăng vòng quay của đất, diện tích vụ đông - xuân Ba Bể cấy đạt 94,9% kế hoạch. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ VII "lấy thâm canh tăng vụ là chính, đồng thời tích cực khai hoang phục hóa mở rộng diện tích nơi nào có điều kiện, trong tăng vụ cần phát triển chiêm rét"¹ diện tích lúa vụ đông - xuân 1964-1965 tiếp tục được mở rộng. Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, trong vụ đông - xuân này, Ba Bể cấy lúa Nam Ninh trên ba phần tư diện tích canh tác. Đợt rét tháng hai làm mạ Nam Ninh ở một số địa phương bị chết lụi, Huyện ủy đã chỉ đạo các hợp tác xã gieo thẳng hạt Nam Ninh để bảo đảm thời vụ.

Diện tích vụ mùa trong hai năm 1964-1965 nhìn chung vẫn đảm bảo cấy gần hết diện tích, trừ một số chân ruộng chờ nước mưa, riêng năm 1965 đạt 97,7% kế hoạch.

Để thực hiện thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất lúa, Ban Chấp hành Đảng bộ xác định mấu chốt của vấn đề là phân bón và các biện pháp kỹ thuật nông nghiệp. Vì thế nhiều chiến dịch làm phân được phát động, thanh niên, phụ nữ là những người giữ vai trò

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tổng kết năm 1965, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.1.

chủ chốt sản xuất phân xanh, thu gom phân chuồng, phân rác, chuyển phân xuống ruộng bằng chính đôi vai của mình hoặc dùng trâu kéo lóng, xe quệt... phong trào thi đua "Năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi" ở các hợp tác xã: Khuổi Tăng (Cao Thượng), Nà Còi (Bành Trạch), Nà Chim (Quảng Khê), Nà Mô (Thị trấn), Mỹ Vi (Mỹ Phương), Bản Lùng (Thượng Minh)... bước đầu tạo nên mô hình phát triển nông-nghiệp một cách cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi theo hướng thâm canh tăng vụ.

Các biện pháp kỹ thuật thâm canh và sử dụng nông cụ cải tiến ngày càng được áp dụng rộng rãi. Từ việc sử dụng cày 51, bừa đôi bảo đảm cày sâu, bừa kỹ đến việc cấy nhỏ dành, cấy dày hợp lý đúng yêu cầu kỹ thuật và làm cỏ bằng cào răng sắt, bón phân, sục bùn phù hợp với quá trình sinh trưởng của cây lúa được thực hiện chặt chẽ góp phần quan trọng nâng cao năng suất. Vì vậy, trong hai năm liền đầu thời tiết không thuận lợi, Ba Bể căn bản vẫn đảm bảo được sản lượng lương thực theo kế hoạch của Đảng bộ đề ra.

Thực hiện Nghị quyết 16 của Trung ương và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy về xây dựng hợp tác xã chăn nuôi, Đảng bộ Ba Bể lãnh đạo tổ chức các trại chăn nuôi bò ở các xã Thạch Sơn, Hưng Đạo, Thượng Minh, song do cơ sở vật chất chuồng trại yếu kém, công tác thú y, chăm sóc sinh sản của đàn bò chưa

tốt, thiếu cỏ ăn về mùa rét, dẫn đến bệnh tật... nên các đàn bò không có điều kiện phát triển.

Chăn nuôi đại gia súc, gia cầm trong kế hoạch 5 năm (1961-1965) chủ yếu vẫn là các hộ gia đình. Để thúc đẩy chăn nuôi trâu bò phát triển, năm 1961, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tăng cường chỉ đạo các cơ sở hợp tác xã, hộ gia đình sửa chữa gần 100 chuồng cũ, làm 116 chuồng mới. Một số nơi như Thượng Minh, Mỹ Phương, Thượng Giáo làm được chuồng tốt: có ván lát sàn, che chắn gió lạnh mùa đông, tích trữ rơm rạ cho trâu, bò ăn trong những ngày giá rét. Tuy vậy, tình trạng thả đông trâu, bò trong mùa đông còn phổ biến, việc chăm sóc, phòng dịch còn nhiều yếu kém nên đàn trâu, bò phát triển chưa tương xứng với khả năng của địa phương, chưa đáp ứng được nhu cầu sức kéo của các hợp tác xã và cung cấp trâu, bò cho miền xuôi. Năm 1962, chăn nuôi trâu đạt 79,4% kế hoạch, trong đó khá hơn cả là các xã Bình Trạch (80%), Thạch Sơn (83,9%), Hưng Đạo (88%) và Thị trấn (104,4%).

Năm 1963 do các hợp tác xã điều chỉnh về giá cả trâu bò, chi công điểm chăn dắt hợp lý hơn đã tạo được động lực trong chăn nuôi trâu bò trong nhân dân, một phần ba số xã trong huyện có đàn trâu 2.906 con đạt 90,6% kế hoạch, trong đó xã Đông Phúc phát huy thế mạnh của đồng rừng đã phát triển đàn trâu vượt mức. Chính sách chăn nuôi trong năm

1964 khuyến khích được người nông dân chăm sóc trâu nghé, tỷ lệ nuôi nghé sống đạt 70%, có nơi đạt 100%; trên phạm vi toàn huyện đã hạn chế tình trạng thả đông trâu, bò, giảm hẳn tỷ lệ trâu, bò chết rét, chết bệnh. Năm 1965, Ba Bể có đàn trâu trên 9.800 con đạt 115% kế hoạch, tăng 14,9% so với năm 1964 và 30,49% so với năm 1960.

Ba Bể là huyện có nhiều điều kiện phát triển hoa màu nhất là các xã dọc sông Năng, để làm cơ sở đẩy mạnh chăn nuôi lợn. Tuy vậy do chưa được đầu tư đúng mức nên những năm đầu kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đàn lợn tăng trưởng còn chậm. Năm 1965 với những cố gắng trong đầu tư xây dựng chuồng trại, phòng chống dịch bệnh của các cơ sở, chăn nuôi tiến bộ đáng kể, toàn huyện có 21.247 con đạt 100,4% kế hoạch, tăng 3,4% so với năm 1964, so với năm 1960 tăng 62,64%.

Trong cơ cấu kinh tế của huyện, lâm nghiệp giữ vị trí quan trọng nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng của rừng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để phát triển kinh tế rừng, Đảng bộ chủ trương tăng cường tuyên truyền giáo dục trong nhân dân nâng cao trách nhiệm bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng, ngăn chặn các hoạt động đốt phá rừng làm rẫy, cho rằng rừng là tài nguyên vô tận ai cũng có quyền khai thác, chặt phá bừa bãi, đồng thời xây dựng các cơ sở phát triển, khai thác rừng đáp

ứng nhu cầu địa phương, ở trong nước và cho xuất khẩu.

Năm 1961, nạn đốt phá và cháy rừng vẫn còn khá nghiêm trọng, song đã giảm hơn so với các năm trước đây. Phong trào trồng rừng trong nhân dân bước đầu có những chuyển biến, cán bộ, học sinh, xã viên các hợp tác xã ở Bạch Bàn (Thượng Giáo) phát động phong trào trồng trúc làm nguồn vật liệu xuất khẩu tạo thêm thu nhập cho xã viên.

Thực hiện Nghị định 221 của Chính phủ, công tác trồng rừng, bảo vệ rừng được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm và đạt được những kết quả đáng khích lệ. Năm 1964, nhân dân đã hăng hái tham gia trồng được 12.770 cây lấy gỗ, lấy dầu và nhất là trúc phục vụ cho kinh tế đối ngoại. Trên địa bàn huyện hình thành ba điểm lâm nghiệp quốc doanh là Chợ Rã, Quảng Khê, và Pác Nặm.

Từ năm 1961-1965, trung bình mỗi năm Ba Bể thu mua hơn 18 vạn cây trúc dùng làm cần câu và nhậy sào cho xuất khẩu, tính riêng năm 1965 khai thác trúc đạt 119% kế hoạch. Ngoài trúc, các hợp tác xã còn khai thác gỗ, vầu theo kế hoạch, nhân dân khai thác các nguồn lợi của rừng như sa nhân, nấm hương, mộc nhĩ...

Các cơ sở kinh tế: thủ công nghiệp, thương nghiệp đạt được nhiều kết quả trong hoạt động, góp

phân thúc đẩy sản xuất phục vụ đời sống nhân dân. Hệ thống giao thông đường bộ được mở mang hơn trước, sau nhiều đợt huy động hàng ngàn lao động trên công trường, đầu năm 1963 đường 28 (Phủ Thông - Chợ Rã) căn bản hoàn thành, xe chở khách và xe tải đi lại bình thường, giao lưu kinh tế, văn hóa giữa Ba Bể với các vùng được đẩy mạnh hơn trước.

Trải qua 5 năm thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế (1961-1965), dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Ba Bể đạt được nhiều thành tích trên các mặt sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Năng suất, sản lượng lương thực và hoa mầu, hiệu quả chăn nuôi năm sau tăng hơn năm trước. Song, tốc độ tăng trưởng còn chậm, đời sống nhân dân tuy có mặt được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, hàng năm Ba Bể vẫn hoàn thành thuế nông nghiệp, làm tốt công tác ba thu lương thực và thực phẩm cho Nhà nước. Các chỉ tiêu kế hoạch trong một số năm đạt tỷ lệ khá cao như năm 1962 thuế cả hai vụ đạt 101,5%, thu mua thóc và hoa mầu các loại đạt 92,5%, trong đó có 10 xã đạt và vượt mức từ 100-131%.

Năm 1963 thu mua thực phẩm các loại (thịt lợn hơi, cá tươi, gà, vịt...) đạt và vượt mức yêu cầu, nhất là thu mua trâu, bò đạt 122,8% kế hoạch, một số xã đạt từ 150%-177% như Việt Xô, Thượng Giáo,

Quang Thành và Thị trấn, đặc biệt có Mẫu Ninh đạt 238,7% kế hoạch.

Kế hoạch 5 năm (1961-1965) với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể là kế hoạch tiến công vào nghèo nàn và lạc hậu, đồng thời với việc đẩy mạnh phát triển kinh tế, Đảng bộ còn ra sức lãnh đạo sự nghiệp phát triển văn hóa giáo dục, nâng cao một bước trình độ dân trí, đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, góp phần quan trọng vào việc đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ văn hóa giáo dục, khoa học kỹ thuật cho địa phương và đất nước.

Để đáp ứng nhu cầu học tập của con em các dân tộc vùng cao, vùng sâu hẻo lánh, năm học 1961-1962, Ba Bể tăng thêm 11 trường phổ thông cơ sở, trong đó có 10 trường từ lớp 1 đến lớp 4 và 1 trường từ lớp 5 đến lớp 7. Cho tới năm học 1964-1965, tại các xã và làng bản tương đối tập trung dân đều có trường hoặc lớp cấp I, toàn huyện có 4 trường cấp II. Được Sở giáo dục quan tâm, năm 1965, Ba Bể có 1 lớp cấp III đầu cấp (lớp 8). Số học sinh qua các năm tăng nhanh: năm học 1961-1962 Ba Bể có 3.826 học sinh, trong đó học sinh vỡ lòng là 1.556 em, cấp I có 1.919 em và cấp II là 351 em, năm học 1962-1963, học sinh vỡ lòng tăng 0,7%, cấp I tăng 14%, cấp II tăng 27%. Dầu chất lượng giáo dục còn có những hạn chế, song mặt bằng dân trí qua mỗi năm càng được trải rộng hơn. Được Đảng bộ

quan tâm hầu hết con em các dân tộc có điều kiện được học hành.

Bên cạnh giáo dục phổ thông, phong trào bình dân học vụ và bổ túc văn hóa trong 5 năm cũng đạt được nhiều thành quả quan trọng. Năm 1961, hầu khắp các xã đều có lớp thanh toán nạn mù chữ và bổ túc trình độ lớp 1 - 2, thu hút 1998 học viên tham gia. Trong hai năm 1962-1963, được Ty Giáo dục giúp đỡ, Ba Bể tổ chức các đội thanh niên xung phong với hàng trăm giáo viên thanh niên lên các xã vùng cao và một số xã vùng thấp làm nhiệm vụ diệt dốt, kết quả năm 1963, Ba Bể đã "Xóa căn bản xong nạn mù chữ vùng thấp đến vùng cao"¹.

Đồng thời với việc nâng cao dân trí, công tác văn hóa thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ được đẩy mạnh sâu rộng trong nhân dân. Năm 1963, thực hiện Thông tư 94 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức bộ máy văn hóa thông tin các cấp, được Ban Chấp hành Đảng bộ lãnh đạo, các xã Hưng Thịnh, Hưng Đạo, Cao Tân, Thạch Sơn... đã xây dựng được Ban Văn hóa thông tin xã làm nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy, chỉ đạo thông tin, văn hóa, giúp đỡ cơ sở tổ chức các đội văn nghệ, xây dựng nếp sống văn hóa mới.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Chợ Rã, (Số 6 BC/CR) Báo cáo tổng kết năm 1963, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.22.

Nhờ đó, phong trào văn nghệ quần chúng ở một số xã phát triển mạnh, các đội văn nghệ chẳng những tiến hành các buổi trình diễn ở xã mà còn tham gia phục vụ các hội nghị lớn ở huyện thu hút đông đảo người xem. Từ năm 1965, được tỉnh quan tâm Ba Bể có đội chiếu bóng phục vụ trong huyện, nhất là các xã vùng cao phía Bắc, phối hợp cùng các đội văn nghệ cải thiện một bước nhu cầu văn hóa tinh thần của nhân dân. Hệ thống loa truyền thanh ở huyện được xây dựng từ năm 1961 không ngừng được củng cố và mở rộng mạng lưới loa công cộng, loa phục vụ các gia đình xung quanh huyện lỵ và một số xóm thuộc Thượng Giáo, Quang Thành, Nà Còi (Bành Trạch), Bản Cám (Cao Thượng) hàng ngày đem đến cho nhân dân những tin tức quan trọng trên mọi lĩnh vực của địa phương, trong nước và quốc tế, cùng những lời ca, tiếng hát... góp phần nâng cao hiểu biết, xây dựng nếp sống văn hóa mới trong nhân dân.

Trải qua 5 năm thực hiện kế hoạch, mạng lưới y tế từ huyện đến xã được củng cố. Đầu năm 1961 trạm xá dân lập được xây dựng ở 20 xã. Năm 1962 toàn huyện có 91 y tá và nữ hộ sinh, bước đầu đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, công tác phòng và chống bệnh sốt rét tiến hành nhiều đợt, đem lại những kết quả đáng kể, số người mắc bệnh giảm dần. Cho tới năm 1965, cơ sở y tế được

xây dựng rộng khắp trong huyện, mỗi xã có ít nhất một y tá. Công tác bảo vệ bà mẹ trẻ em được quan tâm, nhiều chị em ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa đã mạnh dạn đi khám thai, sinh nở ở trạm xá, tỷ lệ trẻ sơ sinh nuôi đạt 93,3%. Một số dịch bệnh của trẻ em như ho gà, trực trùng đường ruột xảy ra ở Xuân La, Công Bằng, Hoàng Trì, được Ty Y tế giúp đỡ thuốc men đã nhanh chóng dập tắt.

Là huyện vùng cao tiếp giáp với nhiều tỉnh, Ba Bể trở thành một trong những huyện xung yếu của tỉnh Bắc Kạn. Thực hiện chủ trương của Trung ương và Tỉnh ủy, Đảng bộ Ba Bể triển khai cuộc vận động xây dựng vùng xung yếu củng cố các xã trong huyện. Như Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể đã chỉ ra mục đích của cuộc vận động này là "phát động tư tưởng quần chúng các dân tộc nâng cao giác ngộ chính trị, giai cấp... con đường chủ nghĩa xã hội". Qua cuộc vận động đẩy mạnh: "xây dựng Đảng, quần chúng, dân quân, công an... bảo vệ trật tự trị an trong nông thôn, đẩy mạnh đoàn kết nhân dân, đoàn kết dân tộc"; "Xây dựng hợp tác xã, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân"; "Cải tạo phi, phản động cũ chưa chịu cải tạo và những phần tử phức tạp khác"¹. Phương châm chỉ đạo cuộc vận

1. Dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V (11-1961), lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.13 .

động là: kiên trì, thận trọng, nhưng kiên quyết, lấy giáo dục là chính.

Được Tỉnh ủy chỉ đạo, tăng cường cán bộ, Đảng bộ Ba Bể triển khai cuộc vận động từ giữa năm 1960 cho đến hết năm 1964, tiến hành trong bốn đợt, trên địa bàn toàn huyện. Trong đợt một, Đảng bộ tập trung chỉ đạo ở 9 xã phía Bắc, được coi là trọng điểm của cuộc vận động.

Năm 1962, cuộc vận động tiếp tục mở rộng ở nhiều xã, trong đó có các xã Mẫu Ninh, Cao Thượng, Hưng Thịnh, Việt Xô, Bành Trạch, Minh Phúc, Mỹ Phương mà Thượng Giáo là trọng điểm.

Qua mấy năm thực hiện, cuộc vận động đã đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tạo nên những chuyển biến trên các mặt kinh tế, xã hội Ba Bể. Thông qua học tập chủ trương, chính sách của Đảng củng cố thêm lập trường giai cấp, giác ngộ xã hội chủ nghĩa đối với nhân dân. Kết quả cuộc vận động còn góp phần giải quyết những vướng mắc trong nội bộ nhân dân do hậu quả chia rẽ của các phân tử xấu, phản động, thổ phỉ gây ra, tăng cường đoàn kết dân tộc, động viên được thêm nhiều hộ vào hợp tác xã nông nghiệp, quan hệ sản xuất mới được củng cố. Cuộc vận động đã nâng cao vị trí của giai cấp nông dân trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phát huy tinh thần làm chủ nông thôn, hợp tác xã, nhân dân các dân tộc đẩy mạnh các phong

trào thi đua lao động sản xuất đạt và vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước về sản xuất lương thực, chăn nuôi, thực hiện nghĩa vụ lương thực và thực phẩm. Tổng kết phong trào sản xuất năm 1964, Ba Bể có 28 hợp tác xã chiếm tỷ lệ 28,5% đạt loại khá, biết tổ chức sản xuất thực hiện từng phân hoạch toàn bộ ba khoán, ba quản, đảm bảo đời sống nhân dân, đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của cuộc vận động. Mặc dầu số hợp tác xã yếu kém còn chiếm tỷ lệ 14%, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Song đồng bào vẫn vững tin vào đường lối hợp tác xã nông nghiệp của Đảng.

Một trong những mục tiêu của cuộc vận động vùng xung yếu là làm trong sạch địa bàn, giữ vững an ninh xã hội, củng cố quốc phòng. Đây là một công tác khó khăn phức tạp, Đảng bộ đã lãnh đạo các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng phối hợp hành động. Chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện là thông qua phong trào quần chúng để phát hiện và đấu tranh, giáo dục những phần tử xấu, phức tạp, cải tạo họ thành con người tốt có ích cho xã hội.

Ba Bể là căn cứ địa trong Cách mạng Tháng Tám và kháng chiến chống Pháp, trải qua các thời kỳ khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa, quê hương, con người đều có những thay đổi, mặc dầu vậy, bước vào xây dựng chủ

nghĩa xã hội, trị an xã hội Ba Bể còn có những diễn biến phức tạp. Những phần tử xấu, không chịu cải tạo, thường xuyên chống đối chính sách của Đảng và Nhà nước, tung tin thất thiệt gây hoang mang trong nhân dân nào là chiến tranh sắp nổ ra, nào là các mỏ dầu, mỏ muối bị máy bay bắn phá, từ nay sẽ khan hiếm... khiến một số người nhẹ dạ cả tin tìm cách mua, tích trữ dầu hỏa thấp sáng, muối ăn, đòi chia tiền cổ phần, sợ hợp tác xã tan rã, hoặc đòi chia nhỏ hợp tác xã với khoảng chục hộ để tùy cơ ứng biến... Một số kẻ trước đây hoạt động hoặc chịu ảnh hưởng của phe đẩy mạnh hoạt động phao tin đồn nhảm, lôi kéo quần chúng chống lại chính quyền địa phương, phá hoại phong trào hợp tác hóa. Các đường dây buôn lậu, đặc biệt là buôn lậu thuốc phiện, với hàng chục tên nắm và đầu mối ở Nhận Môn, Bộc Bó, Công Bằng, Cổ Linh, Cao Tân, Hà Hiệu... liên lạc với các vùng trong huyện và ngoài huyện, ngoài tỉnh. Ngoài ra còn phải kể đến các ổ cờ bạc vẫn hoạt động ... Có thể nói thực trạng xã hội tùy từng lúc, từng nơi còn có những nhức nhối, nhiệm vụ của Đảng bộ là làm trong sạch địa bàn, bảo đảm an ninh xã hội, củng cố quốc phòng.

Thực hiện Chỉ thị 51 của Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Kạn, Nghị quyết 39 của Bộ Chính trị về việc trấn áp bọn phản cách mạng ở địa phương, thông qua phong trào quần chúng tố giác, phát hiện, trong đợt một

của cuộc vận động dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, Ba Bể đã cải tạo 143 tên phỉ cũ, 550 người thuộc các đối tượng phức tạp có tiền án hình sự, chống chính sách, buôn lậu, trộm cắp, nghiện hút, tuyên truyền mê tín dị đoan... Trong đó, truy tố trước pháp luật ba tên về tội danh chống lại chính sách của Đảng và Nhà nước gây hậu quả xấu. Trong các đợt tiếp theo của cuộc vận động vùng xung yếu, Ba Bể tiến hành kiểm thảo 69 người có những biểu hiện chống phá hợp tác xã, bôi nhọ chính sách của Đảng, đe dọa cán bộ.

Xuất phát từ nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ này và yêu cầu của cuộc vận động xây dựng vùng xung yếu, Đảng bộ tăng cường lãnh đạo phong trào bảo vệ trị an trong dân quân tự vệ và nhân dân. Năm 1963, các xã trong huyện xây dựng được 243 bản quy ước bảo vệ trị an thôn xóm. Năm 1964, phản đối đế quốc Mỹ dựng lên sự kiện Vịnh Bắc Bộ (5-8-1964), các cơ sở phát động quần chúng nêu cao cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu chống Mỹ, cứu nước. Cuộc vận động xây dựng vùng xung yếu còn thiết thực củng cố chính quyền cơ sở, đẩy mạnh hoạt động của các ngành, các giới, đặc biệt là công tác xây dựng lực lượng vũ trang và động viên tuyển quân bảo vệ Tổ quốc. Trước âm mưu phá hoại hậu phương miền Bắc của đế quốc Mỹ, công tác quân sự được xây dựng theo yêu cầu nhiệm vụ mới.

Lực lượng dân quân được củng cố về tổ chức, phát triển về số lượng, riêng năm 1965 đạt 101,9% kế hoạch. Công tác huấn luyện dân quân tự vệ về chính trị, tư tưởng, năng lực tổ chức, chỉ huy, hợp đồng chiến đấu được quán triệt theo phương án chống gián điệp, biệt kích.

Từ sau vụ nhảy dù của toán biệt kích 5 tên xuống Phủ Thông (9-1963), với tinh thần đề cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, được Ban chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn phối hợp, Đảng bộ Ba Bể đã lãnh đạo cuộc tổng diễn tập hợp đồng tác chiến giữa các lực lượng dân quân, công an và nhân dân các dân tộc với nhiệm vụ phát hiện, vây bắt gián điệp, biệt kích ở ba cụm Công Bằng, Bằng Thành và Quảng Khê. Đặc biệt cuộc diễn tập báo động đêm 31-7-1964 tại Bằng Thành nhanh chóng huy động lực lượng dân quân, công an và nhân dân trong 10 xã tham gia. Đồng bào các dân tộc mỗi khi được báo động không chỉ khẩn trương tham gia phát hiện, vây bắt gián điệp, biệt kích mà còn ủng hộ lương thực, thực phẩm cho lực lượng vũ trang địa phương tiến hành nhiệm vụ.

Trong những năm 1963-1964, nhiều xã thực hiện tốt nhiệm vụ trị an có thành tích toàn diện được xếp loại xã có phong trào bảo vệ trị an tốt như Bằng Thành, An Thắng, Bộc Bốc, Cổ Linh, Mỹ Phương, Hà Hiệu, Yến Dương và Thị trấn, các xã còn lại hầu hết đạt loại khá.

Sự chuyển biến phong trào dân quân nhất là tinh thần huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu đã có tác dụng thúc đẩy công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự, động viên tuyển quân từ 1961-1965 đạt và vượt kế hoạch tỉnh giao.

Trong quá trình xúc tiến xây dựng vùng xung yếu, công tác xây dựng Đảng ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ mới được đặt ra bức xúc nhằm nâng cao nhận thức mới, phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, lãnh đạo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội: xóa đói, giảm nghèo, làm cho dân giàu nước mạnh và tăng cường quốc phòng nhằm chống lại âm mưu của đế quốc Mỹ đẩy mạnh chiến tranh ở miền Nam, mở rộng chiến tranh ra miền Bắc.

Để tạo chuyển biến trong nhận thức, từ năm 1961, Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể chủ trương một mặt tổ chức các lớp tập huấn chính trị ngắn ngày cho đảng viên (ngoài số được cử đi học các khóa đào tạo do Tỉnh ủy và Trung ương mở), mặt khác huấn luyện đảng viên trong thực tế công tác ở cơ sở. Thực hiện chủ trương trên, bước đầu Đảng bộ đã đạt được những kết quả như Ban Chấp hành Đảng bộ nhận xét: "Hơn một năm qua (1961 - TG) chúng ta đã tiến hành bồi dưỡng cán bộ, đảng viên bằng công tác thực tế, nói chung đại đa số đảng

viên tiến bộ rõ rệt, tinh thần ý thức, lập trường được nâng cao một bước, vai trò lãnh đạo của chi bộ đã tỏ ra quyết định mọi công tác của địa phương mình"¹.

Tuy nhiên, Ban Chấp hành Đảng bộ cũng nhận thấy rằng trước những yêu cầu, nhiệm vụ mới của cách mạng "Có một số ít chi bộ, một số đảng viên chưa chuyển biến kịp...". Nguyên nhân của tình hình trên theo Ban Chấp hành Đảng bộ chính là do một bộ phận đảng viên và một số chi bộ chưa nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của công tác huấn luyện, giáo dục chính trị, tư tưởng. Trong khi chỉ đạo nâng cao chất lượng đảng viên, chi bộ, Ban Chấp hành Đảng bộ hết sức quan tâm công tác phát triển Đảng. Hai năm (1961-1962), Đảng bộ Ba Bể phát triển được 87 đảng viên mới, song tập trung chủ yếu là ở một số chi bộ. Trong 24 chi bộ xã, năm 1961 còn 11 chi bộ và năm 1962 còn 12 chi bộ không phát triển được đảng viên nào. Tỷ lệ đảng viên năm 1962 so với số dân chiếm 2,42%, nhưng vẫn còn 64 "xóm trắng" và hai hợp tác xã không có đảng viên, tỷ lệ đảng viên trong giới phụ nữ và vùng cao, dân tộc ít người còn thấp so với yêu cầu.

Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, từ ngày 15 đến ngày 19 tháng 5 năm 1963, Ba Bể tiến hành Đại hội

1. Dự thảo Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, trình tại Đại hội Đảng bộ lần thứ V (11-1961), lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.5.

Đảng bộ lần thứ VI. Tham dự Đại hội có 66 đại biểu thay mặt cho 556 đảng viên trong Đảng bộ. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành mới gồm 21 đồng chí (có 4 ủy viên dự khuyết), Ban Thường vụ có 7 đồng chí, do đồng chí Nông Văn Hà làm Bí thư¹. Nghị quyết Đại hội lần này hết sức quan tâm tới công tác xây dựng Đảng nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, trong đó, Đại hội coi "Công tác tuyên truyền giáo dục đảng viên là một trong những công tác tuyệt đối quan trọng, nó là sự sống còn của đảng viên"². Từ sau Đại hội, công tác xây dựng Đảng có bước phát triển mới. Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và Tỉnh ủy, từ năm 1963, Đảng bộ Ba Bể triển khai cuộc vận động xây dựng đảng viên "4 tốt", chi bộ "4 tốt". Qua học tập mục đích, yêu cầu xây dựng chi bộ "4 tốt", trong Đảng bộ có 8 chi bộ đăng ký.

Hưởng ứng cuộc vận động xây dựng chi bộ "4 tốt", các chi bộ đã đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đấu tranh tự phê bình và phê bình những biểu hiện vi phạm chính sách, tha hóa về đạo đức, không thực hiện hoặc triển khai chậm

1. Phó bí thư gồm các đồng chí Hoàng Kim Lược và Nông Phan Ngô, Ủy viên Ban Thường vụ gồm các đồng chí: Hoàng Cao Khải, Dương Văn Lệnh, Lâm Văn Tịnh, Ma Văn Phú.

2. Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ Chợ Rã tại Đại hội Đảng bộ lần thứ VI, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.43.

ng nghị quyết của Đảng, nội bộ mất đoàn kết... nhằm làm cho chi bộ vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, thực sự là trung tâm đoàn kết lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng. Cuộc vận động đã tạo nên những chuyển biến mới trong Đảng bộ, làm cho các nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, vai trò lãnh đạo của Đảng bộ được tăng cường. So với những năm 1961-1962, năm 1963, công tác phát triển Đảng tiến hành đồng đều trong các chi bộ, 6 tháng đầu năm 1963 đã phát triển được 35 đảng viên. Đó là một bước tiến bộ trong công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ Ba Bể.

Công tác xây dựng chi bộ "4 tốt" tiếp tục được đẩy mạnh, đến năm 1965 hầu hết các chi bộ đăng ký phấn đấu đạt tiêu chuẩn chi bộ "4 tốt". Kể từ năm 1964, một số chi bộ qua kiểm tra đã được Ban Chấp hành Đảng bộ phong danh hiệu chi bộ "4 tốt", số chi bộ khá tăng gần gấp đôi so với các năm trước. Tuy nhiên, qua công tác kiểm tra, số đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng vẫn còn. Ban Thường vụ Huyện ủy đã kiên quyết đưa những đảng viên không đủ tiêu chuẩn ra khỏi hàng ngũ Đảng.

Về tổ chức, trên cơ sở phát triển đảng viên của các chi bộ, để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của Đảng, năm 1964, Ban Thường vụ Huyện ủy quyết định thành lập hai Đảng bộ mới: Mỹ Phương, Quang Thành và chi bộ Thủy sản (đánh cá) ở Ba Bể.

Thực hiện kế hoạch 5 năm, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể đạt được nhiều thành tích quan trọng trên các mặt, quê hương, con người đều có những đổi thay, quan hệ sản xuất mới được xác lập trên phạm vi toàn huyện, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của nhân dân được cải thiện, nâng cao một bước. Cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp với hoàn thành cải cách dân chủ và cuộc vận động xây dựng vùng xung yếu đã góp phần củng cố quan hệ sản xuất mới, thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất phát triển kinh tế, văn hóa giáo dục, giữ vững trị an xã hội, củng cố quốc phòng, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng bộ.

Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) thực hiện được 4 năm thì đế quốc Mỹ mở rộng "chiến tranh cục bộ", tiến hành bắn phá miền Bắc, cả nước đi vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trong bối cảnh lịch sử mới, ngày 21-4-1965 theo sự phê chuẩn của Quốc Hội, hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên sáp nhập làm một gọi là tỉnh Bắc Thái. Đảng bộ Ba Bể trở thành một trong những Đảng bộ huyện của tỉnh Bắc Thái từ tháng 4 năm 1965. Xứng danh với truyền thống cách mạng của mình, Đảng bộ đã ra sức lãnh đạo nhân dân các dân tộc thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước.

CHƯƠNG II

ĐẢNG BỘ BA BỂ TRONG NHỮNG NĂM CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1965-1975)

I. XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG VỮNG MẠNH MỌI MẶT, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ NHẤT CỦA GIẶC MỸ Ở MIỀN BẮC, RA SỨC CHI VIỆT CÁCH MẠNG MIỀN NAM (1965-1968)

Bị thất bại trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt", đế quốc Mỹ tiến hành "chiến tranh cục bộ", ồ ạt đưa quân đội viễn chinh Mỹ và chư hầu cùng các vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại vào miền Nam để đàn áp cách mạng miền Nam, tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân nhằm triệt hạ các cơ sở kinh tế, quốc phòng, văn hóa giáo dục của nhân dân ta, để ngăn chặn sự chi viện của đồng bào miền Bắc đối với cách mạng miền Nam, làm nhục ý chí kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân hai miền Nam, Bắc, đi tới kết thúc chiến tranh theo ý muốn của chúng.

Trước âm mưu và hành động điên cuồng phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, ngày 25 tháng 3 năm

1965, Đảng ta đã họp Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11. Hội nghị đề ra nhiệm vụ quan trọng của quân và dân miền Bắc trong tình hình mới là ra sức xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương lớn, vững chắc của cách mạng cả nước, vừa bảo đảm đời sống nhân dân, đáp ứng nhu cầu đánh thắng chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc, bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, vừa ra sức chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam và cách mạng Lào, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Để đáp ứng tình hình mới, Hội nghị lần thứ 11 của Trung ương quyết định: chuyển hướng xây dựng kinh tế sang thời chiến, chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, tăng cường lực lượng quốc phòng cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ cấp bách của miền Bắc. Mục tiêu của sự chuyển hướng kinh tế là bảo đảm yêu cầu chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu và tăng cường lực lượng cho cách mạng miền Nam, đồng thời vẫn phù hợp với phương hướng lâu dài của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó, Hội nghị chủ trương đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, đặc biệt là ở trung du và miền núi.

Về quốc phòng, tăng thêm bộ đội thường trực, phát triển, củng cố dân quân, chú ý công tác phòng không nhân dân, phát động toàn dân bắn máy bay...

Hội nghị xác định về tư tưởng và tổ chức phải làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận rõ âm mưu của

địch, nhận thức đầy đủ tình hình nhiệm vụ miền Bắc đang ở trong thời chiến.

Hội nghị lần thứ 12 của Ban Chấp hành Trung ương tiếp tục khẳng định: Chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc. Đầu năm 1965 cả miền Bắc chuyển sang thời chiến. "Vừa sản xuất, vừa chiến đấu", "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược" trở thành khẩu hiệu hành động, lẽ sống, ý chí của toàn Đảng, toàn dân ta.

Trước yêu cầu nhiệm vụ mới của cách mạng, tháng 2 năm 1965, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam phát động phong trào "ba sẵn sàng" trong thanh niên, ngày 19 tháng 3 năm 1965, Ban Chấp hành Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động phong trào "ba đảm đang" trong phụ nữ; cả miền Bắc sục sôi khí thế thi đua "Tay búa, tay súng", "Tay liềm, tay súng", "Mỗi người làm việc bằng hai...".

Ngày 11 tháng 3 năm 1965, trong bối cảnh mới của tình hình đất nước, Ban Bể tiến hành Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII. Đại hội đề ra nhiệm vụ quan trọng về kinh tế, xã hội và quốc phòng nhằm củng cố hậu phương vững mạnh về mọi mặt, sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến. Đại hội bầu Ban Chấp hành mới gồm 21 đồng chí (3 ủy viên dự quyết) và Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 7 đồng chí,

do đồng chí Nông Văn Hà làm Bí thư¹.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Ba Bể xúc tiến đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương trong toàn Đảng bộ và phổ biến sâu rộng trong nhân dân các dân tộc, nhằm quán triệt những nhiệm vụ cách mạng mà Đảng ta đã vạch ra, đồng thời khẳng định quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất kỳ tình huống nào của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể.

Ngay từ đợt đầu phổ biến tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương đã có hơn 5.600 cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc đã tham dự. Nhận rõ âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ trong "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại của chúng ở miền Bắc, Đảng bộ và nhân dân Ba Bể nguyện đoàn kết một lòng xung quanh Đảng, tin tưởng ở đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Đảng ta, sẵn sàng chiến đấu.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Lao động Việt Nam, hơn 1000 đoàn viên thanh niên các dân tộc Ba Bể về đơn "ba sẵn sàng". Trong lực lượng vũ trang nhà

1. Đồng chí Nông Phan Ngô, Phó bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ gồm các đồng chí: Đàm Đình Phùng (Thường trực), Hoà Văn Khải, Ma Văn Phú, Lâm Văn Tịnh, Dương Văn Lệnh.

dân có 874 lá đơn của dân quân tự vệ nêu cao "ba quyết tâm" chống Mỹ, cứu nước. Được hội phụ nữ các cấp động viên, 5.707 chị em đã tham gia học tập thời sự, chính sách thời chiến của Đảng, nghị quyết của Trung ương Hội phụ nữ, trong đó có 1.074 chị em đã đăng ký và nêu cao quyết tâm của người hậu phương trong lá đơn "ba đảm đang". Các mẹ, các chị đã động viên chồng con sẵn sàng lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Có chị dù gia đình neo đơn vẫn viết thư động viên chồng yên tâm tại ngũ¹.

Đứng trước tình hình giặc Mỹ ngày càng mở rộng chiến tranh phá hoại miền Bắc, tăng cường trinh sát không phận Bắc Kạn, Ba Bể, Đảng bộ Ba Bể tập trung chỉ đạo kế hoạch phòng không, sơ tán, xây dựng hầm hào phòng tránh máy bay địch bắn phá.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Ban Phòng không quân nhân dân huyện Ba Bể được thành lập, nhanh chóng hướng dẫn, giúp đỡ các cơ quan, bệnh xá, trường học, các cơ sở kinh tế quốc doanh, các gia đình, đặc biệt là các hộ dọc đường gần trung tâm huyện lỵ địa điểm sơ tán, xây dựng hầm hào.

¹. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Chợ Rã, Báo cáo tổng kết công tác năm 1965, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.4.

Ngành y tế nhanh chóng chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến. Thực hiện Chỉ thị 40 của Trung ương Đảng và Chỉ thị 164 của Phủ Thủ tướng, bệnh xá Ba Bể được bổ sung, tăng cường thiết bị đa khoa nâng cấp thành bệnh viện.

Theo quyết định của Ty Y tế Bắc Thái, Ban y tế phòng không các cấp từ tỉnh đến xã được thành lập. Các Ban y tế đã mở các lớp đào tạo ngắn ngày về cấp cứu ngoại cho dân quân tự vệ, cho các cơ sở. Các cơ quan, trường học, cơ sở kinh tế... theo chỉ thị của Huyện ủy nhanh chóng chuyển mọi hoạt động sang thời chiến. Một số cơ quan dần mỏng lực lượng, ngoài bộ phận nhỏ ở tại cơ sở cũ làm nhiệm vụ trực chiến, giao dịch, bảo vệ cơ quan, đại bộ phận sơ tán về các bản làng an toàn hơn, có một số cơ quan như bệnh viện, trường học, cửa hàng bách hóa... đi xa hẳn trung tâm huyện lỵ. Tại nơi sơ tán chẳng những bảo đảm các điều kiện làm việc, học tập mà còn có hầm hào phòng không chắc chắn, cán bộ, giáo viên kể cả các em học sinh được hướng dẫn sử dụng các trang bị, đồ dùng cứu thương cần thiết, bảo đảm tính mạng tài sản và mọi hoạt động trong bất kỳ tình huống nào.

Trong nhân dân, sơ tán chủ yếu là người già, trẻ em đến những vị trí xa làng bản, trung tâm huyện lỵ, trực đường cái, thường là sáng đi, tối về hoặc có trường hợp làm lán trại cố định trong rừng sâu, cời

hầu hết những người lao động bầm đồng ruộng để sản xuất.

Ngày 5 tháng 9 năm 1965, giặc Mỹ cho máy bay bắn phá kho vũ khí quân dụng A3 (Xuất Hóa, Bạch Thông), công trường làm đường Na Rì mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại trên địa phận Bắc Thái, tiếp đó, trong tháng 9 và 10 năm 1965, máy bay giặc Mỹ bắn phá Nông Thượng (Bạch Thông), các cầu dọc Quốc lộ 3 như cầu phà Bắc Kạn, cầu Ổ Gà (Chợ Mới), cầu Gia Bảy (thành phố Thái Nguyên), gây nhiều tội ác đối với nhân dân ta.

Một số cán bộ và nhân dân cho rằng Ba Bể là huyện vùng cao của tỉnh Bắc Kạn, không có cơ sở kinh tế, giao thông quan trọng nên chủ quan, coi nhẹ công tác phòng không, sau một loạt các vụ bắn phá nói trên của máy bay giặc Mỹ đã phải đề cao cảnh giác, làm hầm trú ẩn, tổ chức phòng không, sơ tán tốt hơn.

Chủ động đối phó với âm mưu mới của đế quốc Mỹ, Trung ương nhận định: đế quốc Mỹ sẽ có những hành động tàn bạo, trắng trợn liều lĩnh hơn nữa, chúng sẽ mở rộng phạm vi bắn phá các khu công nghiệp, đường giao thông, đê đập và các nơi đông dân cư của ta, đồng thời chúng có thể thả hàng loạt gián điệp, biệt kích, rải truyền đơn gây hoang mang trong nhân dân, kích động bọn phản cách mạng ở miền núi, gây phỉ ở vùng biên giới và

miền núi, thậm chí cùng đường chúng có thể gây "chiến tranh cục bộ" ở cả hai miền Nam, Bắc.

Ba Bể trong lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp từng là địa bàn hoạt động hết sức quyết liệt của bọn phi - công cụ của thực dân Pháp, được Pháp kích động, nuôi dưỡng để phá hoại hậu phương kháng chiến của ta. Chúng đã bị quân và dân ta tiêu diệt, làm tan rã về tổ chức. Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ Ba Bể ra sức củng cố cơ sở quần chúng, xóa bỏ tàn tích phi. Tuy vậy, do tính chất hiểm trở của vùng rừng núi, giáp biên, nhiều dân tộc cùng chung sống, trình độ chính trị, kinh tế, xã hội giữa các dân tộc còn có những chênh lệch, Ba Bể luôn là địa bàn xung yếu, phải cảnh giác với âm mưu của đế quốc Mỹ thả gián điệp, biệt kích, lôi kéo những phần tử xấu, những tên phi cũ không chịu cải tạo, kích động bạo loạn phá hoại hậu phương. Vì vậy, bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Trung ương và Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng Ba Bể thành hậu phương an toàn, đảm bảo trị an xã hội, an ninh, quốc phòng.

Quán triệt nhiệm vụ chính trị của Đảng trong tình hình mới, tháng 10 năm 1965, Ban Thường vụ Huyện ủy Ba Bể đã chỉ thị cho cấp ủy cơ sở "tăng cường củng cố tổ chức, bồi dưỡng lực lượng vũ trang công an xã hội chủ nghĩa". Chỉ thị nhấn mạnh: "Với những yêu cầu mới của nhiệm vụ cách

mạng hai miền, nay công an xã là công cụ chuyên chính của Đảng, của chính quyền ở cấp xã, thực chất là công cụ trấn áp bọn phản cách mạng giữ gìn trật tự trị an, nhằm bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền, bảo vệ những thành quả của cách mạng, bảo vệ đời sống yên lành và hạnh phúc của nhân dân các dân tộc... Ban Thường vụ Huyện ủy chỉ thị các Ban Đảng ủy, chi ủy các xã toàn huyện cần khẩn trương tăng cường củng cố, bồi dưỡng lực lượng công an xã¹. Chỉ thị nêu lên bốn yêu cầu nhằm củng cố tổ chức, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công an, phát huy vai trò giữ gìn an ninh của công an đến tận các thôn xóm.

Thực hiện Chỉ thị của Huyện ủy, hệ thống tổ chức công an xã được củng cố, tăng cường thêm lực lượng, việc tuần tra, kiểm soát các vùng trọng điểm trở thành nhiệm vụ thường xuyên, đã góp phần quan trọng giữ vững trị an xã hội, đập tan các luận điệu sằng bậy của những phân tử xấu, ổn định tư tưởng trong nhân dân trước những diễn biến phức tạp do chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ gây ra.

Sau khi hợp nhất tỉnh, đồng thời với việc triển khai các công tác Đảng, chính quyền, điều chỉnh các kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục,

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, (Số 19-TC/CR) *Chỉ thị về việc củng cố tổ chức bồi dưỡng lực lượng công an xã hội chủ nghĩa*, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.1.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra chỉ thị mở "Cuộc vận động xây dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ" xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân, sẵn sàng đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trong mọi tình huống, đồng thời bảo đảm nguồn bổ sung quân thường trực, củng cố quốc phòng.

Chấp hành Chỉ thị của Tỉnh ủy, được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh chỉ đạo, năm 1965, Đảng bộ Ba Bể đã lãnh đạo cuộc vận động xây dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ vững mạnh mọi mặt. Đội ngũ cán bộ dân quân tự vệ được bổ sung, kiện toàn. Nhiều đồng chí Bí thư hay Đảng ủy viên, chi ủy viên được cử giữ chức vụ xã đội trưởng hay chính trị viên xã đội. Ban chỉ huy xã đội được củng cố, bổ sung thêm nhiều đồng chí trẻ, có phẩm chất chính trị tốt, có tinh thần trách nhiệm cao.

Đáp ứng tình hình nhiệm vụ mới, công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ được đẩy mạnh một bước, năm 1965 tỷ lệ phát triển dân quân đạt 101,9% so với chỉ tiêu kế hoạch. Số lượng tăng, nhưng vẫn bảo đảm về chất lượng, tỷ lệ đảng viên chiếm 14%, tăng hơn năm 1964 là 2,8%, với tinh thần "ba sẵn sàng", lực lượng đoàn viên tham gia đạt tỷ lệ 214% tăng hơn năm 1964 là 4,4%. Trong điều kiện phân lớn nam thanh niên tham gia các đội thanh niên xung phong chống Mỹ, cứu nước, lên đường tòng quân giết giặc, nhiều chị em đã nêu cao

ý thức "ba đảm đang" hăng hái tham gia dân quân tự vệ thay chồng hoặc người thân trong gia đình làm nhiệm vụ bảo vệ hậu phương.

Một trong những yêu cầu nâng cao chất lượng dân quân tự vệ mà các cấp ủy Đảng quan tâm là làm trong sạch đội ngũ, nâng cao tính chất giai cấp, tính chiến đấu của đội ngũ dân quân tự vệ. Thực hiện yêu cầu này, Ban chỉ huy xã đội các xã, đặc biệt là ở xã Thượng Giáo, qua kiểm tra đã loại ra khỏi đội ngũ dân quân những người không đủ điều kiện vì cao tuổi, sức yếu hoặc không đảm bảo tiêu chuẩn về chính trị.

Công tác huấn luyện dân quân tự vệ là một nhiệm vụ quan trọng nhằm nâng cao năng lực chỉ huy chiến đấu, bảo đảm chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống. Quán triệt sâu sắc nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện luôn quan tâm, lãnh đạo tốt các yêu cầu phương án huấn luyện đối với dân quân tự vệ. Thực hiện kế hoạch của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ba Bể đã triển khai đợt huấn luyện các cấp chỉ huy dân quân xã, trong đó, cấp xã đội dân quân đạt tỷ lệ 98%, cấp tiểu đội đạt 92,3% kế hoạch.

Bước sang năm 1966, đế quốc Mỹ càng đẩy mạnh chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc nói chung, địa bàn Bắc Thái nói riêng, nhằm triệt hạ các cơ sở kinh tế, quốc phòng, các công trình văn hóa giáo dục của nhân dân ta, chặn đứng chi viện sức người,

sức của của miền Bắc đối với cách mạng miền Nam, nhiệm vụ xây dựng dân quân tự vệ, củng cố hậu phương càng nặng nề hơn. Tháng 3-1966, dưới sự chỉ đạo của Quân khu, của Tỉnh ủy các tỉnh Bắc Thái, Cao Bằng và Tuyên Quang, một cuộc hội nghị bảo vệ trị an thời chiến của bốn huyện tiếp giáp nhau của ba tỉnh nói trên, trong đó có Ba Bể, được tiến hành tại Bảo Lạc (Cao Bằng). Hội nghị thống nhất kế hoạch chung tăng cường trị an vùng biên giới, đề ra nhiệm vụ đầy mạnh hơn nữa công tác giáo dục dân quân tự vệ và đồng bào các dân tộc theo ba yêu cầu và bảy nội dung bảo vệ trị an thời chiến. Sự liên kết, hiệp đồng tác chiến theo kế hoạch giữa các huyện có chung địa giới với Ba Bể có tác dụng củng cố một bước an ninh chính trị trong khu vực vùng biên giới phía Bắc.

Trước những đòi hỏi của tình hình, Huyện ủy Ba Bể xác định phương hướng nhiệm vụ "Công tác quân sự năm 1966 của huyện về các mặt lấy sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu làm mục tiêu, phải tăng cường chuẩn bị đối phó với chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ ngày càng quy mô, ác liệt, liên tục hơn và đối phó âm mưu thủ biệt kích, gián điệp, chiến tranh tâm lý của địch, đồng thời tích cực củng cố căn cứ địa, tiếp tục chuẩn bị trận địa đã có..."¹.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, *Dự thảo phương hướng kế hoạch công tác năm 1966 của Huyện ủy Chợ Rã*, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.6.

Nhiệm vụ trên đặt ra những vấn đề quan trọng trong công tác xây dựng lực lượng và huấn luyện dân quân tự vệ nhằm bảo đảm chiến đấu, đối phó với mọi âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ, giữ vững hậu phương, căn cứ địa cách mạng. Trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ theo yêu cầu của Quân khu, Ba Bể không chỉ hoàn thành việc thống nhất lực lượng dự bị và dân quân tự vệ mà còn phấn đấu đạt tỷ lệ phát triển 12% so với số dân, riêng khối cơ quan tỷ lệ phát triển tự vệ thích hợp là từ 35-45% so với tổng số biên chế, đó là những chỉ tiêu cao. Tuy nhiên, theo yêu cầu thời chiến, công tác xây dựng dân quân tự vệ ngày càng đạt được những tiến bộ, lực lượng được tăng cường mọi mặt. Tính riêng năm 1967, Ba Bể phát triển được thêm 273 chiến sỹ, trong đó có 44 nữ, chất lượng cũng nâng lên, tỷ lệ đảng viên chiếm 18%, tăng hơn năm 1965 là 4%, tỷ lệ còn lại hầu hết là đoàn viên thanh niên lao động bao gồm những người hăng hái, tiêu biểu trong phong trào sản xuất, công tác xã hội và bảo vệ trị an...

Công tác huấn luyện dân quân tự vệ năm 1966 đặt ra những yêu cầu cao nhằm đáp ứng nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu bảo vệ hậu phương giữ vững an ninh xã hội, củng cố quốc phòng, đảm bảo an toàn vùng biên cương của Tổ quốc. Được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, huấn luyện chính trị cho cán bộ xã đội chính trị và xã đội quân sự toàn

huyện đạt 92% kế hoạch, huấn luyện kỹ chiến thuật cho các ban chuyên môn và các đơn vị cơ sở, số cán bộ, chiến sĩ tham gia đạt từ 50-100% trong tất cả các khoa mục.

Đồng bào các dân tộc nhất là chị em phụ nữ đã nêu cao tinh thần giúp đỡ, động viên chồng con luyện tập và đóng góp lương thực, thực phẩm cho các đợt huấn luyện đạt kết quả tốt.

Để nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, xây dựng ý thức thường trực, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu đạt hiệu quả cao, bảo đảm thắng lợi, trong năm 1966, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, 24 xã trong tổng số 26 xã và Thị trấn đã tiến hành báo động thực tập theo phương án chống gián điệp, biệt kích, chống bạo loạn ở địa phương. Công tác tuần tra, canh gác phòng gian bảo mật đặt thành nhiệm vụ thường xuyên đối với dân quân tự vệ, nhằm bảo vệ các cơ quan, kho tàng của Trung ương và địa phương, tính mạng và tài sản của nhân dân, giữ vững trị an xã hội. Phát huy tinh thần trách nhiệm, năm 1967 dân quân tự vệ tham gia điều tra, vây bắt 41 vụ buôn lậu, lưu manh, trộm cắp, góp phần làm trong sạch địa bàn, giữ vững sự bình yên của làng bản.

Nhìn chung, phong trào xây dựng, huấn luyện, bảo vệ trị an của dân quân tự vệ Ba Bể trong những năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của

giặc Mỹ ở miền Bắc có nhiều chuyển biến tốt. Qua phân loại năm 1967, có 11 đơn vị xã và đơn vị Thủy sản đạt loại giỏi, 9 đơn vị xã đạt loại khá, còn lại 8 đơn vị xã và một trung đội tự vệ cơ quan xếp loại trung bình, không có đơn vị yếu kém.

Lực lượng dân quân tự vệ phát triển đặc biệt là lực lượng hậu bị được chăm lo xây dựng đã tạo ra những tiên đề thuận lợi cho công tác động viên tuyển quân bổ sung lực lượng cho quân thường trực đáp ứng kịp thời nhu cầu tiên tuyến. Mặc dầu vậy, để bảo đảm chỉ tiêu kế hoạch công tác tuyển quân trong mọi hoàn cảnh, Đảng bộ đã ra sức lãnh đạo các cấp, các ngành phối hợp chặt chẽ các công tác: giáo dục chính trị cho dân quân tự vệ, thanh niên, học sinh, quản lý và làm tốt đăng ký nghĩa vụ quân sự, khám sức khỏe và chữa bệnh cho các đối tượng thuộc diện động viên tuyển quân. Đặc biệt trong công tác xây dựng hậu phương, Đảng bộ quan tâm lãnh đạo, xây dựng phong trào "ba sẵn sàng" của thanh niên, "ba đảm đang" của phụ nữ, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội bảo đảm chế độ cho các gia đình thương binh, liệt sĩ, quân nhân tại ngũ đúng chính sách, kịp thời, chính xác, bảo đảm đời sống và hạnh phúc cho các gia đình quân nhân, kiên quyết giáo dục và giải quyết có hiệu quả đối với các đối tượng đảo lạc ngũ... Những vấn đề trên được các ngành, các giới triển khai thực hiện nhằm

bảo đảm yêu cầu về số lượng và chất lượng các đợt tuyển quân, do vậy mà động viên được con em các dân tộc lên đường làm nghĩa vụ quân sự.

Trong ba năm (1965-1968), Ba Bể luôn đáp ứng một trăm phần trăm chỉ tiêu kế hoạch động viên tuyển quân, đảm bảo "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người". Phát huy tinh thần đoàn kết quốc tế trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, ngoài việc chấp hành đầy đủ chính sách nghĩa vụ quân sự, theo yêu cầu của Trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ cử một số đồng chí đảng viên, có đồng chí là ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy đi công tác biệt phái ở nước bạn Lào.

Trong điều kiện cả nước có chiến tranh gây nhiều khó khăn cho sản xuất, Đảng bộ Ba Bể hết sức tranh thủ mọi nhân tố thuận lợi, vượt lên khó khăn, lãnh đạo nhân dân xây dựng kinh tế, phát triển văn hóa giáo dục đồng thời bảo đảm các nhu cầu chi viện cho tiền tuyến.

Phát huy những thắng lợi đã đạt được của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, bước sang năm 1966, Đảng bộ Ba Bể tiếp tục củng cố quan hệ sản xuất mới, củng cố niềm tin của đồng bào vào con đường làm ăn tập thể, từng bước giải quyết những tồn tại nảy sinh trong quá trình xây dựng và phát triển của hợp tác xã, trong đó mấu chốt là giải quyết tốt khâu quyết toán sổ sách, nhất là đối với các hợp tác xã kế

từ ngày thành lập chưa thanh quyết toán được nhằm công khai tài chính, thực hiện tốt phương án ăn chia, điều hòa lương thực, bảo đảm quyền lợi của xã viên.

Tuy nhiên, kết quả thực hiện các công tác nói trên còn nhiều hạn chế, do nhiều nguyên nhân, phần do sự chỉ đạo của các cấp ủy chưa thật chặt chẽ, phần do thiếu cán bộ có năng lực thực hiện, thiếu sự phối kết hợp của các ngành. Do vậy cho tới năm 1967, theo đánh giá của Huyện ủy: "Tồn tại lớn nhất của hợp tác xã" vẫn là "vấn đề quản lý khâu tài vụ còn nhiều khó khăn phức tạp, vấn đề ăn chia chưa được nghiêm minh, điều hòa chưa được tốt... việc thanh quyết toán hàng năm cho thật minh bạch chưa làm được dứt khoát làm cho xã viên không phấn khởi..."¹. Đành rằng còn có những tồn tại, nhưng nhìn chung "phong trào hợp tác hóa trong toàn huyện vẫn đang trên đà được củng cố, mở rộng và phát triển"². Đến năm 1967, trên 25 xã và Thị trấn vẫn duy trì 96 hợp tác xã với 3.600 hộ, chiếm tỷ lệ 81,91% số hộ nông dân bao gồm các hợp tác xã ở vùng cao và vùng thấp trong đó có 63,8% số hộ xã

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, (Số 04 BC/CR) Báo cáo tổng kết năm 1967, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.4.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, (Số 04 BC/CR) Báo cáo tổng kết năm 1967, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.5.

viên tham gia hợp tác xã cấp cao. Trong quá trình củng cố, các hợp tác xã ở Hà Hiệu, Chu Hương, Yến Dương và Thị trấn được tổ chức thành hợp tác xã lớn quy mô toàn xã, do tập trung nguồn lực lao động, vật tư... đã tạo ra những thuận lợi nhất định trong sản xuất, nhất là chống thiên tai. Song, trong điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ quản lý còn nhiều yếu kém việc thành lập các hợp tác xã quy mô toàn xã đã nảy sinh thêm nhiều khó khăn trong sản xuất. Với đồng bào vùng cao, tại những nơi có điều kiện, đồng bào sống tương đối tập trung được tổ chức trong 11 hợp tác xã với 145 hộ, không kể 17 hộ làm xen kẽ trong hợp tác xã vùng thấp của đồng bào Tày. Ngoài số hợp tác xã của đồng bào Tày, Nùng, Dao... còn có 3 hợp tác xã với 78 hộ của đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế miền núi.

Từ tháng 10 năm 1966, Đảng bộ Ba Bể mở rộng diện cải tiến quản lý trong 7 hợp tác xã thuộc các xã Chu Hương, Phúc Lộc, Yến Dương... Qua cuộc vận động cải tiến quản lý, bước đầu các hợp tác xã có những chuyển biến thực hiện khá tốt công tác ba khoán, ba quản, xóa bỏ tình trạng sản xuất không có kế hoạch, làm công nhật trong từng việc, từng vụ, công tác quản lý lao động khá chặt chẽ, nên sản xuất kịp thời vụ; các biện pháp kỹ thuật thâm canh tăng năng suất lúa từ khâu làm đất, gieo mạ làm cỏ, bón phân cho tới đắp bờ, xây dựng thủy lợi nội

đồng tốt hơn, đặc biệt ngoài sản xuất lúa, một số hợp tác xã còn mở rộng ngành nghề, tăng thêm thu nhập cho xã viên.

Kết quả cuộc vận động củng cố, cải tiến quản lý bước một ở một số hợp tác xã đã góp phần ổn định tình hình tư tưởng trong nhân dân mở ra bước phát triển mới trong sản xuất, tuy nhiên chuyển biến còn chậm, qua phân loại có 32 hợp tác xã khá chiếm tỷ lệ 35% tổng số hợp tác xã trong huyện, 65 hợp tác xã đạt loại trung bình và 8 hợp tác xã loại yếu kém. Các hợp tác xã thuộc loại khá nhìn chung vẫn giữ vững được phong trào, sản xuất lương thực và chăn nuôi đạt kế hoạch, mở mang được ngành nghề như làm gạch, ngói, trồng và khai thác trúc xuất khẩu... Hầu hết các hợp tác xã thuộc diện trung bình hoặc yếu kém chưa thực hiện tốt công tác ba khoán, ba quản, kinh tế tập thể yếu trong khi sản xuất riêng ngoài hợp tác xã ngày càng có chiều hướng gia tăng. Vì thế, bình quân lao động của các hợp tác xã trong một năm mới đạt 150 công, giá trị một ngày công khoảng 0,8 đồng (giá trị đồng tiền năm 1966-1967), thậm trí có hợp tác xã chỉ đạt 0,5 đồng, do vậy đời sống của một bộ phận nhân dân còn gặp khó khăn.

Giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta ở hai miền Nam, Bắc diễn ra quyết liệt và giáng cho đế quốc Mỹ những đòn thấ

bại nặng nề, Đảng bộ Ba Bể tiến hành Đại hội lần thứ VIII họp vào tháng 4 năm 1967. Đại hội bầu cử Ban Chấp hành gồm 19 đồng chí, Ban Thường vụ có 7 đồng chí, do đồng chí Nông Văn Hà làm Bí thư¹. Đại hội đã thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng nhằm đáp ứng những yêu cầu của nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước.

Về kinh tế, Nghị quyết Đại hội nêu: "Tiếp tục đưa nền sản xuất nông nghiệp tiến một cách vững chắc nhất là phân lương thực, trong lương thực chủ yếu là lúa, ngô và lấy khâu thâm canh tăng năng suất là chủ yếu đồng thời chú trọng tăng vụ và khai hoang nhỏ để tăng nhanh sản lượng lương thực, chăn nuôi, cây công nghiệp, lâm nghiệp, cố gắng giải quyết vững chắc vấn đề lương thực để bảo đảm tự túc được phân lương thực ở địa phương và giành được phân lương thực để cung cấp cho sự nghiệp xây dựng miền Bắc và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước"².

Để đạt được nhiệm vụ trên, trong sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ tập trung mọi cố gắng lãnh đạo

1. Đồng chí Lâm Văn Tịnh Phó bí thư, Ủy viên Ban Thường vụ gồm có đồng chí: Hoàng Ngọc Thúc, Dương Văn Lệnh, Ma Thị Tô, Hoàng Kim Lược và Ma Văn Phú.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Nghị quyết Đại hội VIII Đảng bộ huyện Chợ Rã, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.

nhân dân, các hợp tác xã thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch về diện tích, năng suất, sản lượng. Là huyện vùng cao, tiến hành trồng lúa, hoa màu, đồng bào các dân tộc Ba Bể luôn phải đối phó với thiên tai hạn hán. Tình trạng thiếu nước tưới cho đồng ruộng trở thành mối đe dọa hết năm này qua năm khác. Với các chân ruộng chờ mưa không còn cách nào khác ngoài ước muốn của đồng bào cầu mong cho mưa thuận, gió hòa. Phần lớn ruộng đất được tưới nước bằng hệ thống thủy lợi nương phai, song rất ít có công trình được xây dựng kiên cố vững chắc, vì các hợp tác xã không có khả năng đầu tư, do vậy việc sửa chữa nương phai bằng sức lao động của đồng bào trở thành yêu cầu lớn trong mỗi vụ sản xuất.

Hàng năm triển khai vụ đông - xuân, các hợp tác xã huy động hầu hết nhân lực với khí thế sục sôi ra quân làm thủy lợi sửa chữa gần một nghìn nương, phai lớn nhỏ và các guồng nước đồng thời làm mới hàng chục công trình khác, đắp lại bờ vùng, bờ thửa... Tính riêng năm 1967, Ba Bể huy động 51.534 công thủy lợi, đào đắp 63.650 m³ đất. Để bảo đảm nước tưới thường xuyên, sửa chữa những phai của nương phai, guồng nước sau cơn lũ quét, và củng cố các trạm bơm, huyện thành lập 21 đội thủy lợi, trong đó có 7 đội hoạt động thường xuyên. Những cố gắng trong công tác thủy lợi bảo

đảm cho Ba Bể cấy đạt và vượt mức kế hoạch cả hai vụ.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, Ba Bể nhập một số giống lúa mới cho các hợp tác xã để gieo cấy vào vụ mùa, trong đó giống lúa mục tuyến và khe năm lùn được cấy thí điểm ở 16 xã. Với điều kiện chăm bón như nhau, qua thu hoạch cho thấy các giống lúa mới này cho năng suất cao hơn các giống lúa truyền thống ở địa phương, củng cố thêm niềm tin của đồng bào mở rộng diện tích cây giống lúa mới trong các năm sau.

Thực hiện thâm canh theo chủ trương của Đảng bộ, phong trào làm phân xanh, gom phân chuồng, chuyển phân xuống ruộng được đẩy mạnh trong các hợp tác xã, riêng vụ đông - xuân 1966-1967, các hợp tác xã bảo đảm bình quân 990 kg phân trên một bung, thời vụ diễn ra rất khẩn trương, nên phân bón cho vụ mùa mới được gần 240 kg một bung, mặc dù chưa đạt kế hoạch, song đã hạn chế phần lớn diện tích cấy chay. Trên mặt trận sản xuất, đoàn viên thanh niên đã phát huy vai trò "ba sẵn sàng", là lực lượng chủ chốt trong các đợt thủy lợi tiến công "diệt" ruộng cạn, đi đầu trong phong trào làm phân ruộng tăng sản và nhận chăm bón hơn 800 ruộng xấu thành ruộng tốt.

Phát huy phong trào "ba đảm đang", các chị không chỉ là lực lượng giữ vai trò quyết định tr

nhân dân, các hợp tác xã thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch về diện tích, năng suất, sản lượng. Là huyện vùng cao, tiến hành trồng lúa, hoa màu, đồng bào các dân tộc Ba Bể luôn phải đối phó với thiên tai hạn hán. Tình trạng thiếu nước tưới cho đồng ruộng trở thành mối đe dọa hết năm này qua năm khác. Với các chân ruộng chờ mưa không còn cách nào khác ngoài ước muốn của đồng bào cầu mong cho mưa thuận, gió hòa. Phần lớn ruộng đất được tưới nước bằng hệ thống thủy lợi nương phai, song rất ít có công trình được xây dựng kiên cố vững chắc, vì các hợp tác xã không có khả năng đầu tư, do vậy việc sửa chữa nương phai bằng sức lao động của đồng bào trở thành yêu cầu lớn trong mỗi vụ sản xuất.

Hàng năm triển khai vụ đông - xuân, các hợp tác xã huy động hầu hết nhân lực với khí thế sục sôi ra quân làm thủy lợi sửa chữa gần một nghìn nương, phai lớn nhỏ và các guồng nước đồng thời làm mới hàng chục công trình khác, đắp lại bờ vùng, bờ thửa... Tính riêng năm 1967, Ba Bể huy động 561.534 công thủy lợi, đào đắp 63.650 m³ đất. Để bảo đảm nước tưới thường xuyên, sửa chữa những hư hại của nương phai, guồng nước sau cơn lũ quét, đặt và củng cố các trạm bơm, huyện thành lập 21 đội thủy lợi, trong đó có 7 đội hoạt động thường xuyên. Những cố gắng trong công tác thủy lợi bảo

đảm cho Ba Bể cấy đạt và vượt mức kế hoạch cả hai vụ.

Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, Ba Bể nhập một số giống lúa mới cho các hợp tác xã để gieo cấy vào vụ mùa, trong đó giống lúa mục tuyền và khe năm lùn được cấy thí điểm ở 16 xã. Với điều kiện chăm bón như nhau, qua thu hoạch cho thấy các giống lúa mới này cho năng suất cao hơn các giống lúa truyền thống ở địa phương, củng cố thêm niềm tin của đồng bào mở rộng diện tích cấy giống lúa mới trong các năm sau.

Thực hiện thâm canh theo chủ trương của Đảng bộ, phong trào làm phân xanh, gom phân chuồng, chuyển phân xuống ruộng được đẩy mạnh trong các hợp tác xã, riêng vụ đông - xuân 1966-1967, các hợp tác xã bảo đảm bình quân 990 kg phân trên một bung, thời vụ diễn ra rất khẩn trương, nên phân bón cho vụ mùa mới được gần 240 kg một bung, mặc dù chưa đạt kế hoạch, song đã hạn chế phân lớn diện tích cấy chay. Trên mặt trận sản xuất, đoàn viên, thanh niên đã phát huy vai trò "ba sẵn sàng", là lực lượng chủ chốt trong các đợt thủy lợi tiến công "diệt" ruộng cạn, đi đâu trong phong trào làm phân, làm ruộng tăng sản và nhận chăm bón hơn 800 bung ruộng xấu thành ruộng tốt.

Phát huy phong trào "ba đảm đang", các chị em không chỉ là lực lượng giữ vai trò quyết định trong

việc áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật nâng cao năng suất lúa như xử lý giống, cày sâu, bừa kỹ, cấy nhỏ đánh thẳng hàng, sục bùn làm cỏ, bón phân theo yêu cầu kỹ thuật... trên 60% diện tích cả hai vụ, mà còn là lực lượng lao động chủ chốt của các hợp tác xã trong việc xóa bỏ tình trạng cấy chay, thâm canh cây lúa, giữ nước cho đồng ruộng.

Các cụ phụ lão cũng hăng hái tham gia chống Mỹ, cứu nước, ra sức thực hiện cuộc vận động trị an thời chiến, làm trật tự viên trong xóm, tham gia báo động tập dượt vây bắt biệt kích, giặc lái đồng thời các cụ còn là lực lượng lao động đáng kể trong phong trào sản xuất, làm thủy lợi... Nhiều xã có phong trào phụ lão hoạt động tốt như Hà Hiệu, Công Bằng, Giáo Hiệu, riêng trong đợt phát động làm nương phai đầu xuân 1966, ở xã Hà Hiệu có 84 cụ thuộc 9 tổ phụ lão đã tham gia lao động hai ngày liền, góp phần đẩy mạnh thâm canh tăng vụ.

Trong chiến tranh ác liệt, vật tư nông sản của tỉnh cung cấp như thuốc sâu, phân bón... có nhiều hạn chế, song do làm tốt các khâu thủy lợi, phân bón, áp dụng giống lúa mới và các biện pháp khoa học kỹ thuật nên năng suất và sản lượng lương thực trong những năm 1966-1967 nhìn chung vẫn được giữ vững. Trong năm 1967, tổng sản lượng lúa nước cả hai vụ đạt 6.039.569 kg, tương đương tổng sản lượng lúa năm 1965, trong khi đó, lúa rẫy, ngô và

các cây hoa màu khác đều cho năng suất và sản lượng khá, nhờ đó mà đời sống của đại đa số nhân dân vẫn ổn định; với những hộ có lao động, kết hợp tốt giữa sản xuất hợp tác xã với chăn nuôi gia đình, đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt.

Bị thất bại nặng nề trong "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc, đế quốc Mỹ buộc phải xuống thang chiến tranh, tuyên bố ném bom hạn chế đối với miền Bắc (3-1968), đi đến chấm dứt hoàn toàn ném bom không điều kiện trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (11-1968), buộc phải ngồi vào Hội nghị bốn bên ở Pari để bàn về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Thắng lợi của quân và dân hai miền Nam, Bắc đã tạo ra những điều kiện thuận lợi và cổ vũ mạnh mẽ Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể vươn lên thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội.

Chủ trương của Đảng bộ trong sản xuất nông nghiệp năm 1968 vẫn là đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất, đồng thời áp dụng cấy giống lúa mới có năng suất cao trên diện tích đại trà. Song, để tạo bước chuyển biến cơ bản, phương hướng sản xuất của Ban Chấp hành Đảng bộ còn nêu ra những chỉ tiêu cụ thể: 5 tấn thóc, 3 con lợn, một hécta (ha) gieo trồng và đề ra những biện pháp cơ bản như đẩy mạnh phong trào làm phân, làm thủy lợi để thâm canh, tăng vụ và xây dựng các cánh đồng 5 tấn.

Các chủ trương, nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện sớm được triển khai ở các cấp ủy cơ sở, nhờ đó, phong trào hợp tác xã căn bản vẫn được giữ vững, nhưng sản xuất trong các hợp tác xã vẫn chậm phát triển. Với các hợp tác xã đã qua cải tiến quản lý, trừ hợp tác xã Chu Hương sản xuất lương thực, hoạt động ngành nghề có bước chuyển biến, còn phần nhiều đều lúng túng chưa có cách tháo gỡ trước tình hình sản xuất ngày càng trì trệ. Phong trào sản xuất ở một số cơ sở thậm trí ngày càng yếu đi như hợp tác xã ở Yến Dương nhiều chỉ tiêu sản xuất không đạt kế hoạch, hay như ở xã Phúc Lộc, hợp tác xã đã qua cải tiến quản lý bước một, nhưng vẫn không có gì đổi mới trong tổ chức quản lý sản xuất, không thực hiện được ba khoán, ba quản, sản xuất không có kế hoạch, năng suất lao động thấp, thu nhập kém, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của đồng bào. Kinh tế tập thể chậm phát triển, chủ yếu là phát nương làm rẫy trồng lúa, ngô, khoai...

Mặc dù năng suất và sản lượng lương thực năm 1968 không tăng, trái lại có phần giảm đi so với các năm trước, song do các hợp tác xã thực hiện tốt chủ trương của Đảng bộ về phân phối điều hòa hợp lý lương thực nên đã bảo đảm được chính sách hậu phương quân đội, ổn định đời sống các gia đình quân nhân thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với

cách mạng, kể cả một số hộ có hoàn cảnh khó khăn... và dành được một phần lương thực cho sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước.

Quán triệt chủ trương phát triển nông nghiệp toàn diện mà Trung ương đã đề ra, Đảng bộ Ba Bể ra sức lãnh đạo các cơ sở phát triển chăn nuôi đại gia súc và gia cầm vừa để đáp ứng yêu cầu mới của gia đình, hợp tác xã và địa phương vừa để đóng góp cho nhu cầu kháng chiến. Do các hợp tác xã và các hộ gia đình đầu tư, chăm sóc, phòng chống dịch bệnh tốt hơn nên đàn gia súc của Ba Bể trong những năm 1965-1968 có bước tăng trưởng đáng kể. Năm 1967 so với năm 1966, đàn trâu tăng 5%, đàn bò tăng 15% và số đầu lợn tăng 3,5%, cho tới năm 1968, tổng số trâu và bò trong toàn huyện lên tới 12.555 con, tăng hơn đàn trâu và bò năm 1965 là 1.510 con bằng 13,6%, trong đó đàn trâu tăng nhanh hơn cả. Số trâu cái đẻ trong năm chiếm tỷ lệ 88% so với tổng số trâu cái, tỷ lệ trâu nghé nuôi sống đạt 82,7% cao hơn năm 1966 là 3,5%. Do giao thông ngày một mở mang, sự đi lại giữa vùng cao và vùng thấp, giữa các địa phương hẻo lánh với trung tâm huyện lỵ cũng trở nên dễ dàng hơn nên phong trào nuôi ngựa phục vụ vận tải ngày càng phát triển, năm 1968 đạt 111% kế hoạch, tăng 15% so với năm 1966. Đàn lợn năm 1968, Ba Bể nuôi được 19.533 con, so với năm 1965, về căn bản vẫn

được giữ vững. Sản xuất hoa màu phát triển đã thúc đẩy đàn gia cầm tăng nhanh nhất là gà, vịt, góp phần cải thiện đời sống của đồng bào.

Dẫu còn có những khó khăn trong sản xuất, kinh tế chậm phát triển, mức sinh hoạt vật chất còn nhiều hạn chế, đồng bào các dân tộc vẫn ra sức thực hiện kế hoạch ba thu của Nhà nước. Trong bốn năm chống Mỹ, cứu nước (1965-1968), nhiều xã thực hiện nghĩa vụ lương thực vượt mức kế hoạch và năm sau tăng hơn năm trước, xã Hà Hiệu tính trong 3 năm (1966-1968) nộp vào kho Nhà nước trên 79 tấn, xã Đông Phúc năm 1968 đạt nghĩa vụ lương thực cao nhất: 48,7 tấn. Mức đóng góp lương thực trung bình trong 4 năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ ở miền Bắc đối với xã Mỹ Phương là 50 tấn và xã Chu Hương là 53 tấn. Toàn huyện trong năm 1967 và thu đến ngày 15 tháng 1 năm 1968 đã thực hiện nghĩa vụ lương thực 534 tấn. Ngoài nghĩa vụ lương thực, các xã tiêu biểu như Chu Hương, Mỹ Phương còn mở rộng cuộc vận động trong thanh niên, phụ nữ, phụ lão tiết kiệm lương thực, dành thóc bán cho Nhà nước.

Về thu mua thực phẩm, năm 1965, Ba Bể đạt 30 tấn nghĩa vụ thịt lợn hơi, bằng 51% của kế hoạch năm 1964, để góp phần bảo đảm kế hoạch ba thu lương thực, thực phẩm, năm 1966 các tổ phụ lão không chỉ vận động lập được 120 hũ gạo chống Mỹ,

cứu nước, đi đâu thực hiện nghĩa vụ lương thực mà còn vận động con cháu trong gia đình và đồng bào trong làng bản đóng góp nhiều thực phẩm cho Nhà nước. Làm gương cho con cháu noi theo, trong một buổi thu mua của các cửa hàng, các cụ phụ lão đã bán cho Nhà nước gần chục tấn thịt lợn hơi. Thu mua trâu, bò cho miền xuôi để cày, kéo nhìn chung qua các năm đều đạt kết quả tốt, riêng năm 1967 thu mua được 283 con bằng 127% kế hoạch. Các mặt hàng chăn nuôi và nông sản phẩm khác như gà, vịt, cá cho tới các loại đồ được coi là thế mạnh của Ba Bể hàng năm đáp ứng đủ cho nhu cầu của huyện và trong tỉnh. Thu mua ngoại thương chủ yếu là tróc, sa nhân, hạt có dầu đạt từ 70-80% kế hoạch.

Trong khi chú trọng đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ còn quan tâm lãnh đạo xây dựng và phát triển các ngành nghề khác nhằm tạo nên một cơ cấu kinh tế hợp lý. Công tác tu bổ, trồng cây, khai thác và bảo vệ rừng không chỉ là công việc của ngành lâm nghiệp, mà còn được coi là công việc của toàn dân. Thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trồng cây gây rừng vào dịp đầu xuân thu hút đông đảo các cơ quan, xí nghiệp, trường học và mọi tầng lớp nhân dân tham gia phủ xanh đất trống, đồi trọc hạn chế sự xói mòn của mưa lũ, có thêm nguồn vật liệu. Đặc biệt ở một số xã nhân dân còn trồng các cây công nghiệp có dầu,

trồng chè và trồng trúc để xuất khẩu. Tình trạng phát nương làm rẫy vẫn tiếp diễn, song đã hạn chế được một phần các khu rừng đầu nguồn nước.

Được tỉnh giúp đỡ, Ba Bể hoàn thành việc xây dựng xí nghiệp điện, đi vào sản xuất phục vụ sản xuất nông nghiệp, thấp sáng cho các cơ quan, cung cấp điện cho đài truyền thanh...

Các hợp tác xã và trong nhân dân mở rộng xây dựng các lò gạch, lò ngói nhằm phục vụ cho nhu cầu kiến thiết ngày càng nhiều của các cơ quan và đồng bào các dân tộc. Xưởng sản xuất và sửa chữa các công cụ truyền thống: dao, cuốc, đinh ba, còn làm các nông cụ cải tiến phục vụ cho sản xuất thâm canh tăng năng suất của các hợp tác xã.

Mạng lưới giao thông vận tải thời chiến phục vụ cho nhu cầu dân sinh và quốc phòng bao gồm việc mở rộng, nâng cấp các tuyến đường từ huyện lỵ Ba Bể lên phía Bắc và đường Ba Bể - Chợ Đồn qua Nam Mẫu được đẩy mạnh xây dựng. Mặc dầu bận rộn sản xuất, hàng ngàn nhân công trong đó có lực lượng dân quân làm nòng cốt đã hăng hái tham gia xây dựng các tuyến đường này.

Về văn hóa giáo dục, trong chiến tranh phá hoại mặc dầu trường sở sơ tán, nhưng sự giáo dục ở Ba Bể vẫn không ngừng phát triển. Năm học 1966-1967 trên địa bàn Bắc Thái, chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra hết sức ác liệt, ngành giáo

dục gặp nhiều khó khăn về xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường học, nhưng dựa vào sự giúp đỡ của nhân dân, Ba Bể vẫn có đủ trường, lớp để đón nhận 5.729 em học sinh từ vỡ lòng đến lớp 9. So với năm học 1965-1966, học sinh các cấp đều tăng, trong đó khối vỡ lòng tăng 33%, học sinh cấp II tăng 131 em. Toàn huyện có 5 trường cấp II và một trường cấp III (đến lớp 9), mỗi xã có một trường cấp I toàn cấp. Các lớp vỡ lòng chủ yếu dựa vào sự giúp đỡ của các hợp tác xã cả về lớp học và thầy dạy. Nhiều cụ phụ lão được hợp tác xã chi công điểm mặc dầu tuổi cao sức yếu vẫn nêu cao trách nhiệm tham gia sự nghiệp "trồng người". Thuộc hệ thống giáo dục phổ thông, Ba Bể còn có trường thiếu nhi vùng cao và trường vừa học vừa làm nhằm tạo điều kiện cho con em các dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa được cấp sách tới trường. Ngoài giáo dục phổ thông, huyện còn cố gắng duy trì hệ bổ túc văn hóa nhằm nâng cao trình độ cho cán bộ và nhân dân.

Trong điều kiện chiến tranh, trường lớp phân tán, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, phong trào thi đua "hai tốt" nhằm nâng cao chất lượng giáo dục ở các trường phổ thông vẫn diễn ra sôi nổi, nhiều trường đăng ký thi đua đã tạo nên những chuyển biến trong dạy của thầy và học của trò. Dạy tốt và học tốt trở thành khẩu hiệu, hành động cách mạng của các trường, của mỗi giáo viên và học sinh, góp

phần hạn chế tình trạng lười học, bỏ học trong học sinh, gắn liền hoạt động giáo dục của nhà trường với đời sống xã hội và với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Trong các đợt động viên tuyển quân, nhiều em trúng tuyển đã hăng hái lên đường tòng quân giết giặc.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe của cán bộ và nhân dân các dân tộc được tăng cường. Trong 26 xã và Thị trấn, 23 xã có trạm xá, những cơ sở chưa xây dựng được trạm xá thì trực tiếp khám chữa bệnh tại cụm xá hoặc bệnh viện huyện. Hầu hết các xã có cán bộ y tế, trong tổng số 117 cán bộ y tế có 14 y sĩ, 71 y tá, 32 nữ hộ sinh. Mạng lưới y tế từ các trạm xá tới bệnh viện huyện có nhiều cố gắng trong các cuộc vận động tuyên truyền nhân dân phòng chống dịch bệnh, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng các dân tộc, tiêu biểu là các trạm xá phía nam huyện và khu vực hồ Ba Bể đã thực hiện tốt chế độ trực ban, y sĩ, y tá nêu cao tinh thần phục vụ, được nhân dân tin yêu. Việc mở rộng và phát huy mạng lưới y tế đã có tác dụng nâng cao nhận thức của đông bào vùng cao, động viên được đông đảo bà con dùng thuốc chữa bệnh, giảm bớt cúng bói, mê tín dị đoan. Suốt bốn năm chống Mỹ, cứu nước (1965-1968), ngành y tế Ba Bể luôn phối hợp với các ban ngành liên quan tổ chức khám sức khỏe trong các đợt tuyển quân, đáp ứng yêu cầu của tiền tuyến.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Bộ Y tế, từ năm 1967, Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể triển khai cuộc vận động nâng cao chất lượng cuộc sống mang tên phong trào "Ba dứt điểm" với ba mục tiêu: giếng nước sạch, nhà tắm và hố tiêu hai ngăn. Cuộc vận động mang ý nghĩa to lớn nhằm chăm sóc sức khỏe cho từng gia đình, môi trường sống trong sạch và văn minh trong cả cộng đồng. Mở đầu cuộc vận động, Huyện ủy Ba Bể lấy xã Yên Dương làm thí điểm xây dựng phong trào để sau đó rút kinh nghiệm mở rộng trong toàn huyện. Cho dù có những khó khăn nhất định, song cuộc vận động đã tạo được sự hưởng ứng của đông đảo nhân dân, không có đủ nguyên vật liệu để xây dựng các công trình kiên cố, đồng bào dùng tre, gỗ để thay thế. Đến tháng 11 năm 1967, phong trào "ba dứt điểm" đã phát triển rộng ở nhiều xã vùng thấp. Toàn huyện làm được 1.242 hố tiêu, 184 giếng nước, 429 nhà tắm, những số liệu này so với gần ba ngàn hộ dân, chiếm tỷ lệ còn rất khiêm tốn, dầu sao đi nữa, Tỉnh ủy, Bộ Y tế cũng ghi nhận sự chuyển biến bước đầu trong công tác này của Ba Bể.

Trong bốn năm chống Mỹ, cứu nước (1965-1968) để phát huy vai trò lãnh đạo của mình, Đảng bộ Ba Bể không ngừng vươn lên xây dựng Đảng theo tiêu chuẩn "4 tốt" do Trung ương phát động. Từ kết quả thực tế công tác xây dựng Đảng trong năm 1965, Huyện ủy nhận định: "Năm qua ta đã tiến hành xây

dựng chi bộ 4 tốt nhưng chưa đạt yêu cầu". Trong năm 1966, Huyện ủy đề ra nhiệm vụ: trước mắt cần kịp thời giúp đỡ, củng cố lại các chi bộ đã được xây dựng đồng thời phát động phong trào thi đua xây dựng chi bộ 4 tốt rộng khắp trong toàn huyện, cố gắng phấn đấu đưa diện chi bộ 4 tốt trong năm nay đạt tới 60% so với tổng số chi bộ nông thôn trong toàn huyện, riêng đối với chi bộ cơ quan phải đạt mức phấn đấu cao hơn, phải lãnh đạo chặt chẽ việc củng cố các chi bộ yếu và trung bình, phấn đấu hết năm 1966 phải thanh toán xong căn bản chi bộ yếu, đưa nhiều chi bộ trung bình tiến lên thành chi bộ khá và 4 tốt". Huyện ủy nêu lên chủ trương: "Phải kiên quyết đưa những đảng viên không đủ tiêu chuẩn, không chấp hành chỉ thị, nghị quyết... chây lười, mất phẩm chất ra khỏi Đảng hoặc trình độ khả năng quá kém ra khỏi chi ủy"¹.

Để nâng cao chất lượng đảng viên, chi bộ, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện hết sức quan tâm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Khắp các cơ sở trong toàn Đảng bộ từ Ban Chấp hành Đảng bộ, chi ủy tới đảng viên đều được tổ chức học tập, thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng bộ huyện về công tác xây dựng Đảng, học tập các Nghị quyết 12

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, *Dự thảo phương hướng kế hoạch công tác năm 1966 của huyện Chợ Rã*, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.12.

và 13 của Trung ương, lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nghe phổ biến rộng rãi tin chiến thắng trong đông - xuân và hè - thu năm 1966-1967 của cách mạng miền Nam... Để nâng cao vai trò trách nhiệm của tổ chức Đảng ở cơ sở, Huyện ủy phổ biến và nêu yêu cầu cần quán triệt đối với các cấp ủy cơ sở Chỉ thị 39 của Tỉnh ủy về quản lý hợp tác xã nông nghiệp, Chỉ thị 35 của Tỉnh ủy về cuộc vận động đồng bào vùng cao định canh, định cư, Chỉ thị 153 của Trung ương về báo công lập công chống Mỹ, cứu nước, Nghị định 123 và 153 về cán bộ nữ và công tác dân vận, kinh nghiệm xây dựng Đảng bộ và chi bộ 4 tốt..." Qua học tập, cán bộ, đảng viên từ huyện tới cơ sở có những chuyển biến tốt về nhận thức chính trị, nâng cao lòng tin đối với sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, biểu hiện hành động cách mạng mới trong sản xuất và chiến đấu... giải quyết được một số vấn đề về tư tưởng của đảng viên"¹.

Đồng thời với việc tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, Ban Chấp hành Đảng bộ còn mở các lớp huấn luyện đảng viên, riêng năm 1967, Đảng bộ tổ chức được 12 lớp thu hút 378 đảng viên theo học chiếm 45% số đảng viên toàn Đảng bộ.

Quán triệt yêu cầu xây dựng Đảng theo tiêu chuẩn "4 tốt", công tác bồi dưỡng giáo dục quần

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tổng kết năm 1967, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.13.

chúng được đẩy mạnh, năm 1967, có 215 cảm tình Đảng đã học qua các lớp huấn luyện về chủ nghĩa Mác - Lênin, Điều lệ Đảng, tình hình và nhiệm vụ cách mạng của Đảng trong giai đoạn hiện tại... Nhờ đó, năm 1967, Đảng bộ kết nạp được thêm 75 đảng viên mới, tăng hơn năm 1966 là 40 đảng viên, nâng tổng số đảng viên trong toàn Đảng bộ lên 852 đồng chí.

Sau mấy năm thực hiện cuộc vận động xây dựng chi bộ, Đảng bộ 4 tốt theo chủ trương của Trung ương, đến năm 1966, Đảng bộ Ba Bể có những chuyển biến đáng kể cả bề rộng và chiều sâu. Hầu hết các chi bộ đăng ký phấn đấu để đạt danh hiệu "4 tốt" hoặc lấy tiêu chuẩn chi bộ 4 tốt làm phương hướng phấn đấu để đạt danh hiệu "4 tốt" hoặc lấy tiêu chuẩn chi bộ 4 tốt làm phương hướng hoạt động, rèn luyện. Trong sinh hoạt Đảng của các chi bộ cũng thiết thực hơn đã kết hợp tốt tiêu chuẩn "4 tốt" với việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng ở cơ sở. Các chi bộ, đảng viên đã nêu cao tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình một cách thẳng thắn, xây dựng, nhờ đó mà củng cố được khối đoàn kết trong Đảng làm trong sạch đội ngũ Đảng, nâng cao tính tiên phong của Đảng.

Được Huyện ủy chỉ đạo chặt chẽ, sáu tháng đầu năm 1967, toàn huyện có một Đảng bộ và sáu chi bộ được công nhận đạt tiêu chuẩn "4 tốt", đó là

Đảng bộ Mỹ Phương, ba chi bộ xã: Bằng Thành, Bực Bó, Cổ Linh và ba chi bộ thuộc Đảng bộ Mỹ Phương và Phiêng Phường, Bản Hậu và Khuổi Siến.

Cuộc vận động xây dựng Đảng theo tiêu chuẩn chi bộ "4 tốt", đảng viên "4 tốt" không chỉ góp phần quan trọng tạo nên những chuyển biến về chính trị, tư tưởng trong Đảng bộ mà còn tác động mạnh mẽ đến các tổ chức quần chúng của Đảng, nhất là đối với tổ chức Đoàn thanh niên. Hướng về Đảng, nhiều đoàn viên đã ra sức phấn đấu lao động, học tập, rèn luyện phẩm chất đạo đức, tư tưởng, chính trị, phát huy tính xung kích của Đoàn trên mọi hoạt động. Trong phong trào thi đua yêu nước đã xuất hiện những đoàn viên ưu tú có đủ điều kiện để đứng trong hàng ngũ của Đảng.

Về cấp ủy huyện, với Đại hội VIII, Ban Chấp hành Đảng bộ tăng cường về số lượng và chất lượng, có thêm các đồng chí ủy viên là nữ, trẻ mỗi đồng chí trong Ban Chấp hành đều nhận rõ trách nhiệm của mình và phấn khởi trước nhiệm vụ mới; bộ máy lãnh đạo từ huyện xuống cơ sở và các ngành có nhiều chuyển biến tốt, được tăng cường và củng cố về tổ chức, cải tiến lề lối làm việc cho phù hợp với tình hình đã góp phần thúc đẩy mọi mặt hoạt động.

Có thể nói trong 4 năm chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của giặc Mỹ, Đảng bộ và nhân dân

các dân tộc Ba Bể đã đạt nhiều thành tích quan trọng về các mặt, nhờ đó tăng cường củng cố hậu phương, góp phần xứng đáng của mình vào thắng lợi của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước ở cả hai miền Nam, Bắc.

II. CÙNG CỐ HẬU PHƯƠNG, RA SỨC CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN, GÓP PHẦN ĐÁNH BẠI CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI LẦN THỨ HAI CỦA GIẶC MỸ Ở MIỀN BẮC, GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC

Do liên tiếp bị thất bại trong chiến lược "chiến tranh cục bộ" ở miền Nam và chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc, đế quốc Mỹ phải xuống thang chiến tranh. Từ tháng 11 năm 1968 đến tháng 4 năm 1972, miền Bắc tạm thời có hòa bình. Tranh thủ thời gian thuận lợi này, quân và dân miền Bắc ra sức khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, giáo dục, hàn gắn vết thương chiến tranh đồng thời ra sức chi viện cho cách mạng miền Nam đánh Mỹ.

Phấn khởi trước những thắng lợi của cả hai miền trong đấu tranh chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ huyện Ba Bể một mặt tiếp tục lãnh đạo nhân dân các dân tộc đẩy mạnh xây dựng, củng cố hậu phương, mặt khác ra sức cùng đồng bào cả nước chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Thực hiện phương hướng nhiệm vụ phát triển kinh tế mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần

thứ VIII đề ra, Ban Chấp hành Đảng bộ tập trung lãnh đạo đẩy mạnh sản xuất, giải quyết vấn đề lương thực một cách vững chắc làm cơ sở để phát triển ba thế mạnh của kinh tế Ba Bể là chăn nuôi, nghề rừng và cây công nghiệp, tạo điều kiện phát triển công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp nhằm đáp ứng những nhu cầu cơ bản, nhất là về lương thực và thực phẩm, ở trong huyện và đóng góp cho công cuộc khôi phục miền Bắc, giải phóng miền Nam.

Để giữ vững và nâng cao sản lượng lương thực, chủ trương của Đảng bộ trong chỉ đạo sản xuất vẫn là kiên trì theo hướng thâm canh tăng năng suất là chủ yếu, đồng thời chú trọng tăng vụ và khai hoang nhỏ để góp phần tăng nhanh sản lượng.

Chỉ thị 154 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phát động bốn cao trào phục vụ thâm canh: thủy lợi, giao thông, bảo vệ rừng và phân bón là những định hướng quan trọng đối với Đảng bộ Ba Bể. Quán triệt Chỉ thị trên, Huyện ủy coi lãnh đạo công tác thủy lợi là nhiệm vụ hàng đầu, phải khơi dậy được tinh thần làm thủy lợi trong toàn dân, tập trung sức người sức của cho mục tiêu biến ruộng cạn thành ruộng nước làm cơ sở cho thâm canh, tăng vụ, kết hợp chặt chẽ việc sửa chữa xây dựng các công trình thủy lợi lấy nước từ suối với việc xây dựng hệ thống thủy lợi, giao thông nội đồng ở những nơi có điều kiện.

Phát huy thành tích hai năm làm thủy lợi, năm 1969, các hợp tác xã trong huyện huy động 94.700 công sửa chữa và làm mới 722 phai và 872 mương lớn nhỏ, 151 máng dẫn nước, 16 guồng nước, làm mương phai cho 10 trạm máy bơm tự động...

Dựa vào nguồn vốn có của địa phương, nhất là nguồn nhân lực, được tỉnh giúp đỡ về kinh phí, vật tư, Đảng bộ Ba Bể quyết định xây dựng thêm một số công trình thủy lợi kiên cố, trong đó xây dựng 23 hạng mục loại vừa của huyện, huy động 196.123 công để khai thác vật liệu, đào mương, đắp đập. Đặc biệt với tinh thần quyết tâm cao xã Chu Hương đã hoàn thành xây dựng trạm thủy điện phục vụ sản xuất và đời sống của đồng bào.

Đồng thời với việc làm mương, phai dẫn nước từ suối vào ruộng, các hợp tác xã ở Chu Hương, Bộc Bó, Yên Dương còn xúc tiến việc quy hoạch kiến thiết bờ vùng, bờ thửa, mương tưới, mương tiêu nước, cải tạo đồng ruộng vừa đảm bảo tưới tiêu nước, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông đi lại, vận chuyển phân bón, thóc lúa bằng các phương tiện xe quệt, xe cải tiến...

Do đặc điểm miền núi, ruộng bậc thang, việc xây dựng đường giao thông kết hợp với cải tạo đồng ruộng, phục vụ thâm canh theo chủ trương của Tỉnh ủy còn nhiều hạn chế. Song, các đường giao thông liên bản và nối liền các cánh đồng với nhau được

xây dựng nhiều hơn trước, trong năm 1969 Ba Bể sửa chữa và làm mới 250 km đường nông thôn, góp phần tạo ra những khả năng thúc đẩy sản xuất thâm canh, xây dựng và tu bổ tuyến đường trục Phủ Thông - Chợ Rã và một số tuyến đường liên xã, do vậy việc đi lại dễ dàng hơn, nhất là việc đưa vật tư: thóc giống, phân bón, thuốc trừ sâu, nông cụ sản xuất... đến các hợp tác xã phục vụ cho thâm canh tăng năng suất lúa.

Những cố gắng trong công tác thủy lợi kết hợp với việc xây dựng mạng lưới giao thông làng bản, đồng ruộng đã chẳng những hạn chế được nhiều chân ruộng hạn mà còn tạo điều kiện thâm canh tốt hơn. Đó cũng là một trong những yếu tố quan trọng đưa tới thắng lợi trong sản xuất lương thực. Ba Bể là một trong 6 huyện, thành được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái đánh giá năm 1969 đạt sản lượng lương thực thuộc vào loại khá¹.

Ngoài sản xuất lúa được coi là khâu chính của các hợp tác xã, đồng bào còn đẩy mạnh trồng màu. Diện tích trồng ngô toàn huyện đạt 2.662 ha vượt 33% kế hoạch, năng suất cả năm đạt 17,14 tạ/ha vượt 30% kế hoạch. Các loại khoai, sắn, đỗ, lạc, vừng, mía... nhìn chung đều đạt và vượt các chỉ tiêu

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, *Báo cáo tổng kết năm 1969*, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.4.

kế hoạch về diện tích gieo trồng, năng suất và sản lượng.

Năm 1970, năm đầu thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng thời là năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái triển khai công cuộc vận động trong toàn Đảng bộ thực hiện ba nghị quyết lớn của Trung ương và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất nhằm các mục tiêu: động viên mọi lực lượng toàn xã hội tích cực lao động sản xuất, công tác (Nghị quyết 20/CP của Hội đồng Chính phủ), tăng cường chế độ làm chủ nông thôn (Nghị quyết 197-NQ/TW của Bộ Chính trị) và cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên (Nghị quyết 195-NQ/TW của Bộ Chính trị).

Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái về cuộc vận động thực hiện ba nghị quyết của Trung ương nêu rõ: "Mục tiêu trước mắt của phong trào lao động sản xuất là nhằm thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1970 mà trọng tâm là đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng... dành thặng dư sức lực lao động cho kinh doanh nghề rừng, hàng xuất khẩu và khai thác nguyên vật liệu"¹.

1. Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái về việc triển khai cuộc vận động thực hiện 3 Nghị quyết lớn của Trung ương và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn tỉnh lần thứ nhất, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể, tr.3.

Trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất năm 1970 và kể cả các năm sau đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh coi sản xuất nông nghiệp là trọng tâm nhằm đẩy mạnh thâm canh tăng năng suất lúa và hiệu quả chăn nuôi. Đây là cuộc vận động hết sức quan trọng trong sản xuất nông nghiệp nhằm phát triển nông nghiệp toàn diện, thực hiện sự cân đối giữa chăn nuôi và trồng trọt, tạo nên phong trào lao động sôi nổi đạt năng suất và hiệu quả cao, tăng nhanh nguồn lương thực và thực phẩm cho xã hội, cải thiện một bước đời sống nhân dân và bảo đảm các nhu cầu của sự nghiệp củng cố miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Quán triệt các Nghị quyết của Trung ương và của Đảng bộ tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể nêu cao quyết tâm mới trong lãnh đạo sản xuất nông nghiệp nhằm thực hiện sự chuyển biến trong lao động, sản xuất ngay từ vụ đông - xuân 1969-1970.

Tại các hợp tác xã nông nghiệp, trong khi một bộ phận nam giới lên đường làm nghĩa vụ chống Mỹ, cứu nước hoặc tham gia lao động học tập trong các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, phụ nữ trở thành lực lượng lao động đông đảo ở hậu phương, giữ vai trò chủ chốt trên mặt trận sản xuất. Hội phụ nữ xã đã đẩy mạnh phong trào phụ nữ "ba đảm đang": đảm nhiệm công việc gia đình, xã hội và nhất là lao động sản xuất ở hợp tác xã. Chị em hăng

hái tham gia trong mọi khâu của sản xuất, đặc biệt là việc thực hiện các biện pháp khoa học kỹ thuật nông nghiệp nhằm tăng năng suất lúa. Số đông các chị, các mẹ phấn đấu đạt và vượt ngày công cao do Tỉnh ủy đề ra là 250 công một lao động trong một năm. Để đạt được các mục tiêu trong sản xuất nông nghiệp, chị em chẳng những ra sức đẩy mạnh thâm canh cây lúa mà còn kết hợp chặt chẽ với chăn nuôi, bước đầu áp dụng những biện pháp kỹ thuật chăn nuôi mới, giống lợn mới tăng nhanh trọng lượng.

Tổ chức Đoàn thanh niên vinh dự được mang tên Bác, thực hiện Di chúc thiêng liêng của Người, đẩy mạnh phong trào "ba sẵn sàng" là lực lượng xung kích trên mặt trận sản xuất: đảm bảo ngày công cao, đi đầu trong các phong trào làm thủy lợi, làm phân, nhận ruộng tăng sản...

Với tinh thần cách mạng tiến công, trong việc sản xuất đông - xuân 1969-1970, toàn huyện cấy gần 7.000 bung, đạt 100% kế hoạch, trong đó, có nhiều xã đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch huyện giao như Phúc Lộc (130,5%), Hà Hiệu (141,6%) và Thị trấn (155,5%)...

Mặc dầu thời tiết không thuận lợi, rét đậm đầu năm, nhưng nhờ bảo đảm nước và chăm bón tốt nên năng suất lúa chiêm và lúa xuân đạt hơn 217 kg trên một bung.

hỉ tiêu kế hoạch
ảng bộ và nhà
i "Vụ mùa kiên
quyết của Đ
: 90,7% kế ho
ao nhất: 142,8

ng công tác th
i chống Mỹ, c
lúa mới gần m
tả bảo đảm nă
kg một bung
ng lương thực (

khoai, sắn, cá
h, năng suất v
1, góp phần c
; thêm nguồn

ác liệt trên ph
ất lương thực ở
phân ổn định
ng và đóng g

đấu của quân
t liệt để chống
2 của giặc Mỹ

đạo của Tỉnh ủy, Ba Bể tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ IX. Đại hội diễn ra hết sức khẩn trương, ngày 22-12-1972, Đại hội đã bầu ra Ban Chấp hành mới gồm 21 đồng chí (trong đó có 1 ủy viên dự khuyết), Ban Thường vụ Huyện ủy gồm 7 đồng chí do đồng chí Triệu Cao Ngọc làm Bí thư Huyện ủy¹.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội IX, sản xuất lương thực, thực phẩm được coi là khâu chính của sản xuất nông nghiệp, tiếp tục được đẩy mạnh nhằm cố gắng giải quyết vững chắc vấn đề lương thực.

Sản xuất lương thực năm 1973 ở Ba Bể gặp không ít khó khăn, phần do tác động của hậu quả chiến tranh, phần do vụ đông - xuân rét đậm, vụ mùa nhiều xã dọc sông Năng bị ngập lụt. Song, trong khí thế phấn khởi trước những thắng lợi to lớn của cách mạng hai miền đồng bào các dân tộc đã ra sức thi đua lao động sản xuất, khắc phục thiên tai, áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật nông nghiệp để tăng năng suất và sản lượng.

Giống lúa mới có năng suất cao được cấy phân lớn diện tích canh tác trong huyện. Hưởng ứng cuộc vận động mở hội thi cấy giỏi, đúng kỹ thuật của

1. Phó Bí thư có 2 đồng chí: Lâm Văn Tịnh và Nguyễn Văn Hinh, Ủy viên Ban Thường vụ gồm các đồng chí Vi Văn Đương, Hà Văn Quý, Vi Ngọc Thịnh, Lý Văn Chúc.

tỉnh Hội phụ nữ, phong trào thi cấy nhỏ dành, cấy dày hợp lý, chằng dây cấy thẳng hàng do Hội phụ nữ Ba Bể phát động diễn ra sôi nổi trong các hợp tác xã.

Nhờ những nỗ lực trong sản xuất, sản lượng lương thực lúa nước kể cả vụ đông - xuân và vụ mùa, lúa rẫy và ngô là khẩu phần ăn chính của đồng bào H'Mông và Dao ở Ba Bể năm 1973 đạt kết quả khá đáp ứng nhu cầu cơ bản về lương thực cho đồng bào và một phần dành để thực hiện ba thu lương thực đối với Nhà nước.

Với các phong trào thi đua sản xuất diễn ra sôi nổi trên đồng ruộng của đồng bào các dân tộc, nhất là phong trào "ba sẵn sàng" của thanh niên, "ba đảm đang" của phụ nữ, đã tạo nên những chuyển biến quan trọng về năng suất lúa trong năm 1974, riêng nông nghiệp 8 toàn huyện đạt từ 321-367 kg một bung¹. Một số hợp tác xã đã thực hiện năng suất lúa bình quân trong năm đạt 260 kg một bung, đặc biệt vụ mùa năm 1974, hợp tác xã Bản Ngu (Cao Trĩ) năng suất lúa bình quân đạt 300 kg một bung. Đó là một thắng lợi quan trọng trong sản xuất lương thực ở Ba Bể.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo công tác tháng 10-1974, lưu trữ Huyện ủy, tr.1.

Tuy nhiên do tỷ lệ tăng dân số tự nhiên lên nhanh, nên chỉ tiêu 21 kg lương thực một tháng cho một nhân khẩu theo chủ trương của Tỉnh ủy mới đạt được ở một số hợp tác xã, nhiều hợp tác xã, nhất là vùng sâu hẻo lánh, làm ruộng chờ mưa hoặc như đồng bào rẻo cao thu nhập lương thực trên đầu người còn thấp.

Năm 1975, theo đánh giá của Huyện ủy: "Vụ mùa năm nay (1975- TG) nhìn chung rất tốt, nhất là những cánh đồng dọc sông Năng"¹.

Tiến hành cuộc vận động thực hiện ba nghị quyết của Trung ương, trong hai năm 1970-1971, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Đảng bộ Ba Bể chẳng những phấn đấu cho mục tiêu nâng cao năng suất, sản lượng lương thực mà còn đẩy mạnh chăn nuôi, phát triển nông nghiệp toàn diện, phát triển nghề rừng...

Về chăn nuôi năm 1969 Ba Bể có đàn trâu 12.674 con bằng 96% kế hoạch, đàn bò là 1.339 con đạt 92% kế hoạch, đàn lợn chủ yếu thuộc các hộ gia đình, toàn huyện nuôi được 20.728 con, số gà, vịt đạt trên 56.700 con.

Với chủ trương của Ban Chấp hành Đảng bộ đẩy mạnh chăn nuôi lên một bước, các hợp tác xã và hộ

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, (Số 2BC/CR) Báo cáo công tác tháng 10-1975, lưu trữ Huyện ủy, tr.1.

gia đình đã tăng cường đầu tư cho chăn nuôi gia súc, gia cầm; hơn nữa công tác thú y phòng chống dịch bệnh có nhiều cố gắng và tiến bộ, nên trong những năm 1970-1975 chăn nuôi ở các hợp tác xã và hộ gia đình không ngừng tăng trưởng, trong đó do nhu cầu vận chuyển và đi lại trong thời chiến đàn ngựa tăng nhanh về số lượng.

Phát triển nghề rừng là một trong những thế mạnh của huyện. Song trải qua nhiều năm, rừng bị phá hoại nghiêm trọng, để giữ và trả lại màu xanh cho rừng, đầu năm 1969, Ban Chấp hành Đảng bộ ra Nghị quyết 06 về bảo vệ rừng, đặc biệt là rừng đầu nguồn, khai thác rừng theo kế hoạch, nghiêm cấm các hành vi phát rừng làm nương, đốt phá rừng. Nghị quyết 06, được phổ biến sâu rộng trong nhân dân và hợp tác xã được xem như là những quy ước trong bảo vệ rừng, nhờ đó mà trong hai năm 1969-1970 tình trạng phá rừng có giảm đi so với trước đây.

Các tổ sơn tràng của các hợp tác xã hàng năm khai thác các mặt hàng gỗ, trúc, vầu bảo đảm nhu cầu cơ bản cho Nhà nước, riêng năm 1971 khai thác gỗ đạt 1.932,54 m³ bằng 96,62% kế hoạch, tăng hơn năm 1969 là 10,8%. Theo từng mùa nhân dân còn khai thác các nguồn lâm thổ sản bán cho chương nghiệp góp phần cải thiện đời sống nhân dân.

Về công nghiệp địa phương chủ yếu vẫn là các cơ sở thủ công sản xuất gạch, ngói, nông cụ hoạt động yếu, mang tính tự túc, tự cấp, chưa trở thành ngành để thu hút một bộ phận lao động của hợp tác xã. Xí nghiệp nước chấm bước đầu đạt được những kết quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống nhân dân.

Hoạt động của các ngành tài chính, ngân hàng trong ba năm 1969-1971, cơ bản đảm bảo được kế hoạch, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội và củng cố quốc phòng ở địa phương. Riêng năm 1971, tài chính thu đạt 289.490 đồng bằng 123,8% kế hoạch và tổng chi đạt 103,3% kế hoạch. Ngân hàng có nhiều cố gắng trong việc đẩy mạnh các hoạt động quản lý, thu chi tiền tệ, tín dụng góp phần tích cực vào khâu lưu thông hàng hóa, bình ổn giá cả, củng cố được sức mua của đồng tiền. Tổng thu tiền mặt năm 1971 đạt 1.788.000 đồng bằng 93% kế hoạch, tăng 4% so với năm 1970, tổng chi tiền mặt là 1.719.000 đồng đạt 104% kế hoạch tăng 18% so với năm 1970. Do quản lý thu, chi tiền mặt tốt, ngân hàng đã tạo điều kiện cho nông dân, các hợp tác xã nông nghiệp vay phát triển sản xuất và chăn nuôi, hỗ trợ cho ngành thương nghiệp thực hiện công tác ba thu.

Trên lĩnh vực thương nghiệp, trong hoàn cảnh thuận lợi tạm thời có hòa bình, các cửa hàng, trạm

vật tư trở lại các vị trí trung tâm, tiếp xúc đông đảo nhân dân, nhất là trong các ngày chợ phiên, đẩy mạnh giao lưu hàng hóa, chiếm lĩnh thị trường. Tổng giá trị hàng hóa mua vào và bán ra hàng năm đạt và vượt mức kế hoạch, đáp ứng được yêu cầu đẩy mạnh sản xuất, phát triển văn hóa giáo dục, phục vụ đời sống nhân dân.

Thắng lợi trên mặt trận sản xuất, chăn nuôi và những tiến bộ trong các lĩnh vực kinh tế tài chính, ngân hàng, thương nghiệp... góp phần thúc đẩy công tác ba thu lương thực và thực phẩm cho Nhà nước. Năm 1969, Ba Bể thực hiện ba thu cả năm đạt 569.237 kg thóc, gần đạt kế hoạch trên giao. Trong hoàn cảnh đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, với kết quả của công tác ba thu nói trên thể hiện sâu sắc ý thức đóng góp của đồng bào. Trong hai năm 1970-1971, đồng bào các dân tộc tiếp tục nêu cao tinh thần khắc phục khó khăn để dành một phần lương thực, thực phẩm cho sự nghiệp củng cố miền Bắc, giải phóng miền Nam. Tính riêng năm 1971, nghĩa vụ lương thực vụ hạ Ba Bể thực hiện 327.623 kg đạt 109,2% kế hoạch, thuế vụ đông một số hợp tác xã được giảm theo tỷ lệ do thiên tai mất mùa, toàn huyện hoàn thành 100% kế hoạch, trong đó chiếm tỷ lệ 85,29% là thóc thuế và nghĩa vụ lương thực.

Trạm vật tư nông nghiệp, trong điều kiện hòa bình đã tăng cường, mua trâu, bò cày kéo cho miền

xuôi đạt nhiều kết quả tốt, riêng năm 1971 mua được 569 con vượt 13% so với kế hoạch. Đồng thời, trạm bán ra các mặt hàng phục vụ sản xuất nông nghiệp như phân đạm, thuốc trừ sâu, nông cụ... tổng giá trị đạt 104% kế hoạch. Là huyện miền núi, kinh tế chậm phát triển, Ba Bể trong nhiều năm vẫn tham gia xuất khẩu một số mặt hàng như cần câu trúc, sào nhảy bằng trúc, sa nhân... năm 1971 giá mua vào đạt 114% kế hoạch, tăng 49% so với năm 1970.

Được các ngành tài chính, ngân hàng giúp đỡ, năm 1972, Ba Bể thực hiện chính sách ba thu lương thực được gần 800 tấn đạt 80% kế hoạch, năm 1973 đạt 98,9% kế hoạch, năm 1974 tính riêng từ 1-5 đến 30-9-1974, Ba Bể thu mua 312 tấn đạt 105% kế hoạch, cả năm thực hiện gần 90% kế hoạch. Về thực phẩm, qua các năm Ba Bể đều có những đóng góp lớn, riêng năm 1974, Ba Bể thu mua 22.600 kg thịt trâu, bò và lợn hơi, đạt 78%, số trâu thu mua để cung cấp cho miền xuôi làm sức kéo và 867 con bằng 81% kế hoạch. Năm 1975, hướng về đồng bào miền Nam mới được giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, ngành thương nghiệp phối hợp với các ngành, các đoàn thể, hợp tác xã vận động nhân dân đóng góp trâu cày, lương thực cho đồng bào Công Tumul kết nghĩa với Bắc Kạn để khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định sản xuất và đời sống. Đến giữa tháng 6 năm 1975, các mặt hàng do Đảng bộ

và nhân dân các dân tộc Ba Bể ủng hộ gồm 29 con trâu và gần 43 tấn lương thực đã được đưa vào Nam đến với đồng bào tỉnh kết nghĩa.

Xúc tiến cuộc vận động thực hiện ba nghị quyết của Trung ương về đẩy mạnh lao động sản xuất, phát huy quyền làm chủ ở nông thôn, nâng cao chất lượng đảng viên, vai trò lãnh đạo của Đảng, tại Ba Bể còn được kết hợp với cuộc vận động hoàn thiện quan hệ sản xuất mới, củng cố hợp tác xã nông nghiệp theo tinh thần Nghị quyết 58-NQ/BT (30-4-1970) của tỉnh Bắc Thái.

Tình hình hợp tác xã nông nghiệp ở Ba Bể cho tới năm 1969 về cơ bản vẫn được giữ vững. Tuy nhiên, trong một số hợp tác xã nhất là những hợp tác xã yếu kém, lác đác vẫn còn có những hiện tượng trễ nải lao động sản xuất hợp tác xã để dành thời gian sản xuất riêng hoặc xin ra hợp tác xã để làm ăn riêng lẻ. Đa số nhân dân vẫn tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng, gắn bó với hợp tác xã. Chấp hành chủ trương của Đảng, các hợp tác xã đã thực hiện khá tốt điều hòa lương thực cho các đối tượng chính sách như gia đình có con em tòng quân chiến đấu và phục vụ chiến đấu trên các chiến trường, gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng và cả những gia đình neo đơn, các cụ già ở nơi nương tựa, nhờ đó góp phần củng cố hợp tác xã, ổn định hậu phương.

Trong năm 1969, 10 hợp tác xã thuộc 5 xã phía nam huyện và các hợp tác xã Địa Linh, Yên Dương qua thực hiện cải tiến quản lý hợp tác xã đã xây dựng được phương hướng sản xuất toàn diện, chú ý phát triển ngành nghề như khai thác gỗ, làm gạch, ngói... đồng thời đẩy mạnh thâm canh tăng vụ. Toàn huyện đến năm 1971 có 7 hợp tác xã thực hiện được chế độ ba khoán, ba quản, sản xuất tương đối phát triển, đời sống nhân dân căn bản ổn định.

Tuy nhiên, đại bộ phận hợp tác xã còn ở tình trạng không tự lập được kế hoạch sản xuất, làm ăn tùy tiện hoặc mới thực hiện từng phần ba khoán, ba quản, thậm chí có một số ít hợp tác xã làm theo công nhật nên không khuyến khích được lao động. Phần lớn các hợp tác xã không có khả năng tự thanh toán, có những hợp tác xã kéo dài tình hình đó tới 5-7 năm, sổ sách không rõ ràng, có hiện tượng tham ô gây ảnh hưởng xấu trong xã viên. Vì vậy, đến cuối năm 1971, đã có trên 40 hộ ra hợp tác xã, trong đó có hợp tác xã Ca Chi (Cổ Linh) gồm 11 hộ đồng bào Dao tan rã hoàn toàn để làm ăn riêng lẻ khiến nạn phát rừng làm rẫy càng trở nên trầm trọng. Để ngăn chặn ảnh hưởng xấu có nguy cơ càng lan rộng trong các hợp tác xã, Huyện ủy mặt tăng cường lãnh đạo công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong nhân dân mặt khác đẩy mạnh công tác cải tiến quản lý, xây dựng kế hoạch sản xuất

điều hòa lương thực trong các hợp tác xã, đồng thời tổ chức thanh quyết toán, giải quyết những tồn đọng lâu năm, bảo đảm quyền lợi cho xã viên và xử lý các vụ vi phạm tài sản hợp tác xã, xây dựng bầu không khí lao động sản xuất và đoàn kết trong nhân dân.

Thực hiện Chỉ thị số 14 (ngày 24-3-1972) của Tỉnh ủy về việc tập trung chỉ đạo cuộc kiểm kê thanh quyết toán sổ tài vụ hợp tác xã năm 1972, từ đầu năm, Ba Bể đã huy động lực lượng các ngành giúp đỡ các hợp tác xã thanh quyết toán sổ sách, đồng thời giúp các hợp tác xã sản xuất trì trệ, có khả năng tan vỡ bằng cách cử cán bộ, đảng viên tham gia lãnh đạo hợp tác xã, bồi dưỡng cán bộ kế toán tài vụ.

Sau một thời gian tiến hành, hầu chưa đạt được kế hoạch, nhưng đã thực hiện kiểm kê ở 34 trong tổng số 95 hợp tác xã, trong đó có 10 hợp tác xã đã hoàn thành công tác thanh quyết toán, khoán sổ, góp phần ổn định tư tưởng đồng bào, đẩy mạnh sản xuất, đồng thời củng cố được 8 hợp tác xã: Bản Piêng, Bản Ngù, Dài Khao (Cao Trĩ), Bản Pục, Nà Ché (Thượng Giáo), Cốc Lải (Cao Tân), Bản Hon (Bành Trạch), Pác Nghè (Địa Linh) và xây dựng một hợp tác xã mới định canh định cư ở Phiêng Phẳng (Yến Dương). Công tác này còn được tiếp tục trong các năm sau, đến tháng 11 năm 1974, toàn

huyện đã thực hiện thanh quyết toán, khóa sổ tài vụ ở 85 hợp tác xã trong tổng số 101 hợp tác xã, giải quyết căn bản tình trạng dây dưa nợ nần, bảo đảm các quyền lợi chính đáng của xã viên, củng cố thêm một bước quan hệ sản xuất mới.

Trong bối cảnh hợp tác xã ở một địa phương những năm 1971-1972 đang có những dấu hiệu mất ổn định, Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể vẫn quyết tâm thực hiện Nghị quyết 38 của Hội đồng Chính phủ, Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy về cuộc vận động định canh, định cư trong 9 xã gồm 257 hộ với 1.628 nhân khẩu. Để có thêm thực tế làm cơ sở định hướng công tác định canh, định cư trong các dân tộc ít người, du canh, du cư, Huyện ủy đã tổ chức cho đại biểu các dân tộc tham quan các cơ sở sản xuất hạ sơn ngoài huyện như định cư làm giao thông ở Ngân Sơn, trồng chè ở Phú Lương, Định Hóa (Thái Nguyên) một số cơ sở sản xuất công nghiệp của Trung ương và của tỉnh. Kết quả có 5 xã: Thượng Giáo, Địa Linh, Yên Dương, Mỹ Phương và Phúc Lộc đã hoàn thành cuộc vận động định canh, định cư theo chủ trương của huyện bao gồm các tổ chức sản xuất: trồng cây lâm nghiệp, trồng chè, bảo dưỡng các cung đường trong huyện...

Trải qua ba năm đẩy mạnh sản xuất theo hướng thâm canh tăng vụ và nhất là hai năm tiến hành cuộc vận động thực hiện ba nghị quyết lớn của

Trung ương, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể đạt được nhiều thành tích trong lao động sản xuất, cải tiến quản lý hợp tác xã, củng cố quan hệ sản xuất mới, giải quyết định canh, định cư, góp phần quan trọng ổn định đời sống nhân dân.

Về văn hóa giáo dục, trong những năm 1969-1971, trong hoàn cảnh thuận lợi không còn máy bay địch đe dọa, nhiều trường lớp phổ thông trở lại cơ sở cũ, đẩy mạnh các hoạt động giáo dục toàn diện (đức, trí, thể, mỹ) quán triệt phương châm giáo dục của Đảng, động viên phong trào thi đua học tốt và dạy tốt nhằm nâng cao chất lượng giáo dục lên một bước. Học sinh phổ thông các cấp năm học 1969-1970 là 4.487 em, tăng hơn năm học trước gần 9%, chưa kể trên một nghìn học sinh vỡ lòng, đến năm học 1971-1972, học sinh phổ thông toàn huyện lên tới 5.235 em, tăng 8,7% so với năm học 1970-1971. Năm học 1972, đế quốc Mỹ tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai hết sức khốc liệt, các trường lớp nêu cao tinh thần chống Mỹ, cứu nước, khắc phục khó khăn ở nơi sơ tán vẫn bảo đảm dạy và học trong bất kỳ tình huống nào. Quy mô trường lớp được mở rộng, số lượng học sinh tăng lên nhanh chóng. Năm học 1972-1973, tổng số học sinh 3 cấp (cấp I, II, III) là 6.274 em, đến năm học 1975-1976 lên tới 8.881 em, trong đó học sinh cấp III tăng 6,66%, cấp II tăng 12,2%, cấp I tăng hơn

14%. Sau Hiệp định Pari lập lại hòa bình ở Việt Nam, các trường đã dời địa điểm sơ tán về cơ sở cũ ở trung tâm xã và huyện lỵ. Hầu hết các trường lớp được xây dựng chắc chắn có đủ bàn ghế và kể cả sách vở phục vụ cho học tập của học sinh, tiêu biểu là các trường ở Mỹ Phương, Chu Hương, Hà Hiệu, Yến Dương và Địa Linh. Các lớp vỡ lòng cũng được củng cố, đội ngũ giáo viên được bồi dưỡng nghiệp vụ, chất lượng giáo dục nhờ đó được nâng lên.

Được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy, phong trào văn hóa văn nghệ, xây dựng nếp sống mới có nhiều chuyển biến tốt, nhất là việc giảm nhẹ ma chay, cưới xin, đấu tranh bảo đảm sự thực hiện các quy ước mới đã được cộng đồng làng bản xây dựng, chính quyền các cấp phê duyệt.

Công tác vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân đạt được nhiều kết quả. Toàn huyện, 1971 có 22 trạm xá, đặc biệt có 9 trạm xá vùng cao được Nhà nước trợ cấp kinh phí, thuốc và dụng cụ... nên hoạt động tốt đáp ứng nhu cầu cơ bản khám chữa bệnh cho nhân dân.

Ngành y tế vừa phục vụ khám tuyến quân, chữa bệnh cho nhân dân, vừa kết hợp các ngành, các giới tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng và phát triển phong trào "ba dứt điểm" là giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh, nhằm nâng cao một bước chất lượng cuộc sống. Trong năm 1974, toàn huyện làm

được 1.578 hố tiêu, 674 nhà tắm, 157 giếng nước..., những kết quả trên còn thấp so với yêu cầu, song nó góp phần cải thiện thêm một bước điều kiện sinh hoạt của nhân dân.

Là hậu phương kháng chiến, trong điều kiện miền Bắc tạm thời có hòa bình, Đảng bộ Ba Bể vẫn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, ra sức xây dựng và huấn luyện dân quân, tự vệ, thực hiện nhiệm vụ động viên tuyển quân góp phần củng cố quốc phòng, bảo vệ hậu phương và chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy vạch ra phương hướng nhiệm vụ quân sự năm 1969 cho các cơ sở trong tình hình mới là củng cố, nâng cao chất lượng chính trị đi đôi với phát triển rộng khắp và toàn diện lực lượng dân quân tự vệ, chú trọng phát triển nữ, dân tộc ít người nhằm mục đích củng cố và xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đông về số lượng, vững mạnh về chất lượng, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu của địch nếu chúng đánh phá trở lại miền Bắc. Là huyện miền núi, quán triệt yêu cầu của cấp trên, Ba Bể tăng cường công tác củng cố hậu phương mọi mặt, đề phòng địch có thể thả biệt kích câu kết với phản động địa phương thực hiện âm mưu quấy rối hậu phương như tổ chức phi, gây chiến tranh tâm lý...

Để bảo đảm sự thực hiện thắng lợi chỉ thị của Bộ

chỉ huy quân sự tỉnh là "Tích cực củng cố, nâng cao chất lượng dân quân tự vệ", trong chỉ đạo Huyện ủy lấy khâu kiện toàn đội ngũ cán bộ làm trung tâm. Bảo đảm 26 đơn vị xã và thị trấn, cấp trưởng mỗi xã và thị trấn có hai đồng chí xã đội trưởng, một phụ trách quân sự và một phụ trách chính trị, đối với cấp phó cũng vậy, đồng thời triển khai các lớp huấn luyện theo đúng kế hoạch và yêu cầu nhiệm vụ mới.

Về biên chế và tổ chức lực lượng theo phương án tác chiến phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quân sự, kết hợp chặt chẽ với sản xuất, gắn chặt với sự lãnh đạo của Đảng, chú ý thích đáng đến tập quán trong nhân dân. Lực lượng dân quân tự vệ được soát xét lại, đưa những người không còn đủ tiêu chuẩn do tuổi tác cao hoặc phẩm chất đạo đức kém ra khỏi tổ chức, củng cố một bước về đội ngũ.

Lực lượng dân quân tự vệ những năm 1969-1971 ở Ba Bể được củng cố, kiện toàn về tổ chức, tăng cường công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, đã góp phần quan trọng để Đảng bộ Ba Bể hoàn thành nhiệm vụ động viên tuyển quân theo yêu cầu của tỉnh và Quân khu.

Kể từ tháng 4-1972, đế quốc Mỹ từng bước leo thang đẩy mạnh chiến tranh phá hoại lần thứ hai trên lãnh thổ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bằng các kỹ thuật và phương tiện chiến tranh hiện đại như sử dụng máy bay F.111, B.52... nhằm cứu vãn sự thất

bại của chúng trên chiến trường miền Nam, tiếp tục chặn đứng sự chi viện của miền Bắc, đè bẹp ý chí kháng chiến của nhân dân ta, gây sức ép với ta tại bàn Hội nghị Pari.

Quán triệt chủ trương, phương hướng nhiệm vụ quân sự của tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể tăng cường công tác lãnh đạo quân sự địa phương phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Trong sáu tháng đầu năm 1972, các B gần huyện, đơn vị cơ động, các tổ đội chuyên môn, dân quân tự vệ cơ quan, trường học tiếp tục củng cố về tổ chức, phát triển về số lượng, chất lượng, đẩy mạnh mọi hoạt động.

Đáp ứng kịp thời yêu cầu chiến đấu và phục vụ chiến đấu, đến tháng 6 năm 1972 các xã Nhạn Môn, Bằng Thành, Bộc Bó... đã triển khai xong công tác huấn luyện, tới cuối năm các cơ sở đã hoàn thành huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu khi tình huống xảy ra. Về lực lượng phát triển được thêm 215 dân quân tự vệ, củng cố một bước hậu phương kháng chiến.

Năm 1973, theo chủ trương của tỉnh, trong công tác xây dựng lực lượng dân quân tự vệ tiếp tục "Lấy việc kiện toàn đội ngũ cán bộ làm khâu trung tâm". Thực hiện chủ trương trên, Ban chỉ huy quân sự huyện Ba Bể liên tiếp mở năm lớp bồi dưỡng quân sự, chính trị cho cán bộ các cấp, kiện toàn một bước về tổ chức, cử các đồng chí cấp ủy có năng lực nắm

các chức vụ quan trọng xã đội trưởng dân quân về quân sự và chính trị. Trong huấn luyện, coi trọng củng cố, nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, tư tưởng, rèn luyện kỹ chiến thuật, duy trì kỷ luật và chấp hành chính sách chế độ. Toàn huyện có 26 đơn vị dân quân và 5 đơn vị tự vệ cơ quan, tính đến tháng 10 năm 1973 có trên nửa số xã đã triển khai xong huấn luyện. Số còn lại như: Mỹ Phương, Yên Dương, Địa Linh, Thượng Giáo, Thị trấn và 5 đơn vị tự vệ cơ quan sau đó tiếp tục được triển khai nhằm bảo đảm yêu cầu phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Cùng với việc đẩy mạnh phát triển rộng rãi lực lượng dân quân tự vệ, thực hiện chủ trương của tỉnh, Đảng bộ Ba Bể còn ra sức xây dựng, củng cố các đơn vị cơ động, lực lượng nòng cốt, chú ý vùng xung yếu, trọng điểm, bảo đảm yêu cầu chiến đấu và phục vụ chiến đấu khi có tình huống xảy ra, bảo đảm thực hiện phương án chống gián điệp, biệt kích, bạo loạn... giữ vững an ninh, quốc phòng.

Ngày 31 tháng 10 năm 1974, được sự chỉ đạo của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Ba Bể tiến hành công tác diễn tập quân sự ở khu vực hồ Ba Bể theo phương án chống gián điệp, biệt kích đạt kết quả tốt, góp phần nâng cao ý thức cảnh giác, tinh thần sẵn sàng chiến đấu trong nhân dân.

Theo chỉ đạo của tỉnh, trong năm 1973 công tác

xây dựng đơn vị cơ động, các tổ đội chuyên môn và các đơn vị binh chủng được bố trí trên địa bàn huyện phù hợp với nhiệm vụ quân sự và phương án tác chiến, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước.

Quán triệt Chỉ thị 210 CT/TW của Ban Bí thư Trung ương, về công tác quân sự địa phương trong giai đoạn mới của Tỉnh ủy Bắc Thái (5-12-1974) nhấn mạnh: "Hiện nay đất nước vẫn còn ở trong tình trạng vừa có hòa bình vừa có chiến tranh, việc lãnh đạo sản xuất không thể tách khỏi lãnh đạo chiến đấu hai nhiệm vụ có quan hệ khăng khít với nhau. Do vậy, công tác quân sự địa phương là một trong những công tác chủ yếu mà cấp ủy Đảng phải quan tâm".

Xác định rõ trách nhiệm của mình, năm 1974, các cấp ủy lãnh đạo công tác huấn luyện quân sự hoàn thành sớm chương trình, kế hoạch, đạt kết quả cao ở tất cả các cấp. Đặc biệt, dân quân các xã Khang Ninh, Nam Mẫu, Cao Thượng thực hiện phối kết hợp diễn tập quốc phòng toàn dân thu hút đông đảo nhân dân tham gia công tác bảo vệ trị an xã hội. Đồng thời, trong chỉ đạo các cấp ủy còn chú ý gắn công tác quân sự địa phương với việc đẩy mạnh sản xuất, thực hiện kế hoạch ba thu lương thực, thực phẩm đáp ứng yêu cầu tiên tuyến.

Về xây dựng lực lượng, Đảng bộ Ba Bể phấn đấu

thực hiện Nghị quyết 61 của Quân ủy Trung ương chỉ ra cho các địa phương về công tác quân sự năm 1975 là trong "bất kỳ tình huống nào cũng phải ra sức xây dựng quân dân tự vệ làm lực lượng gốc của lực lượng vũ trang và vũ trang toàn dân". Quân khu Việt Bắc còn chỉ ra phương hướng cụ thể cho các địa phương về công tác xây dựng lực lượng trong hoàn cảnh lịch sử mới là: tập trung sức cố gắng nâng cao chất lượng dân quân tự vệ hiện có, trên cơ sở đó mà phát triển mở rộng thêm lực lượng, giữ tỷ lệ từ 11-12% so với số dân; trước hết là củng cố nâng cao đội ngũ cán bộ xã, cán bộ cơ sở tự vệ, du kích và tự vệ chiến đấu nhất là các đơn vị cơ động, đơn vị binh chủng, tổ chức các đội, chuyên môn... tập trung vào các vùng trọng điểm, sẵn sàng chiến đấu giữ vững trật tự, trị an xã hội.

Thực hiện theo phương hướng trên của Quân khu là một quyết tâm lớn của Đảng bộ, nhất là chỉ tiêu phát triển dân quân, tự vệ so với số dân. Về đội ngũ cán bộ chỉ huy các cấp dân quân tự vệ, qua bầu cử Hội đồng nhân dân (4-1975) được đổi mới và bổ sung thêm nhiều cán bộ trẻ có trình độ năng lực, các cơ sở hầu hết được kiện toàn về tổ chức, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng đối với lực lượng vũ trang.

Công tác quân sự địa phương trong những năm 1974-1975 của Ba Bể, qua kiểm tra được Bộ chỉ huy

quân sự tỉnh đánh có nhiều tiến bộ, chấp hành tốt chính sách, số lượng gia đình quân nhân đông, song đã bảo đảm được việc cấp phát "đủ số, đúng kỳ, tận tay" ít xảy ra nhầm lẫn hao hụt, được cấp ủy Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng quan tâm đã góp phần ổn định đời sống các gia đình thuộc diện chính sách, động viên nhân dân đóng góp sức của, sức người cho tiền tuyến.

Những chuyển biến trong công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện dân quân tự vệ đã góp phần thúc đẩy công tác động viên tuyển quân trong những năm 1972-1975 ở Ba Bể dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ đạt nhiều tiến bộ so với những năm trước.

Năm 1972, tỉnh giao cho Ba Bể tuyển 420 quân nhân, thực hiện trong ba đợt, Đảng bộ Ba Bể đã ra sức lãnh đạo, động viên nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ này, trong đó riêng đợt ba, con em các dân tộc lên đường nhập ngũ vượt 7% kế hoạch.

Để tăng cường lực lượng cho kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở cả hai miền Nam, Bắc, thực hiện chủ trương của Trung ương, công tác tuyển quân năm 1973 được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chỉ thị thực hiện từ cuối tháng 11 năm 1972. Chỉ thị nhấn mạnh: "Phát huy thành tích công tác năm 1972, bất kỳ tình huống nào Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Bắc Thái kiên quyết hoàn thành tốt công tác tuyển quân năm 1973 đạt và vượt chỉ tiêu quân số, bảo

đảm chất lượng tốt, ra quân đúng thời gian... góp phần chi viện cho tiền tuyến tích cực, khẩn trương và đầy đủ nhất".

Thực hiện Chỉ thị của Tỉnh ủy và các chiến dịch do tỉnh phát động: "Đông - Xuân ra quân thắng Mỹ", "Phát cờ hồng Tháng Tám ra quân vượt mức", Huyện ủy Ba Bể ra sức chỉ đạo các cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ động viên tuyển quân năm 1973 đạt yêu cầu cao nhất. Kết quả sau ba đợt động viên, Ba Bể thực hiện đạt 92% kế hoạch, riêng đợt hai vượt 44% chỉ tiêu tỉnh giao. Con em các dân tộc Ba Bể hăng hái lên đường tòng quân giết giặc đã phát huy truyền thống yêu nước của quê hương anh dũng chiến đấu trên các chiến trường, lập nhiều chiến công xuất sắc góp phần đập tan cuộc tập kích bằng máy bay B.52 của giặc Mỹ từ 18 - 29-12-1972 vào Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Thái... Trong cuộc chiến đấu bảo vệ hàng hóa, tài sản của Nhà nước tại ga Lưu Xá thuộc thành phố Thái Nguyên, ngày 22 tháng 12 năm 1972, 9 thanh niên xung phong là con em ưu tú của các dân tộc Ba Bể đã anh dũng hy sinh.

Với trận "Điện Biên Phủ trên không" của quân và dân ta ở miền Bắc cuối tháng 12 năm 1972 buộc đế quốc Mỹ phải chấm dứt ý đồ "đàn phán trên thế mạnh", phải đi đến ký kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam

(27-1-1973) buộc Mỹ phải rút quân về nước. Đây là thắng lợi đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, tạo điều kiện cơ bản cho việc giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Thắng lợi của quân và dân hai miền Nam - Bắc cổ vũ mạnh mẽ phong trào "Ba sẵn sàng" trong thanh niên và "Ba đảm đang" trong phụ nữ, nhờ đó mà công tác động viên tuyển quân ở Ba Bể năm 1974 đạt 121% và 1975 đạt 105,5% kế hoạch, góp phần chi viện của hậu phương vào đại thắng mùa Xuân 1975.

Ngoài công tác tuyển quân, Đảng bộ Ba Bể còn quan tâm lãnh đạo việc tuyển lao động cho các ngành. Nhiều em học sinh sau khi tốt nghiệp các trường phổ thông cấp II, III đã có cơ hội theo học các trường công nhân kỹ thuật, Đại học và Trung học chuyên nghiệp hoặc tham gia lao động trên các công, nông, lâm trường, xí nghiệp... góp phần xây dựng quê hương.

Trong chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của giặc Mỹ, nhân dân các dân tộc Ba Bể đã vươn lên giành nhiều thắng lợi quan trọng trên các mặt, hậu phương kháng chiến không ngừng được củng cố, góp phần chi viện cho tiền tuyến đánh Mỹ và thắng Mỹ. Thành tích vẻ vang đó gắn liền với vai trò lãnh đạo của Đảng bộ và sự chỉ đạo của Tỉnh ủy.

Trong những năm 1969-1975, với Ba Bể còn là thời kỳ Đảng bộ ra sức xây dựng Đảng bộ vững mạnh về mọi mặt. Cuộc vận động học tập Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị nhằm nâng cao chất lượng đảng viên, Đảng bộ triển khai từ tháng 10 năm 1970, qua học tập, tự kiểm điểm ở các chi bộ đã góp phần nâng cao chất lượng đảng viên theo tinh thần Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị. Trong quá trình tiến hành cuộc vận động, Đảng bộ còn hết sức quan tâm đến công tác phát triển Đảng, năm 1971, Đảng bộ đẩy mạnh đợt bồi dưỡng giáo dục trong đoàn viên thanh niên, kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh. Tính từ năm 1969-1971, Đảng bộ đã kết nạp được 35 đảng viên mới, đội ngũ của Đảng được tăng cường thêm nhiều lực lượng thanh niên, con em ưu tú của các dân tộc. Đảng bộ thêm trưởng thành vững mạnh để vươn lên thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng khi đế quốc Mỹ trở lại âm mưu bắn phá miền Bắc lần thứ hai hết sức tàn bạo. Để nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo của mình, Đảng bộ huyện luôn quan tâm công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức tình hình nhiệm vụ cách mạng trong toàn Đảng bộ, đặc biệt trong thời kỳ này, Đảng bộ tiếp tục cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, chi bộ. Năm 1973, Ban Chấp hành Đảng bộ đã rà soát lại việc thực hiện Nghị quyết 195 của Bộ Chính trị làm cơ sở để triển khai cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư

Trung ương đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, cuộc vận động lần này còn được kết hợp với việc thực hiện Nghị quyết 33 của Tỉnh ủy, Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, làm trong sạch hàng ngũ của Đảng, ngăn chặn và xử lý các hiện tượng đảng viên tham ô, lãng phí, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa.

Chi bộ xã Bộc Bó và Thị trấn được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chọn làm thí điểm triển khai cuộc vận động học tập Chỉ thị 192. Đầu tháng 9 năm 1974, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện sơ kết rút kinh nghiệm trên cơ sở đánh giá công tác thí điểm đạt kết quả tốt. Ngày 9 tháng 9 năm 1974, Ban Chấp hành Đảng bộ quyết định triển khai cuộc vận động tại các chi bộ thuộc 11 xã và chi bộ y tế (thí điểm chi khối cơ quan). Được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo tăng cường cán bộ, Đảng bộ Ba Bể trưng tập 45 cán bộ cho đợt công tác này.

Từ tháng 10 năm 1974, cuộc vận động học tập Chỉ thị 192 được tiến hành sâu rộng trong nhiều chi bộ, 362 đảng viên trong tổng số 427 đảng viên (thuộc các chi bộ triển khai học tập) đã hăng hái tham gia. Số đảng viên chưa có điều kiện học tập lần này, được tổ chức học ngay sau đó. Đảng bộ coi đây là cuộc sinh hoạt chính trị hết sức quan trọng, nhằm nâng cao chất lượng đảng viên. Trong quá

trình thực hiện bước hai là bước tổ chức học tập tự kiểm điểm của đảng viên trong chi bộ, qua tự phê bình và phê bình, kiểm tra, xem xét của chi bộ, phát hiện những đảng viên mắc khuyết điểm không đủ tư cách, các chi bộ đã kiên quyết xử lý kỷ luật theo tinh thần Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương. Qua kiểm tra, khóa sổ ở 85 hợp tác xã (11-1970) cho thấy số nợ của cán bộ, đảng viên chiếm tỷ lệ 32,9% trong tổng số nợ của xã viên đối với hợp tác xã, có một số đảng viên là chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã còn nợ lớn gây ảnh hưởng xấu trong nhân dân. Quán triệt Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, các chi bộ đã yêu cầu những đảng viên còn nợ tiền và thóc đối với hợp tác xã phải thanh toán kịp thời nhằm củng cố niềm tin trong nhân dân, nhờ đó mà củng cố được một số hợp tác xã đang có nguy cơ tan vỡ.

Giữa tháng 8 năm 1975, Ba Bể tiến hành Đại hội Đảng bộ lần thứ X, bầu ra Ban Chấp hành Đảng bộ và Ban Thường vụ Huyện ủy mới do đồng chí Triệu Cao Ngọc làm Bí thư¹. Về công tác xây dựng Đảng, Nghị quyết Đại hội nhấn mạnh tiếp tục thực hiện

1. Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 25 đồng chí, Phó bí thư gồm các đồng chí: Đàm Đình Phùng, Ma Văn Phú, Ủy viên Ban Thường vụ gồm các đồng chí: Vi Văn Dương, Hà Văn Quý, Vi Ngọc Thịnh, Nông Ngọc Phủ.

cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên của Trung ương nhằm tăng cường hơn nữa vai trò lãnh đạo của Đảng.

Đến tháng 10 năm 1975, cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192 của Ban Bí thư Trung ương được triển khai ở tất cả các chi bộ trong toàn Đảng bộ, chẳng những góp phần quan trọng làm trong sạch đội ngũ Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên mà còn có tác dụng tăng cường khối đoàn kết nhất trí trong Đảng và nhân dân nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, xã hội do Đại hội Đảng bộ khóa X đề ra.

Trải qua bảy năm (1969-1975), nhân dân các dân tộc Ba Bể dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng trên các mặt vừa củng cố hậu phương kháng chiến vừa góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân làm thất bại chiến lược "Việt Nam hóa" chiến tranh của đế quốc Mỹ, đánh cho Mỹ cút, tiến lên đánh cho ngụy nhào trong đại thắng mùa Xuân năm 1975, kết thúc 21 năm đấu tranh, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trong ngày vui chiến thắng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể hết sức tự hào rằng trong

kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Ba Bể đã làm tròn nghĩa vụ của người hậu phương ra sức đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến. Phát huy tinh thần yêu nước, cách mạng, đáp ứng tiếng gọi thiêng liêng chống Mỹ, cứu nước của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, hơn 2000 con em các dân tộc của Ba Bể đã lên đường¹, có mặt trên các chiến trường miền Bắc, miền Nam và làm nhiệm vụ quốc tế trên nước bạn, trong đó 312 con em đã hy sinh vì độc lập, tự do của Tổ quốc (tính cả trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ Ba Bể có 375 liệt sĩ), 85 con em để lại một phần xương máu của mình trên chiến trường, trở thành thương bệnh binh. Mặc dù đời sống còn có những khó khăn, song hàng năm đồng bào đã đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam từ 600-700 tấn lương thực, từ 50-60 tấn thực phẩm các loại và từ 600-700 con trâu, bò cày kéo... với những đóng góp tích cực của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong cách mạng và trong kháng chiến chống thực dân Pháp, nhiều cá nhân, đơn vị ở Ba Bể đã được Đảng, Nhà nước ta tặng bằng có công với nước, nhiều huân, huy chương và bằng khen các loại, đặc biệt là Đảng bộ và nhân dân xã Khang Ninh và Thượng Giáo được tặng danh hiệu "Anh hùng lực

1. Tính cả trong kháng chiến chống Pháp là hơn 3.300 người đã lên đường tòng quân giết giặc.

lượng vũ trang" đó là niềm tự hào của nhân dân các dân tộc và toàn Đảng bộ. Trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, nhiều cá nhân, đơn vị đã được Đảng và Nhà nước tặng nhiều huân, huy chương và danh hiệu cao quý. Đây chính là nguồn động viên to lớn của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tiếp tục tiến lên giành nhiều thắng lợi mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm 1954-1975, thực hiện chủ trương của Trung ương, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc hoàn thành cuộc vận động giảm tô, khác phục những sai lầm trong quá trình phát động giảm tô, tăng cường kiểm tra, tăng cường khởi động kết hợp Đảng và nông nhân dân các dân tộc, tiến hành khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa giáo dục, tạo ra những tiến bộ thuận lợi để Đảng bộ vững bước tiến lên thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội (trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất).

Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960), Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bè xác định nhiệm vụ chủ yếu là vận động hợp tác hóa nông nghiệp, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể theo đúng đường lối, phương châm và nguyên tắc mà Trung

KẾT LUẬN

Kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954), phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của mình, Đảng bộ Ba Bể ra sức lãnh đạo nhân dân tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ, cứu nước (1954-1975).

Trong những năm 1954-1975, thực hiện chủ trương của Trung ương, Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc hoàn thành cuộc vận động giảm tô, khắc phục những sai lầm trong quá trình phát động quần chúng triệt để giảm tô, tăng cường khối đoàn kết trong Đảng và trong nhân dân các dân tộc, tiến hành khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa giáo dục, tạo ra những tiền đề thuận lợi để Đảng bộ vững bước tiến lên thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960), Ban Chấp hành Đảng bộ Ba Bể xác định nhiệm vụ chủ yếu là vận động hợp tác hóa nông nghiệp, đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể theo đúng đường lối, phương châm và nguyên tắc mà Trung

ẢNH MỘT SỐ ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ
HUYỆN ỦY BA BỂ QUA CÁC THỜI KỲ



Đ/c Vũ An Ninh
Bí thư Huyện ủy
(1950-1951)



Đ/c Lê Thành Bình
Bí thư Huyện ủy
(1954-1957)



Đ/c Nông Văn Hà
Bí thư Huyện ủy
(1958-1972)



Đ/c Triệu Cao Ngọc
Bí thư Huyện ủy
(1973-1975)

THE HISTORY OF THE
CITY OF BOSTON



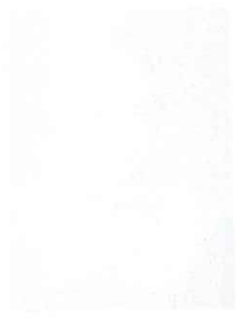
Seal of the City of Boston
1780



Seal of the City of Boston
1780



Seal of the City of Boston
1780



Seal of the City of Boston
1780

ương đã đề ra. Cho tới cuối năm 1960, đông đảo nhân dân các dân tộc đã tham gia hợp tác xã nông nghiệp, nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa của Đảng bộ căn bản hoàn thành, đáp ứng được nhu cầu xây dựng miền Bắc thành hậu phương kháng chiến, căn cứ địa cách mạng của cả nước.

Theo chủ trương của Trung ương, cuộc vận động xây dựng hợp tác xã nông nghiệp ở Ba Bể còn được Đảng bộ kết hợp cuộc vận động cải cách dân chủ xóa bỏ tàn tích thực dân, phong kiến, xóa bỏ cơ sở phi. Kết quả sự phối kết hợp hai cuộc vận động nói trên đã củng cố một bước quan hệ sản xuất mới, nâng cao giác ngộ giai cấp, chủ nghĩa xã hội đối với nông dân, củng cố chính quyền, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, làm trong sạch địa bàn, giữ vững an ninh xã hội.

Bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), Đảng bộ Ba Bể tiếp tục đẩy mạnh củng cố và mở rộng phong trào hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp với cuộc vận động định canh định cư, xây dựng vùng xung yếu theo chủ trương của Tỉnh ủy. Triển khai thực hiện nhiệm vụ, Đảng bộ gặp không ít khó khăn, song được Tỉnh ủy quan tâm chỉ đạo, Đảng bộ Ba Bể từng bước giành được những thắng lợi quan trọng có tác dụng củng cố khối đoàn kết thống nhất dân tộc, đoàn kết giữa nhân dân vùng cao và vùng thấp, ổn định căn bản

sản xuất và đời sống đại bộ phận nhân dân các dân tộc vùng cao vốn sống du canh, du cư, củng cố hậu phương, căn cứ địa cách mạng.

Để đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế, ổn định và cải thiện căn bản đời sống xã viên, Đảng bộ tập trung lãnh đạo công tác cải tiến quản lý hợp tác xã, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, tăng năng suất và sản lượng lương thực, phát triển chăn nuôi ngành nghề trong các hợp tác xã.

Thắng lợi của việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, mà nội dung cơ bản là phát triển sản xuất lương thực, đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật, tư tưởng văn hóa được kết hợp chặt chẽ, bước đầu tạo nên những chuyển biến trong kinh tế, xã hội ở Ba Bể. Cho dù sản xuất kinh tế trong các hợp tác xã còn chậm phát triển, đời sống của một bộ phận nhân dân còn có những khó khăn, song tính ưu việt của các hợp tác xã trong phân phối, điều hòa sản phẩm lao động đã bảo đảm đời sống cho các gia đình thuộc diện chính sách, góp phần quan trọng củng cố hậu phương, động viên sức của, sức người cho tiền tuyến.

Quán triệt sâu sắc nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước (1965-1975), Đảng bộ Ba Bể hết sức coi trọng nhiệm vụ xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, phấn đấu thực hiện "thóc không thiếu một cân, quân

không thiếu một người", góp phần cùng quân dân miền Bắc hai lần đánh bại chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc, bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, ra sức chi viện cho đồng bào miền Nam đánh Mỹ và thắng Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Từ thực tiễn tổ chức, lãnh đạo phong trào cách mạng, xây dựng Đảng qua các thời kỳ, đã để lại cho Đảng bộ những bài học kinh nghiệm quý báu.

1. Tăng cường sự đoàn kết, nhất trí trong Đảng làm cơ sở để thực hiện sự đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc.

Trong *Di chúc* thiêng liêng để lại, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Đoàn kết là một truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta". Tư tưởng ấy đã được Đảng ta và Hồ Chí Minh quán triệt ngay từ khi Đảng mới thành lập. Nhờ Đảng ta biết đoàn kết nhất trí trong Đảng, đoàn kết chặt chẽ nhân dân, Đảng đã đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Thấm nhuần tư tưởng đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, qua các thời kỳ vận động cách mạng từ 1954-1975, lúc thuận lợi cũng như lúc khó khăn, Đảng bộ Ba Bể đã nêu cao sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, làm cơ sở đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc.

Đảng bộ coi thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để xây dựng đoàn kết nhất trí trong Đảng. Qua các đợt củng cố tổ chức Đảng (1955-1957), thực hiện cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, chi bộ theo tiêu chuẩn "4 tốt" và các cuộc vận động học tập Nghị quyết số 195 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 192 của Ban Bí thư..., các cấp ủy, chi bộ đã mở rộng dân chủ thẳng thắn đấu tranh đối với những biểu hiện tiêu cực vi phạm chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, trái với Điều lệ Đảng quy định... ảnh hưởng tới phẩm chất của người đảng viên, làm giảm sút vai trò lãnh đạo, uy tín của Đảng.

Qua các cuộc chỉnh đốn Đảng, chẳng những nâng cao sự đoàn kết nhất trí trong Đảng mà còn có tác dụng củng cố niềm tin của nhân dân các dân tộc đối với Đảng bộ, tăng cường khối đoàn kết trong nhân dân và đoàn kết giữa Đảng với dân, động viên nhân dân hăng hái tiến lên thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ của cách mạng.

2. Chỉnh đốn Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên phải gắn liền với công tác phát triển Đảng làm cho đội ngũ Đảng không ngừng lớn mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trong từng thời kỳ lịch sử, để đáp ứng tình hình nhiệm vụ mới, công tác chỉnh đốn Đảng thường đặt

ra không ngoài mục đích nâng cao chất lượng đảng viên, năng lực tổ chức và lãnh đạo của Đảng. Từ năm 1954-1975, Đảng bộ Ba Bể từng trải qua các đợt chỉnh đốn, nhờ đó mà tổ chức Đảng được củng cố mọi mặt, làm cho Đảng bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trong khi triển khai các cuộc vận động chỉnh đốn Đảng, nâng cao chất đảng viên, chi bộ, Ban Chấp hành Đảng bộ hết sức quan tâm đến công tác phát triển Đảng, coi đó là một nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng Đảng. Hầu hết các cấp ủy Đảng đều có kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng những quần chúng tích cực, đặc biệt là trong thanh niên về chủ nghĩa Mác - Lênin, lý tưởng của Đảng... nhờ vậy mà nhiều chi bộ, Đảng bộ làm tốt công tác phát triển Đảng. Đội ngũ đảng viên ngày càng được bổ sung thêm nhiều đảng viên mới, tỷ lệ đảng viên trẻ, có trình độ văn hóa, năng lực chuyên môn được nâng lên rõ rệt. Năm 1957, Đảng bộ mới có 249 đảng viên với 16 chi bộ, đến năm 1975, số đảng viên trong toàn Đảng bộ đã lên tới gần một nghìn đồng chí, tất cả các xã đều có chi bộ, một số xã có Đảng bộ, hầu hết các hợp tác xã có chi bộ hoặc tổ Đảng làm hạt nhân lãnh đạo.

Do quán triệt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng mà chất lượng đảng viên mới kết nạp cũng được nâng lên, đặc biệt là các đợt kết nạp Đảng

trong các cuộc vận động nâng cao chất đảng viên, học tập các Nghị quyết, Chỉ thị 195, 192 của Trung ương, lớp đảng viên Hồ Chí Minh...

3. Thực hiện sự bình đẳng giữa các dân tộc, chăm lo tới đời sống của đồng bào ở cả vùng cao lẫn vùng thấp.

Là huyện miền núi, có nhiều dân tộc cùng sinh sống, sự chênh lệch về trình độ sản xuất, đời sống kinh tế, văn hóa xã hội giữa các dân tộc vùng thấp và vùng cao vốn có từ trước đây không dễ gì giải quyết trong một thời gian ngắn. Kẻ thù của cách mạng luôn tìm cách lợi dụng, khoét sâu những mâu thuẫn trong nội bộ giữa các dân tộc do hậu quả chính sách thống trị của đế quốc, phong kiến để lại, gây chia rẽ giữa đồng bào vùng cao và vùng thấp, gây dựng cơ sở phản động, tổ chức phỉ trong một bộ phận dân cư vùng cao, vùng sâu chặm tiến bộ.

Ngay sau ngày hòa bình lập lại, Đảng bộ một mặt tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong nhân dân, nâng cao giác ngộ giai cấp, chủ nghĩa xã hội, thực hiện sự bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc, mặt khác có chính sách đúng đắn tạo nên động lực phát triển kinh tế, văn hóa giáo dục đồng đều giữa các vùng, nhất là quan tâm tới đồng bào vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Nhờ những cố gắng trên mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể đã xóa được những tàn tích thực dân, phong

kiến, cơ sở phi, xóa bỏ những nghi kỵ, mặc cảm, vướng mắc giữa các dân tộc, tăng cường khối đoàn kết toàn dân, củng cố hậu phương.

4. Từ thực tiễn hoạt động của Đảng bộ còn cho thấy một kinh nghiệm quý báu của Đảng bộ là cần có kế hoạch và ra sức xây dựng một đội ngũ cán bộ địa phương có đủ trình độ, năng lực giải quyết những nhiệm vụ chính trị của Đảng. Việc đào tạo cán bộ cho Đảng bộ và các cấp, các ngành luôn được Ban Chấp hành Đảng bộ quan tâm, vừa xây dựng một đội ngũ cán bộ đủ để giải quyết những nhiệm vụ hiện tại vừa tạo ra một lực lượng kế cận cho lâu dài, song có những thời gian vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước đang đặt ra cho Đảng bộ một trong những nhiệm vụ quan trọng là tiếp tục xây dựng một đội ngũ cán bộ có trình độ chính trị vững vàng, có năng lực chuyên môn giỏi để thực hiện ngày càng tốt hơn những nhiệm vụ chính trị mà Đảng giao cho.

Trải qua 21 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ, cứu nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Ba Bể lập được nhiều thành tích vẻ vang, góp phần viết nên trang sử vàng của dân tộc. Ngày nay, trong điều kiện lịch sử mới, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc đang hăng hái tiến lên giành những thắng lợi mới ngày càng to lớn hơn nhằm xây dựng

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh - Tuyển tập, T2, NXB ST, H. 1980
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, Kế hoạch sửa chữa sai lầm của tỉnh Bắc Kạn, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tình hình công tác năm 1957, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tổng kết sản xuất năm 1959, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.
5. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tổng kết công tác hợp tác hóa nông nghiệp kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tổng kết năm 1963, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.
7. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tổng kết năm 1965, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.
8. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Dự thảo báo cáo tại Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V (11-1961), lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.
9. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện tại Đại hội lần thứ VI.
10. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Chợ Rã, Báo cáo tổng kết công tác năm 1965, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.

11. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Chỉ thị về việc củng cố tổ chức bồi dưỡng lực lượng công an XHCN, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.

12. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Dự thảo phương hướng kế hoạch công tác năm 1966, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.

13. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tổng kết công tác năm 1967, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.

14. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng bộ huyện Chợ Rã, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.

15. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, Báo cáo tổng kết năm 1969, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.

16. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, về việc triển khai cuộc vận động thực hiện ba Nghị quyết lớn của Trung ương và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn tỉnh lần thứ nhất, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.

17. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tổng kết năm 1971, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.

18. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo tóm tắt tình hình và số liệu cơ bản 5 nhiệm vụ lớn của năm 1972, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.

19. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Rã, Báo cáo công tác tháng 10 năm 1975, lưu trữ Huyện ủy Ba Bể.

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu</i>	5
Chương I: ĐẢNG BỘ BA BỂ TRONG THỜI KỲ ĐẦU XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1954-1965)	7
I. Hoàn thành giảm tô, khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa (1954-1957)	7
II. Cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960) và xây dựng chủ nghĩa xã hội (1961-1965)	32
Chương II: ĐẢNG BỘ BA BỂ TRONG NHỮNG NĂM CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC (1965-1975)	79
I. Xây dựng hậu phương vững mạnh mọi mặt, góp phần đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của giặc Mỹ ở miền Bắc, ra sức chi viện cách mạng miền Nam (1965-1968)	79
II. củng cố hậu phương, ra sức chi viện cho tiền tuyến, góp phần đánh bại chiến tranh phá hoại lần thứ hai của giặc Mỹ ở miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc	115
<i>Kết luận</i>	152
<i>Tài liệu tham khảo</i>	161

MỤC LỤC

In 950 cuốn, khổ 13x19, tại Xưởng in Giao thông. Giấy phép xuất bản số 05/VHTT và TT-GP do Sở Văn hóa thông tin Bắc Kạn cấp ngày 22-2-2001. Nộp lưu chiểu tháng tháng 5-2001.